

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 113/2021/GELEX-CBTT

Hà Nội, Ngày 19 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Phương

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2021 tại đường dẫn: <https://gelex.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên của Gelex năm 2020

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2020



GELEX

MỤC LỤC

01 /

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	6
GELEX- Một năm nhìn lại	10

02 /

TỔNG QUAN VỀ GELEX

Quá trình hình thành và phát triển	20
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh	22
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị	24
Các công ty con, công ty liên doanh liên kết	28
Định hướng phát triển	32
Các rủi ro	34

03 /

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2020	40
Tình hình đầu tư	54
Tình hình tài chính	56
Cơ cấu cổ đông và quá trình thay đổi vốn của chủ sở hữu	58

04 /

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của ban Tổng Giám đốc	64
Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	70
Định hướng hoạt động năm 2021	72

05 /

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo của Hội đồng quản trị	76
-------------------------------	----

06 /

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của đại hội đồng cổ đông	80
Hội đồng quản trị (năm 2020)	81
Ủy ban kiểm toán (năm 2020)	90
Đào tạo về quản trị công ty	92
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị	93
Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ	94
Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác	101
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (năm 2020)	102

07 /

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững	114
-----------------------------	-----

08 /

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	122
Báo cáo của ban tổng giám đốc	124
Báo cáo kiểm toán độc lập	125
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	127
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	131
Báo cáo lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	133
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	136

PHẦN

/01

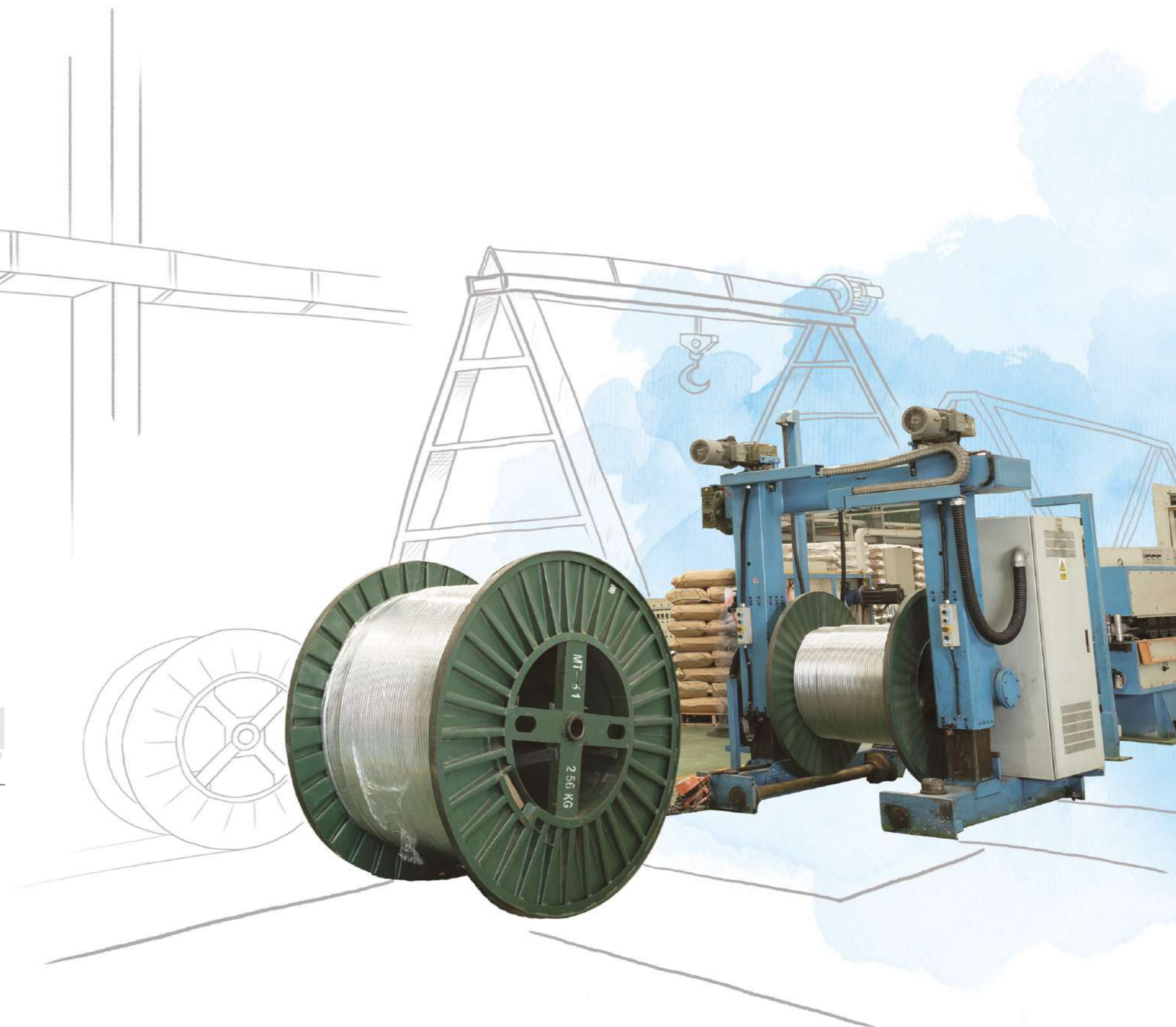
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

6

GELEX- Một năm nhìn lại

10



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, các đối tác và các nhà đầu tư!

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("GELEX"), tôi xin gửi lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2020 là một năm nhiều thách thức với hoạt động sản xuất kinh doanh trên toàn thế giới và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến sự đóng cửa quy mô lớn ở khắp các nền kinh tế, làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu trong khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung vẫn chưa hạ nhiệt là những nhân tố tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh. Giữa bối cảnh này, Việt Nam lại là điểm sáng với những thành tích phòng chống dịch Covid-19 phi thường và duy trì tăng trưởng kinh tế thuộc nhóm cao nhất thế giới. Hòa chung với các thành tựu của nền kinh tế nước nhà, cùng với sự nhanh nhạy trong chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo, và sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ nhân viên, GELEX cũng đồng thời chứng tỏ được nội lực mạnh mẽ bằng kết quả kinh doanh tích cực và nhiều giải thưởng danh giá. Cụ thể, GELEX lần thứ 4 liên tiếp được trao danh hiệu Thương hiệu quốc gia và được vinh danh trong "Top 15 doanh nghiệp niêm yết có hiệu quả kinh doanh tốt nhất 3 năm liên tiếp", tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu tại thị trường thiết bị điện Việt Nam.

Hành trình 2020

Năm 2020, GELEX đạt 17.949 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, tăng trưởng 17,2% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 1.197 tỷ đồng, tăng 11,8% so với 2019.

Trong năm 2020, với thông điệp "Nâng cao năng lực sản xuất của các lĩnh vực cốt lõi", GELEX tiếp tục tập trung phát

triển 02 mảng kinh doanh cốt lõi là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng.

Trong hoạt động sản xuất thiết bị điện, với nền tảng sở hữu nhiều thương hiệu uy tín quốc gia, như CADIVI, THIBIDI, EMIC, MEE, HEM, ... GELEX tiếp tục nhận được sự ủng hộ của người tiêu dùng và tăng trưởng thị phần. Tổng Công ty cũng đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, hiện đại hóa công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, từ đó đưa ra nhiều sản phẩm thiết bị điện đa dạng, phù hợp với xu thế luôn thay đổi của thị trường. Đặc biệt, trong năm vừa qua, GELEX liên tục ra mắt các sản phẩm mới với các tính năng tiết kiệm điện và thân thiện với môi trường, gia tăng lợi thế cạnh tranh bền vững.

Đối với mảng hạ tầng, Tổng Công ty tập trung phát triển nguồn năng lượng sạch như điện gió, điện mặt trời áp mái và tiếp tục đầu tư vào sản xuất kinh doanh nước sạch. Tiến độ các dự án Quảng Trị được triển khai theo đúng kế hoạch, mặc dù từ tháng 05 đến tháng 08 năm 2020, khu vực Quảng Trị và miền Trung Việt Nam phải trải qua đợt lũ lụt và thiên tai nghiêm trọng. Tính đến cuối năm 2020, Tổng Công ty đã triển khai khai thác 18MW điện mặt trời áp mái tại các khu công nghiệp, nhà máy của GELEX.

Bên cạnh đó, để tập trung phát triển hai ngành trụ cột là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng, năm 2020, GELEX đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP ("VGC") lên 46,07% và thoái toàn bộ vốn mảng logistics, dự án Thủy Điện SCI Nghệ An để tối ưu hóa nguồn tiền và tập trung phát triển các dự án năng lượng tái tạo mang lại giá trị thặng dư cao trong tương lai.

Ông NGUYỄN HOA CƯỜNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hướng tới tương lai

Trong những năm tới đây, GELEX tiếp tục tập trung phát triển 02 mảng kinh doanh cốt lõi là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng. Với mảng sản xuất thiết bị điện, Tổng công ty sẽ tiếp tục duy trì chiến lược củng cố vị thế trên thị trường và mở rộng thị phần. Năm 2021 sẽ là một năm với nhiều thành tựu khi Tổng Công ty với nhiều dự án đã và đang phát triển được đi vào hoạt động. Với mảng hạ tầng, GELEX đặt mục tiêu hoàn thành và đưa vào vận hành cụm dự án điện gió Hướng Phùng 2,3 và GELEX 1,2,3 trước thời hạn 31/10/2021 để được hưởng giá FIT ưu đãi của Chính phủ. Tổng Công ty cũng đã và đang triển khai xây dựng dự án Tổ hợp Khách sạn và văn phòng dịch vụ ở vị trí đắc địa của Hà Nội tại số 10 Trần Nguyên Hãn, quận Hoàn Kiếm. Bên cạnh đó, về hoạt động M&A, Tổng Công ty đặt mục tiêu tăng tỷ lệ sở hữu lên mức năm cổ phần chi phối tại VGC trong khoảng quý II/2021, đồng thời tiếp tục tìm kiếm và đầu tư những dự án năng lượng tái tạo. Tổng Công ty cũng triển khai phương án phát hành tăng vốn từ cổ đông hiện hữu trong năm 2021 đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông với quy mô huy động lên tới 3.500 tỷ nhằm bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu cho các hoạt động đầu tư điện gió và khách sạn, đồng thời cải thiện cân đối nguồn vốn và an toàn tài chính của Tổng Công ty.

Đồng thời, với định hướng đầu tư vào công nghệ và phát triển nguồn nhân sự chất lượng cao trong những năm tới, Tổng Công ty sẽ tập trung vào mảng nghiên cứu và phát

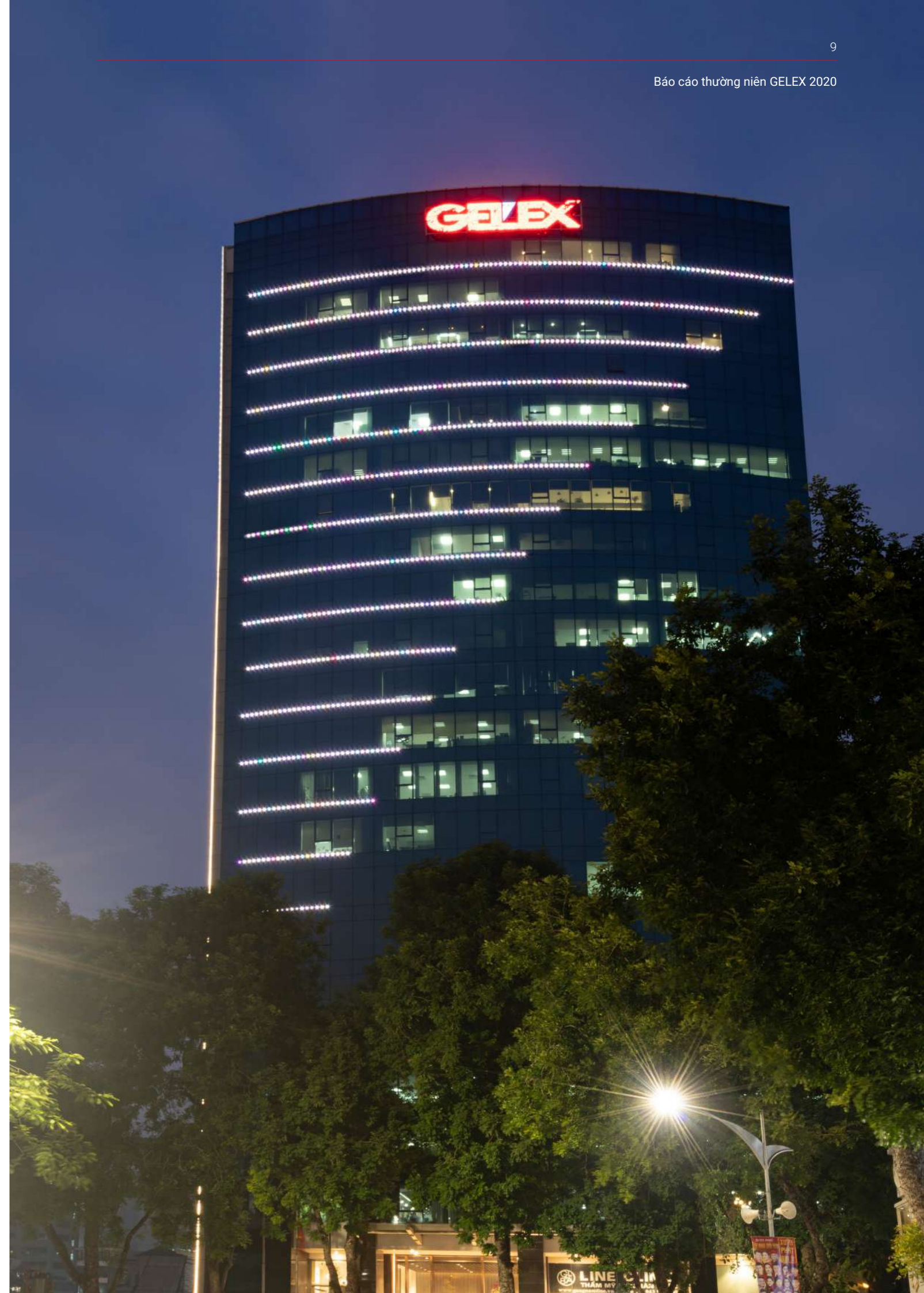
triển (R&D), từng bước áp dụng công nghệ số vào quản lý các nguồn lực doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh. Thêm vào đó, Tổng Công ty cũng thực hiện kế hoạch phát triển nhân sự nguồn, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo thiết thực để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và phát triển của hệ thống.

Năm 2021 được dự đoán vẫn là năm khó khăn của nền kinh tế toàn cầu cũng như Việt Nam. Tuy nhiên, là một doanh nghiệp đầu ngành với lực lượng nhân sự giàu kinh nghiệm, GELEX vẫn tự tin tiếp tục phát triển vững mạnh và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Trân trọng cảm ơn các Quý Cổ đông, các đối tác và các nhà đầu tư đã luôn luôn tin tưởng và đồng hành trên hành trình phát triển của GELEX!

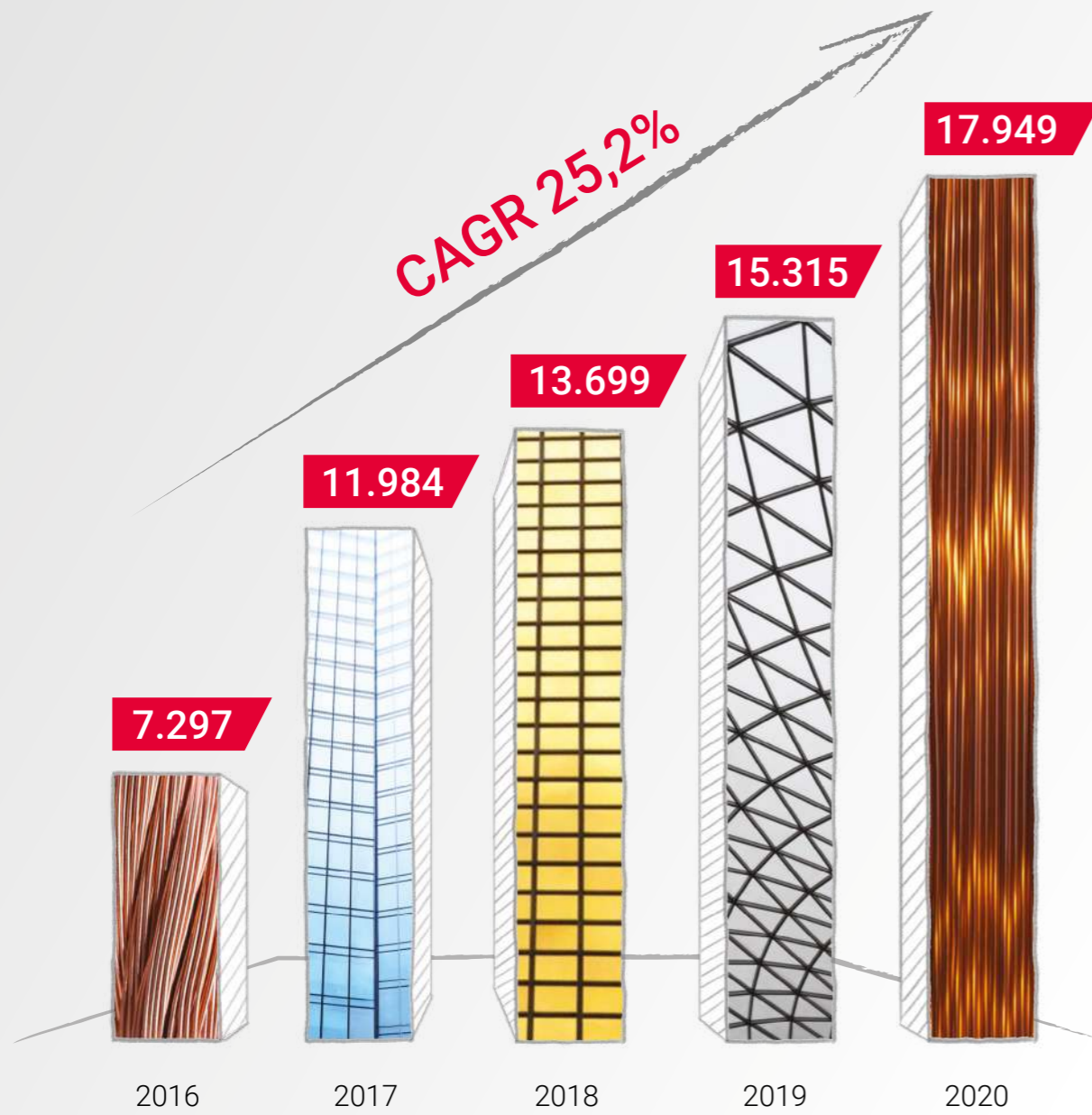


Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN HOA CƯỜNG



GELEX- MỘT NĂM NHÌN LẠI

DOANH THU THUẦN QUA CÁC NĂM



GELEX- MỘT NĂM NHÌN LẠI

CÁC CON SỐ ẤN TƯỢNG

Doanh thu thuần
17.949
tỷ đồng

Lợi nhuận Trước thuế
1.197
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
980
tỷ đồng



Tổng tài sản
27.152
tỷ đồng

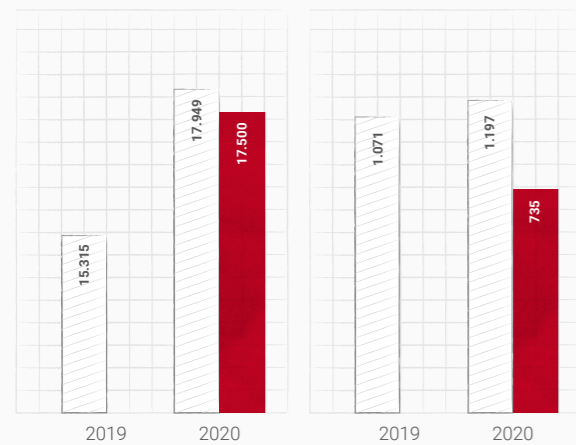
CAGR doanh thu
thuần 2016-2020
25,2%

Tổng tài sản
tăng gấp hơn
03
từ 2016 - 2020

Doanh thu thuần

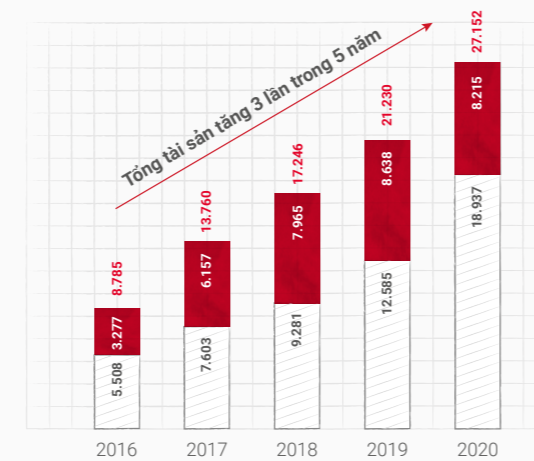
Lợi nhuận trước thuế

Thực tế Kế hoạch



Tổng tài sản

Nợ phải trả Vốn chủ sở hữu

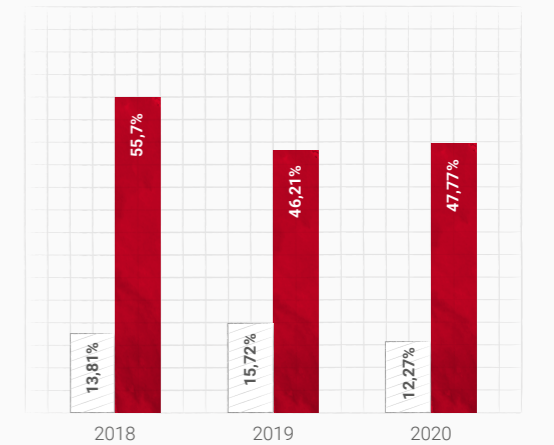


Biên lợi nhuận gộp



Biên lợi nhuận gộp theo từng lĩnh vực

Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện Sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng



GELEX- MỘT NĂM NHÌN LẠI

GIẢI THƯỞNG

TOP 50

Công ty niêm yết tốt nhất
Việt Nam năm 2020

TOP 50

Công ty kinh doanh
hiệu quả nhất Việt Nam

Thương hiệu
Quốc gia Việt Nam năm
2020

TOP 15

Doanh nghiệp niêm yết
có hiệu quả kinh doanh tốt
3 năm liên tiếp (2017 -2019)

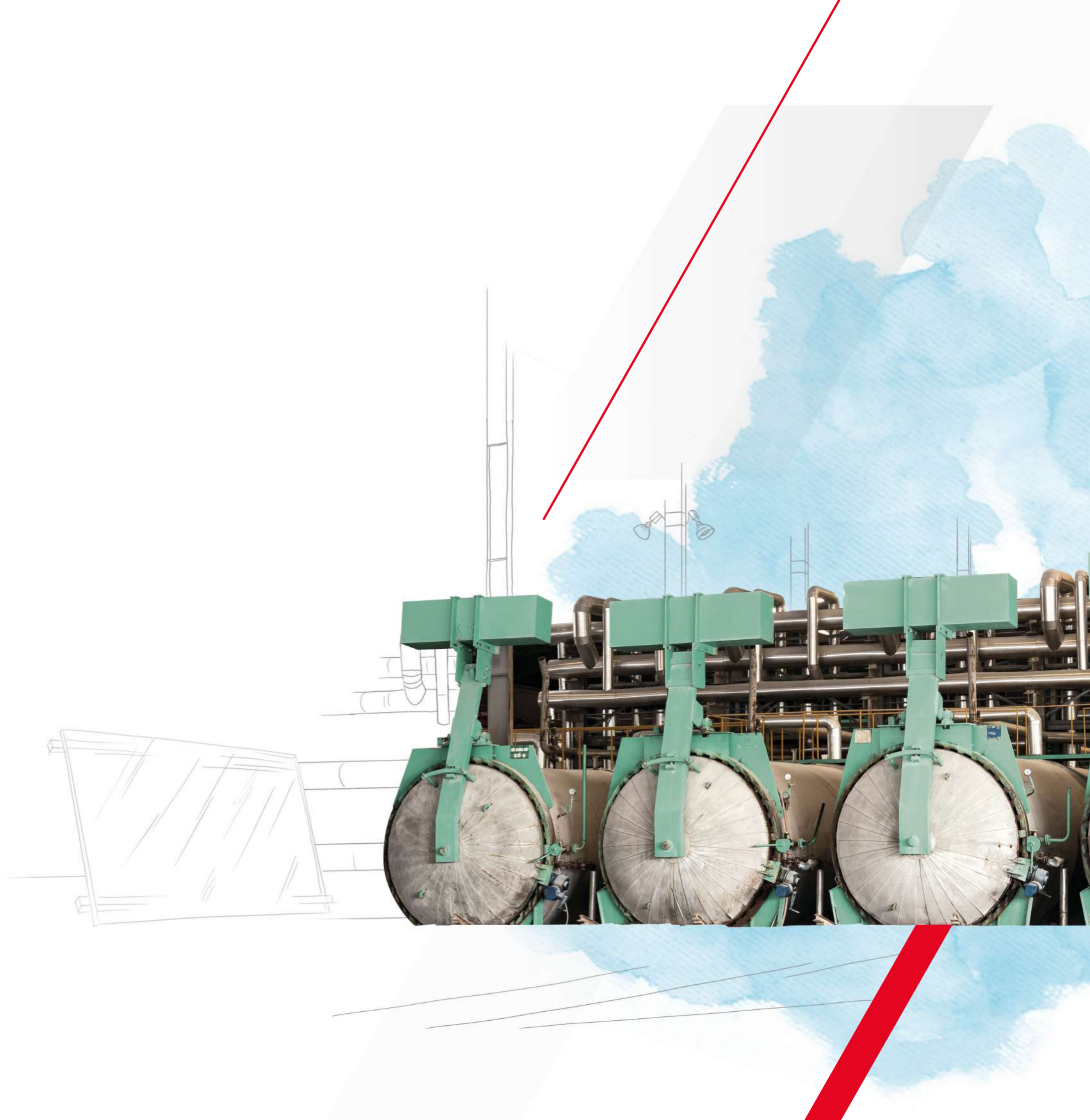


PHẦN

02

TỔNG QUAN VỀ GELEX

Tổng quan về GELEX	18
Quá trình hình thành và phát triển	20
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh	22
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị	24
Các công ty con, công ty liên doanh liên kết	28
Định hướng phát triển	32
Các rủi ro	34





TỔNG QUAN VỀ GELEX

Tên Công ty:	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
Tên Tiếng Anh:	Viet Nam Electrical Equipment Joint Stock Corporation
	Giấy Đăng ký kinh doanh số 0100100512 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần 12 ngày 21/10/2019
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại:	(84.24) 3972 6245/6
Fax:	(84.24) 3972 6282
Website:	www.gelex.vn
Email:	gelex@gelex.vn

Vốn chủ sở hữu: 8.215.186.626.885 đồng
(Tám nghìn hai trăm mười lăm tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng)

Vốn điều lệ và cổ phần:
Vốn điều lệ 4.882.440.000.000 đồng
(Bốn nghìn tám trăm tám mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng)

Tổng khối lượng cổ phần lưu hành: 481.969.050 cổ phiếu (Giảm đi phần cổ phiếu quỹ đang nắm giữ bởi GELEX tại thời điểm 31/12/2020)

Nơi niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Mã chứng khoán: GEX

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1990

Thành lập

- Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện (tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 237/QĐ/CN-Ng-TCNS ngày 10/07/1990 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương)
- Nhiệm vụ chính: Sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu trực tiếp thiết bị điện, vật liệu kỹ thuật điện
- Tổng số vốn: 177 tỷ đồng

2006

Thay đổi mô hình

- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con, theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BCN ngày 02/08/2006 của Bộ Công nghiệp
- Nhiệm vụ chính: Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng điện công nghiệp và dân dụng; Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo, đếm điện; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và văn phòng cho thuê
- Tổng số vốn điều lệ: 500 tỷ đồng

2010

Cổ phần hoá

- Thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10/08/2010 của Thủ tướng chính phủ
- Đổi tên thành Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu logo
- Tổng vốn điều lệ: 1.400 tỷ đồng

2015

Thay đổi cơ cấu sở hữu:

- Doanh thu thuần: 8.383 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 574 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 1.550 tỷ đồng
- Tháng 10/2015, cổ phiếu giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán UPCOM - HNX

2018

Tái cấu trúc

- Doanh thu: 13.699,1 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 1.533 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 4.065,6 tỷ đồng
- Niêm yết trên HOSE: 18/01/2018 – mã GEX
- Hoạt động theo mô hình tập đoàn, tập trung 02 lĩnh vực: Sản xuất Công nghiệp (thiết bị điện) và Hạ tầng (điện nước – logistics – bất động sản)

2017

Mở rộng hoạt động

- Doanh thu: 11.984 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.658 tỷ đồng
- Tăng vốn điều lệ: 2.668 tỷ đồng
- Mở rộng hoạt động:
 - Lĩnh vực Năng lượng (thành Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX)
 - Lĩnh vực Logistics (M&A Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans)
 - Lĩnh vực Nước sạch (M&A Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà)

2019

Phát triển các lĩnh vực cốt lõi

- Doanh thu: 15.315 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.071 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 4.882 tỷ đồng
- Tập trung đầu tư lĩnh vực:
 - Sản xuất Công nghiệp (sản xuất kinh doanh thiết bị điện);
 - Hạ tầng (sản xuất điện, nước sạch và bất động sản văn phòng cho thuê)

2020

Nâng cao năng lực sản xuất các lĩnh vực cốt lõi

- Doanh thu: 17.949 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.197 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 4.882 tỷ đồng
- Phát triển lĩnh vực cốt lõi:
 - Sản xuất Công nghiệp (thiết bị điện và vật liệu xây dựng);
 - Hạ tầng (sản xuất điện, nước sạch, đầu tư phát triển khu công nghiệp và hệ sinh thái quanh khu công nghiệp).

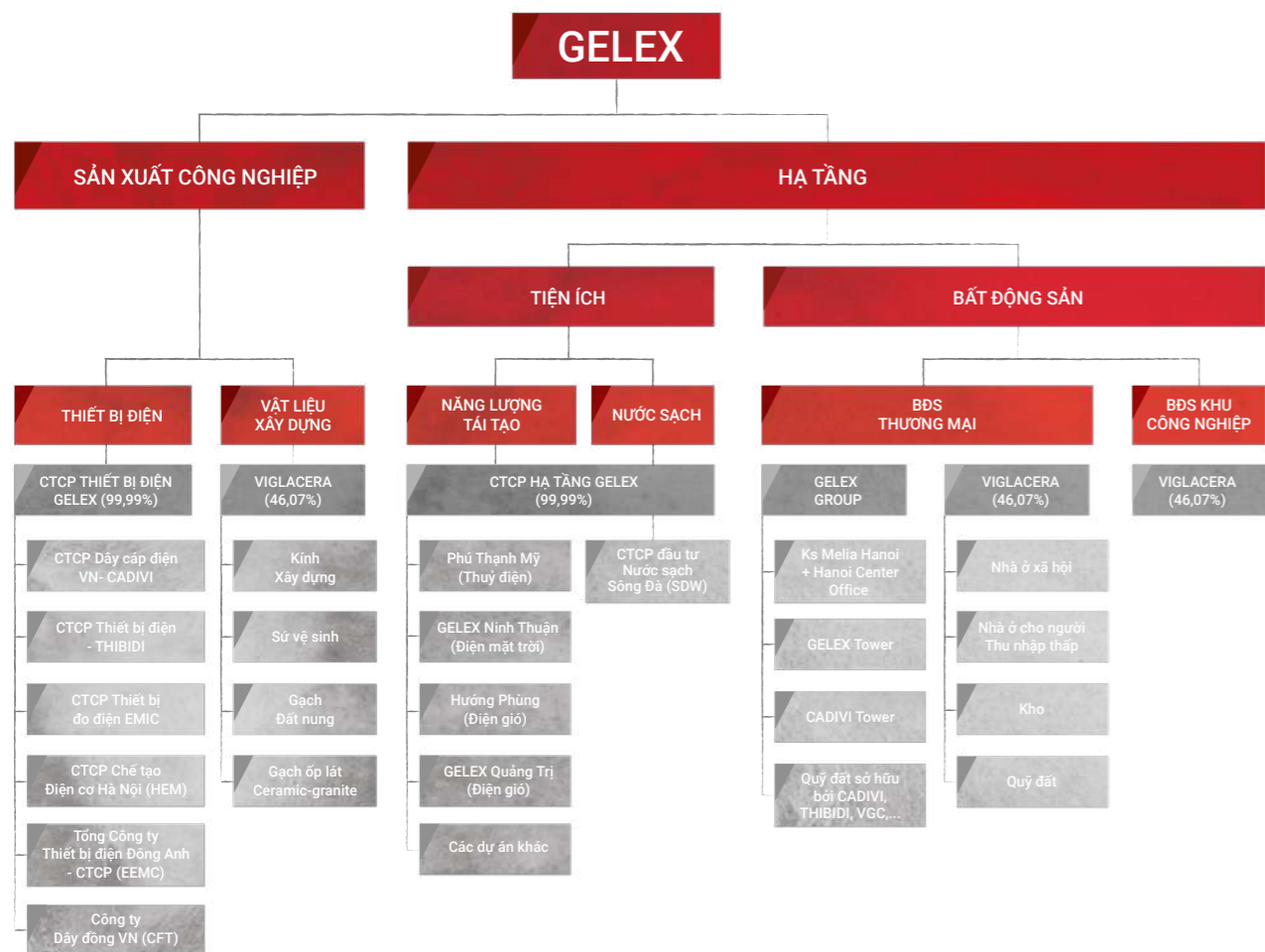
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

Sản xuất Công nghiệp (thiết bị điện và vật liệu xây dựng) và

Hạ tầng (sản xuất điện, nước sạch, đầu tư phát triển khu công nghiệp và hệ sinh thái quanh khu công nghiệp).



ĐỊA BÀN KINH DOANH

GELEX có trụ sở chính đặt tại tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Các công ty thành viên, công ty liên kết có trụ sở chính tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Quảng Trị, Ninh Thuận, Đồng Nai.

Địa bàn kinh doanh của GELEX và các đơn vị thành viên trải khắp cả nước.

Mảng công nghiệp Thiết bị điện cùng các sản phẩm mang thương hiệu CADIVI, THIBIDI hiện đang xuất khẩu sang thị trường từ Lào, Campuchia, Myanmar và mở rộng sang Úc, châu Âu, châu Mỹ.

1 HÀ NỘI

Trụ sở chính GELEX Group
GELEX ELECTRIC
GELEX INFRASTRUCTURE
GELEX LAND
EEMC
HEM
EMIC
Trụ sở chính Viglacera

2 BẮC NINH

Nhà máy CADIVI
Nhà máy EMIC

3 HOÀ BÌNH

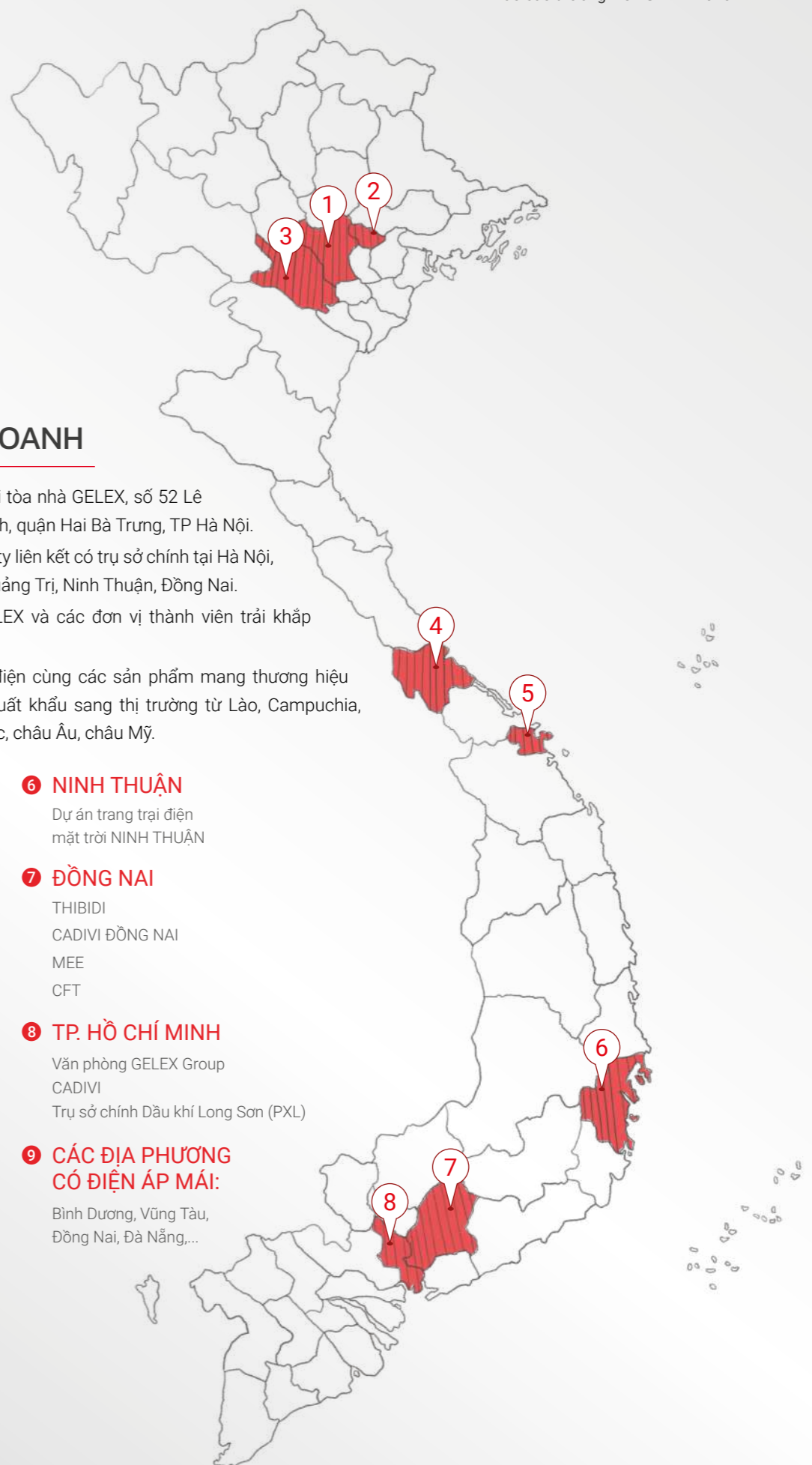
CTCP Đầu tư
Nước sạch sông Đà

4 QUẢNG TRỊ

Dự án Điện gió

5 QUẢNG NAM

Thủy điện
SÔNG BUNG 4A



6 NINH THUẬN

Dự án trang trại điện
mặt trời NINH THUẬN

7 ĐỒNG NAI

THIBIDI
CADIVI ĐỒNG NAI
MEE
CFT

8 TP. HỒ CHÍ MINH

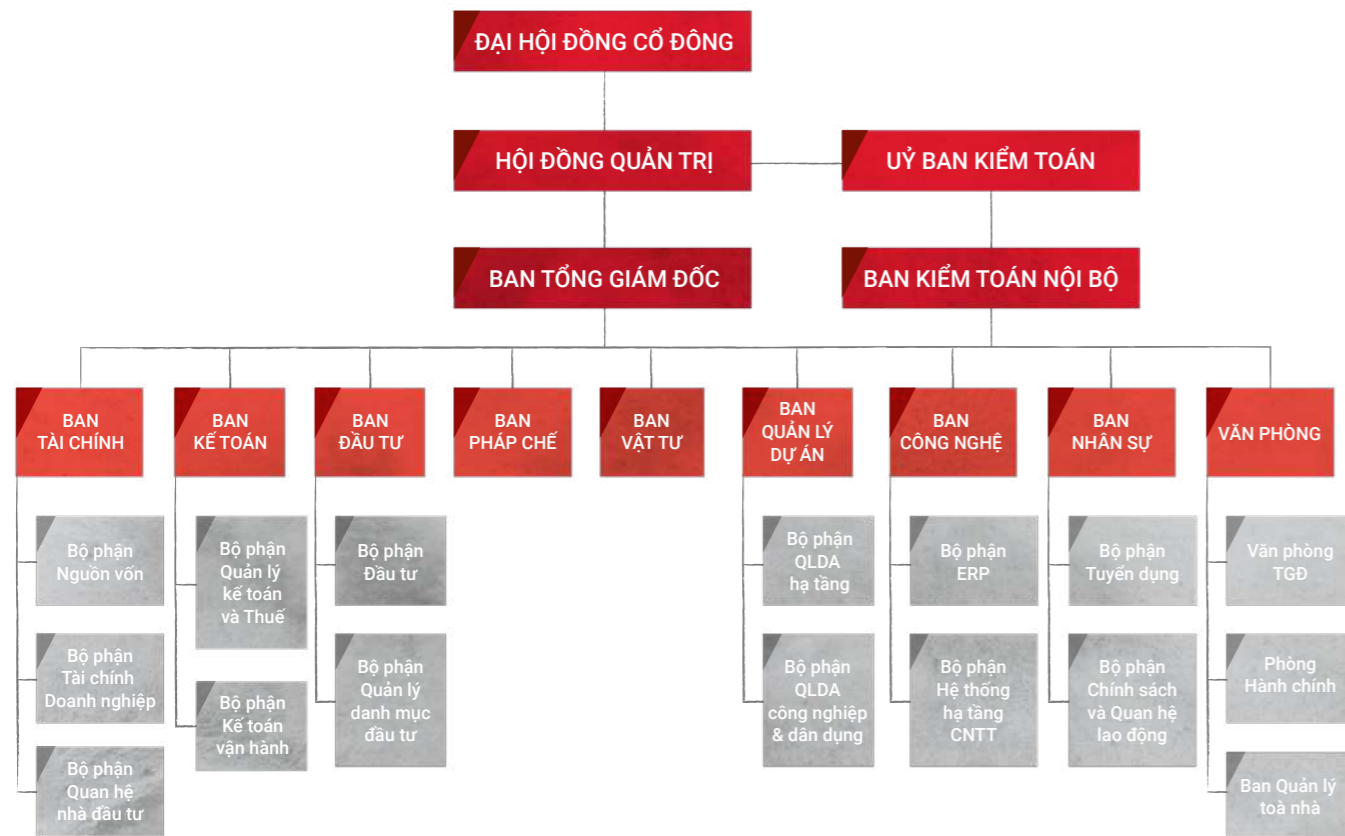
Văn phòng GELEX Group
CADIVI
Trụ sở chính Dầu khí Long Sơn (PXL)

9 CÁC ĐỊA PHƯƠNG CÓ ĐIỆN ÁP MÁI:

Bình Dương, Vũng Tàu,
Đồng Nai, Đà Nẵng,...

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CƠ CẤU BAN LÃNH ĐẠO



Ông NGUYỄN HOA CƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư chế tạo máy
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Từ 8/2020 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ 06/2020 – Nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH SAS-CTAMAD;
- Từ 10/2017 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần KIP Việt Nam;
- Từ 07/2010 – 01/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ năm 2007- Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH SAS-CTAMAD- Khách sạn Melia Hà Nội.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

CƠ CẤU BAN LÃNH ĐẠO



Ông NGUYỄN TRỌNG TIẾU

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư điện
- Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm:

- Từ 08/2018 - Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ 01/2020 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX;
- Từ 06/2018 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – CTCP;
- Từ năm 2017 – 6/2018: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội – HEM;
- Từ 09/2016 – 12/2019: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị Điện GELEX;
- Từ năm 2015 – 04/2019: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện;
- Từ năm 2010 – 8/2016: Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.



Ông NGUYỄN TRỌNG HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Từ 8/2020 - Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ 06/2014 - 05/2020: Phó Ban Đầu tư, Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Dự án điện gió Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh REE Corporation (REE). Tại REE, ông Hiền cũng là thành viên Hội đồng quản trị của một số công ty niêm yết khác;
- Từ 03/2017 - 12/2019: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà.



Ông LƯƠNG THANH TÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Kinh tế xây dựng

Kinh nghiệm:

- Từ 08/2020 - Nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ 10/2020 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera – CTCP;
- Từ 03/2019 - Nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX;

Ông NGUYỄN VĂN TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật Kinh tế và Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm:

- Từ 01/2018 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ 01/2018 – 8/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ 06/2019 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Viglacera – CTCP;
- Từ 05/2017 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam;
- Từ 04/2019 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị Điện;
- Từ 10/2020 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX;
- Từ 09/2016 – 04/2019: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX.

Ông VÕ ANH LINH

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán và CNTT
- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm:

- Từ 03/2016 - Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam;
- Từ 10/2020– Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX;
- Từ 07/2016 - Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Bảng 1: Danh sách các Công ty con của GELEX tại thời điểm 31/12/2020 với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX ("GELEX Electric") – (Tên cũ: Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX)	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.219	99,998%	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực Thiết bị điện
2	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("GELEX Infra")	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.700	99,998%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, nước sạch

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp/ gián tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với một số thông tin chính như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
GELEX ELECTRIC					
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	576	95,82%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	385	77,01%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	488	89,69%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
4	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	128	100%	Sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông
5	Công ty Cổ phần Thiết bị điện EMIC ("EMIC") (Tên cũ: Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC)	Tầng 23, tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	150	74,99%	Sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện

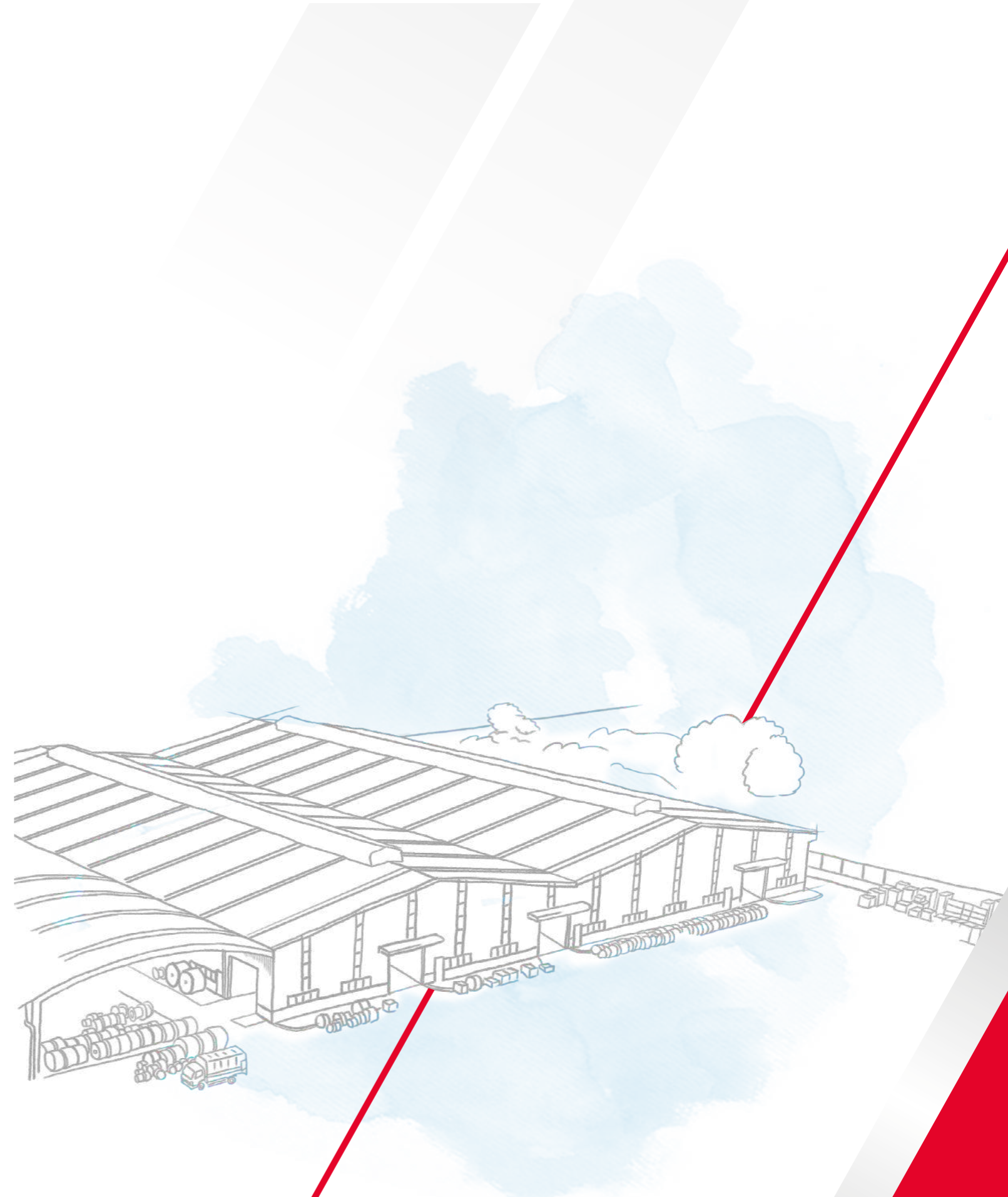
STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Công ty CADIVI					
1	Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Đồng Nai ("CADIVI Đồng Nai")	Đường số 1 Khu Công nghệ, Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	789	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty THIBIDI					
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh ("MEE")	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	120	51,00%	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện
Công ty HEM					
1	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	13	100%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	40	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
CÔNG TY HẠ TẦNG GELEX					
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	618	73,16%	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	368	100,00%	Sản xuất và truyền tải điện
3	Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	750	60,46%	Sản xuất nước sạch
4	Công ty TNHH Điện Gió Hướng Phùng	Tầng 3, số nhà 242 Quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	540	98,87%	Sản xuất điện gió
5	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị	Tầng 3, số nhà 242 Quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	332	98,65%	Sản xuất điện gió
6	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk	Số 21 đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	10	80,00%	Sản xuất điện gió
7	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh	Tây Ninh	20	98,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
8	Công ty cổ phần dịch vụ Năng lượng GELEX	Hà Nội	30	51,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
9	Công ty cổ phần Năng lượng Đông Hải	Bình Dương	70	88,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	50	100%	Kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Năng lượng điện Mái nhà	Thông Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	20	99,98%	Sản xuất điện mặt trời
12	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mái nhà	Thông Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	20	99,98%	Sản xuất điện mặt trời
13	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mái nhà Việt Nam	Thông Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	20	99,98%	Sản xuất điện mặt trời

Bảng 2: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của GELEX

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	Tổng Công ty Viglacera – CTCP (GELEX nắm giữ 26,64% VDL - CTCP Thiết bị điện GELEX nắm giữ 19,43% VDL)	Tầng 16 & 17 Tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4.483	46,07%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
2	CTCP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (GELEX nắm giữ 6,37% VDL, GELEX Infrac nắm giữ 19,1% VDL)	67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	827	25,47%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
3	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (CTCP Thiết bị điện THIBIDI nắm giữ 24,95% VDL)	Số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	281	24,95%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
4	Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD (CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội nắm giữ 35% VDL)	44 Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	22.629.000\$	35%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tiếp tục theo đuổi và đầu tư có hiệu quả vào 2 mảng kinh doanh cốt lõi là Sản xuất Công nghiệp (thiết bị điện và vật liệu xây dựng) và Hạ tầng (điện, nước, hạ tầng khu công nghiệp) trên nền tảng quản trị theo thông lệ tốt nhất, năng lực tài chính mạnh, bộ máy tổ chức tinh gọn, đội ngũ nhân sự và vận hành xuất sắc trong toàn nhóm công ty.

MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG TRONG 3 – 5 NĂM TỚI:

Đối với Tổng công ty mẹ GELEX:

- Giữ vai trò dẫn dắt về hoạch định chiến lược ngành nghề kinh doanh, đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực.
- Tổ chức bộ máy tinh gọn thông qua đội ngũ nhân sự xuất sắc, ứng biến hiệu quả ở cấp độ tổ chức, đội nhóm và cá nhân.
- Duy trì tăng trưởng nhanh và an toàn thông qua hoạt động đầu tư chiến lược (M&A) từ Tổng công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Phát triển các dự án hạ tầng tiềm năng có quy mô vùng và quốc gia trong lĩnh vực năng lượng.

Khối Sản xuất Công nghiệp:

Đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị điện:

- Củng cố thị trường truyền thống, đẩy mạnh chiếm lĩnh thị phần ở các thị trường mới gắn liền với định vị các sản phẩm thương hiệu quốc gia.
- Tối ưu hóa mọi công đoạn hoạt động, tập trung đầu tư có chiều sâu tăng năng lực sản xuất hướng tới cung cấp đầy đủ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện. Hoàn thành đầu tư các Dự án: Nhà máy sản

xuất máy biến áp phân phối Long Đức (THIBIDI), Nhà máy sản xuất dây đồng (CFT) và Sản xuất tủ điện trung thế (EMIC).

- Ưu tiên nguồn lực cho công tác R&D, phát triển sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, chủ động tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trên thế giới.
- Tận dụng triệt để lợi thế theo quy mô; chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào chiến lược, hoàn thành và đưa dự án ERP vận hành có hiệu quả trong toàn khối; nâng cao hơn nữa biên lợi nhuận.

Đối với lĩnh vực vật liệu xây dựng:

- Mở rộng thị phần toàn quốc, chủ động nguyên liệu đầu vào, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hơn nữa biên lợi nhuận.

Khối Hạ tầng

Lĩnh vực nguồn phát điện:

- Tiếp tục theo đuổi các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực nguồn điện, trong đó ưu tiên các dự án nguồn điện tái tạo mới tiềm năng & đã vận hành.
- Đạt mục tiêu sở hữu tổng công suất 260 - 300 MW nguồn điện trong năm 2021 và 300 - 500 MW vào năm 2025.
- Mở rộng phương thức bán buôn điện khi có cơ chế DPPA và đẩy mạnh phân phối điện năng cho các Khu công nghiệp.

Lĩnh vực nước sạch:

- Hoàn thành đầu tư giai đoạn 2 để nâng công suất Nhà máy nước Sông Đà lên 600.000 m³/ngày đêm.
- Mở rộng phạm vi hoạt động cung cấp nước và xử lý nước thải cho các Khu công nghiệp thuộc nhóm Tổng công ty, phát triển các dự án nguồn nước tiềm năng gắn liền với các khu kinh tế và thành phố có hoạt động thương mại lớn.

Lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp và dịch vụ phụ trợ:

- Thông qua các công ty thành viên chiến lược, phát triển các khu công nghiệp mới và khai thác hiệu quả các khu công nghiệp hiện hữu. Trong đó, ưu tiên phát triển khu công nghiệp kết hợp đô thị, khu công nghiệp thông minh.

Lĩnh vực bất động sản thương mại:

- Rà soát quỹ đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của khối Sản xuất Công nghiệp để có phương án đầu tư và khai thác hiệu quả nhất.
- Thông qua các đơn vị thành viên chuyên ngành, phát triển các dự án khu đô thị mới.
- Hoàn thành và đưa vào vận hành Dự án tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội.
- Hoàn thành và đưa vào vận hành Dự án CADIVI Tower trong quý IV/2021.



CÁC RỦI RO



Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX). Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

RỦI RO KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX). Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là cơ sở để Nhà nước có điều kiện gia tăng đầu tư công và đầu tư cơ sở hạ tầng, là yếu tố dẫn dắt cho mảng kinh doanh chính là sản xuất thiết bị điện của GELEX vốn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn đầu tư công của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Năm 2020 là năm tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp phải nhiều thách thức do ảnh hưởng nặng nề của sự bùng phát và lan rộng của dịch bệnh Covid-19. Cụ thể, theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), GDP thế giới năm 2020 đã giảm 4,4%, là năm đầu tiên tăng trưởng âm kể từ năm 2010. Giữa bối cảnh tiêu cực của kinh tế toàn thế giới, Việt Nam đã kiểm soát rất tốt dịch bệnh, trở thành một ngôi sao sáng trong khu vực Châu Á. Tăng trưởng GDP Việt Nam 2020 đạt 2,91%, mức thấp nhất trong 10 năm qua, nhưng vẫn thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Năm 2021, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế là 6,5%, trong khi Ngân hàng Thế giới (World Bank) còn lạc quan hơn khi dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6,7%.

Giữa khủng hoảng y tế toàn cầu, Việt Nam chứng minh được nội lực mạnh mẽ khi vẫn tăng trưởng dương và nằm trong top đầu tăng trưởng trên cả thế giới. Cùng với sự khởi động trở lại của nền kinh tế, những tín hiệu tích cực từ việc tiêm phòng vaccine kiểm soát dịch bệnh, sự phục hồi do công nghệ dẫn đầu, dòng vốn FDI bền bỉ và nhiều

hiệp định được ký kết, Việt Nam kỳ vọng mức tăng trưởng cao năm 2021. Mức tăng trưởng này là yếu tố và cơ hội hỗ trợ tích cực giúp GELEX đẩy mạnh hoạt động phát triển kinh doanh. Tuy nhiên, rủi ro từ việc chậm trễ phân phối vaccine, căng thẳng thương mại, xáo trộn và đứt gãy chuỗi cung ứng, lãi suất tăng trở lại vẫn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tăng trưởng kinh tế. Nhận thức được những rủi ro này, GELEX đã chủ động chuẩn bị các phương án tài chính, kế hoạch hoạt động theo nhiều kịch bản khác nhau để thích nghi được với những biến số của tăng trưởng.

Rủi ro về lạm phát

Lạm phát là một chỉ báo đánh giá sự ổn định của nền kinh tế. Giống như GDP, lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến GELEX. Lạm phát tăng khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận. Lạm phát được giữ ở mức phù hợp là một trong những mục tiêu mà Quốc hội đặt ra. Giai đoạn 2017 – 2019, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được duy trì ở mức ổn định dưới 4%, cụ thể là 3,53% năm 2017, 3,54% năm 2018 và 2,79% vào năm 2019. Năm 2020 được coi là thành công trong kiểm soát lạm phát với bình quân CPI năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019 khi giữa bối cảnh biến động của nền kinh tế, Việt Nam vẫn được mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4%.

“GELEX ĐÃ THƯỜNG XUYÊN BẮM SÁT DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG ĐỂ ĐƯA RA NHỮNG CHÍNH SÁCH KINH DOANH PHÙ HỢP NHẪM HẠN CHẾ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA YẾU TỐ LẠM PHÁT.”

Với công tác điều hành giá, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đúng đắn, và sự ổn định trong lạm phát những năm qua, CPI năm 2021 dự báo tiếp tục tăng dưới 4%. Tuy nhiên, giá nhiều loại nguyên, nhiên vật liệu trên thị trường thế giới sẽ tăng trở lại khi dịch Covid-19 dần được khống chế. Trong khi đó, tình hình thiên tai, dịch bệnh trong nước có thể còn diễn biến phức tạp, sẽ ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất, cung cầu hàng hóa trên thị trường. Vì vậy, lạm phát năm 2021 vẫn là khó đoán định.

Để đối mặt với rủi ro về lạm phát, GELEX đã thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để đưa ra những chính sách kinh doanh phù hợp nhằm hạn chế những tác động của yếu tố lạm phát.

Rủi ro về lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2020 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động, lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 5%/năm đối với cho vay ngắn hạn.

GELEX sử dụng nguồn vốn vay để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong thời gian vừa qua có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí tài chính và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Tuy nhiên, việc lãi suất được điều chỉnh tăng trở lại là hoàn toàn có thể trong bối cảnh dịch bệnh đã được cơ bản kiểm soát. Đối với rủi ro về mặt lãi suất, một số khoản nợ hiện tại cũng như các khoản vay của GELEX trong tương lai có thể chịu mức lãi suất thả nổi. Vì vậy việc tăng lãi suất có thể làm tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu những rủi ro liên quan đến biến động của lãi suất, Tổng Công ty luôn đánh giá, dự báo về diễn biến thay đổi của lãi suất trong ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời GELEX cũng làm việc với nhiều các tổ chức trong và ngoài nước để tìm kiếm những nguồn vốn vay giá rẻ.

CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hoạt động của GELEX chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Kể từ thời điểm ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 sẽ chính thức có hiệu lực. Để Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán được thực thi một cách đầy đủ và thuận lợi cho các doanh nghiệp, hệ thống các Nghị định và Thông tư hướng dẫn sẽ cũng được ban hành. Khi các quy định pháp luật thay đổi cũng cần một khoảng thời gian nhất định để các doanh nghiệp tiếp cận. Đây chính là khoảng thời gian mà các doanh nghiệp sẽ gặp phải một số vướng mắc và khó khăn nếu không có sự chuẩn bị trước.

Đứng trước những rủi ro này, Tổng Công ty luôn cập nhật sát sao với những thay đổi mới nhất trong hệ thống văn bản pháp luật để luôn luôn đảm bảo tính tuân thủ cao nhất.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Với đặc thù hoạt động trên nhiều lĩnh vực vực chủ lực của nền kinh tế, GELEX và các công ty thành viên cũng chịu nhiều sự tác động của những rủi ro đặc thù trong từng lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực Sản xuất Công nghiệp

Mảng sản xuất thiết bị điện và sản xuất vật liệu xây dựng của Tổng Công ty chịu rủi ro lớn từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Trong khi giá sản phẩm đầu ra thường ít có khả năng biến động mạnh, việc giá nguyên liệu đầu vào thay đổi ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Mảng sản xuất thiết bị điện còn có đặc thù là sản phẩm kỹ thuật

cao, đòi hỏi thay đổi và cập nhật liên tục để phù hợp với thị hiếu. GELEX luôn chủ động cập nhật các công nghệ và thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của người tiêu dùng và xây dựng mối quan hệ bền vững với các nhà sản xuất để đảm bảo sự bình ổn giá nguyên liệu đầu vào.

Lĩnh vực Hạ tầng

Mảng kinh doanh điện nước và năng lượng tái tạo của Tổng Công ty là mảng kinh doanh ổn định, tuy nhiên phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên. Đặc biệt là mảng năng lượng điện khi sản lượng thủy điện, điện mặt trời hay điện gió đều biến động tùy thuộc vào các yếu tố như lượng mưa, sức gió hay bức xạ nhiệt vốn không thể đo lường và dự báo chính xác. Dự án điện mặt trời của Ninh Thuận cũng chịu rủi ro giảm phát do quá tải đường dây truyền tải tại khu vực này.

Ngoài ra, lĩnh vực năng lượng tái tạo đang được Đảng và Chính Phủ ưu tiên phát triển với nhiều chính sách hỗ trợ như các chính sách về



giá bán điện, chính sách về vốn vay.... Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ cũng sẽ được điều chỉnh một cách phù hợp khi lĩnh vực này đến giai đoạn bão hòa. Do vậy, đối với các dự án không kịp triển khai hoặc triển khai không đảm bảo tiến độ để được nhận các chính sách ưu đãi sẽ bị ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh tế cũng như thời gian thu hồi vốn.

Để giảm thiểu các rủi ro chính sách trong các lĩnh vực mới, Tổng Công ty luôn đánh giá kỹ lưỡng trong việc triển khai các dự án mới, từ khâu lập quy hoạch, xin bổ sung quy hoạch, giải phóng mặt bằng hay triển khai thi công dự án, đồng thời cũng chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực, nguồn vốn và giám sát nhà thầu một cách chặt chẽ đảm bảo các dự án được triển khai đúng tiến độ đề ra.

Lĩnh vực Bất động sản

Lĩnh vực bất động sản với đặc thù là giá trị lớn, cần nhiều thời gian triển khai và nhu cầu huy động vốn lớn cũng chịu nhiều rủi ro. Các thay đổi của thị trường vốn có thể tạo ra các rủi ro cho việc tìm nguồn tài trợ và biến động chi phí tài chính của các dự án. Ngoài ra, dự án bất động sản cũng có phải chịu những rủi ro như biến động về nhu cầu đối với dự án và rủi ro về biến động chi phí triển khai dự án (do thời gian triển khai kéo dài), rủi ro về tình hình chính trị hoặc kinh tế...

RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việt Nam đang đứng trước cơ hội vàng về phát triển kinh tế mạnh mẽ. Sự phát triển nhanh, nếu không có những chủ trương phát triển bền vững đúng đắn, có thể đem lại những tác động tiêu cực đến môi trường, người dân và xã hội. GELEX, với tư cách là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thiết bị điện Việt Nam, có nghĩa vụ không ngừng phát triển đồng hành với nền kinh tế nước nhà, cũng gặp phải những rủi ro về phát triển bền vững. Tuy nhiên, để luôn đặt sứ mệnh đảm bảo cam kết phát triển bền vững với các nhà đầu tư lên hàng đầu, các yêu cầu liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp luôn được chú trọng tại GELEX để dự trừ các rủi ro kinh doanh.

Về yếu tố bảo vệ môi trường, tại các nước đang phát triển, ngành năng lượng thường đóng góp đến 90% lượng CO2 và 75% lượng khí khác thải ra môi trường. GELEX tập trung phát triển những lĩnh vực mang tính bền vững, thiết yếu và giảm phát thải khí CO2 ra môi trường như nguồn năng lượng tái tạo bao gồm điện gió, điện mặt trời, cung cấp nước sạch. Bên cạnh đó, GELEX luôn tìm tòi và nghiên cứu các công



nghệ mới để sản xuất các sản phẩm thiết bị điện thân thiện với môi trường...

Về mặt tài chính, cấu trúc vốn không an toàn với dư nợ quá lớn có thể trở thành rủi ro cho sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. GELEX đã xây dựng một cấu trúc vốn an toàn và phù hợp với các mục tiêu kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo khả năng cân đối tài chính trước những biến động bất lợi từ môi trường kinh doanh cũng như những yếu tố môi trường, xã hội bên ngoài khác.

Con người là cốt lõi của doanh nghiệp, là một trong những yếu tố đảm bảo sự phát triển vững vàng của doanh nghiệp. GELEX luôn tập trung đào tạo nguồn nhân lực lãnh đạo và cán bộ có chất lượng, gắn bó và phù hợp với văn hóa của Tổng Công ty nhằm đảm bảo nguồn lực thực thi các chiến lược kinh doanh trong dài hạn cũng như các nguồn lực kế thừa và thay thế.

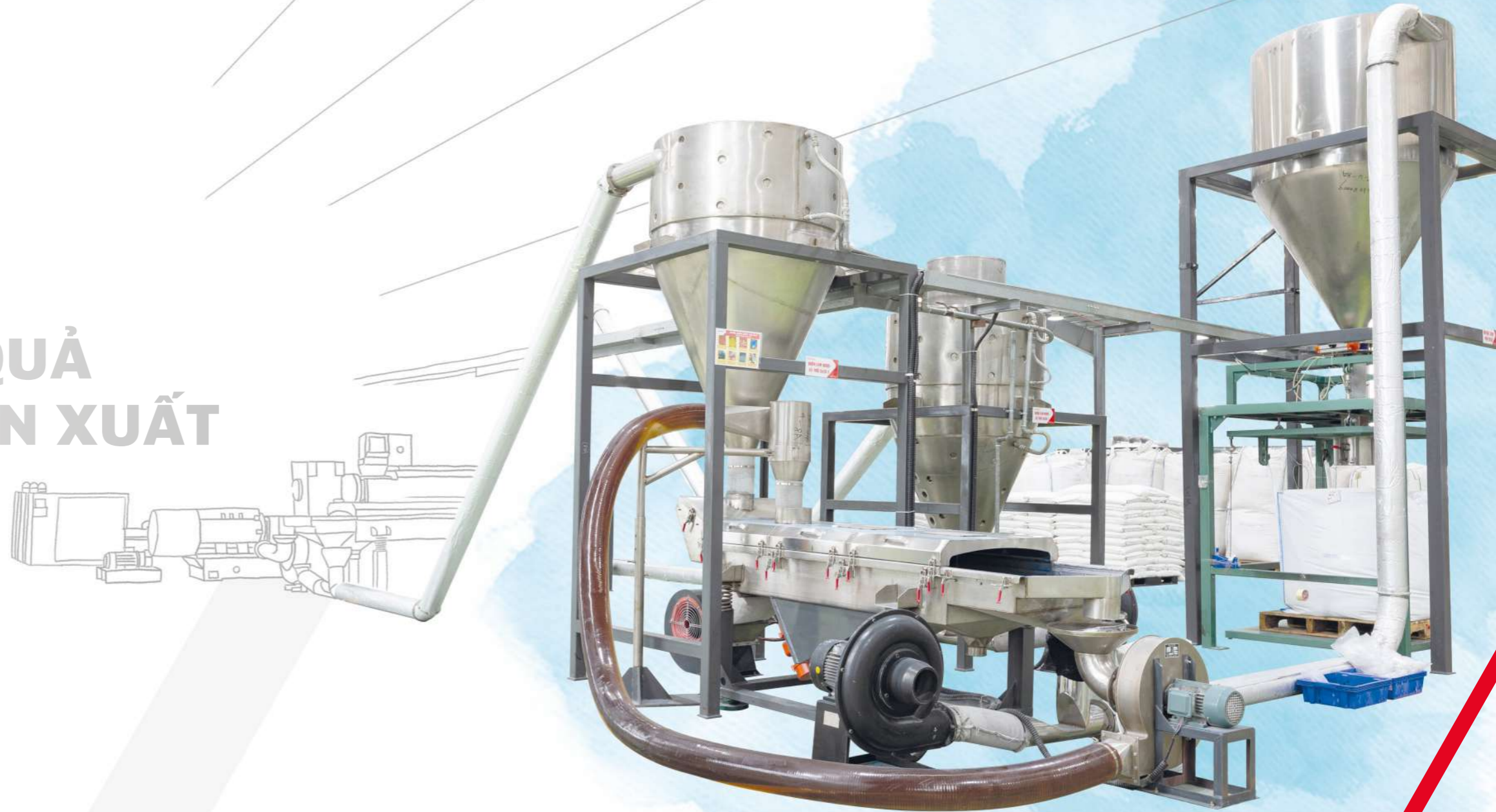
Covid-19 cũng mang đến những rủi ro tiềm ẩn như dịch bệnh bùng phát tại các cơ sở của các doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh bị đảo lộn do các biện pháp giãn cách... GELEX đã thực hiện tuyên truyền, đào tạo nhân viên, có những biện pháp và nguồn lực phù hợp để đảm bảo an toàn y tế tại các cơ sở của GELEX mà vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh. GELEX cũng chuẩn bị những kịch bản linh hoạt theo các dự báo khác nhau về diễn biến của dịch bệnh.

PHẦN

03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2020	40
Tình hình đầu tư	54
Tình hình tài chính	56
Cơ cấu cổ đông và quá trình thay đổi vốn của chủ sở hữu	58



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020



GELEX hoàn thành vượt kế hoạch với kịch bản không hợp nhất Tổng công ty Viglacera – CTCP. Năm 2020, doanh thu thuần hợp nhất của GELEX đạt 17.949 tỷ đồng, vượt 2,6% kế hoạch năm và tăng 17,2% so với năm 2019, lợi nhuận trước thuế TNDN hợp nhất đạt 1.197 tỷ đồng, vượt 63% kế hoạch năm và tăng 11,8% so với năm 2019.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của GELEX ghi nhận sự tăng trưởng trên cả hai lĩnh vực trụ cột là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng. Khối Sản xuất Công nghiệp vẫn là lĩnh vực kinh doanh chủ đạo của Tổng Công ty khi đóng góp 16.098 tỷ đồng doanh thu tương ứng với tỷ lệ 89,7% doanh thu thuần. Khối Hạ tầng tiếp tục có sự tăng trưởng vượt bậc với doanh thu 898 tỷ đồng và đóng góp 5% doanh thu thuần hợp nhất của hệ thống. Một số chỉ tiêu chính được thể hiện trong bảng sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2020	% Thực hiện so với Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2019	% Thực hiện năm 2020 so với Năm 2019
Doanh thu thuần hợp nhất	17.949	17.500	103%	15.315	117%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	1.197	735	163%	1.071	112%

A. NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1. Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX – GELEX ELECTRIC

Trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch làm đứt gãy các chuỗi cung ứng trên phạm vi toàn cầu, các doanh nghiệp mảng thiết bị điện của GELEX phải đối mặt với sự sụt giảm mạnh về nhu cầu thị trường một số mặt hàng và xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nguyên vật liệu chủ yếu cho sản xuất đều biến động trong xu hướng giá tăng, cạnh tranh khốc liệt... Do vậy, năm 2020, mảng thiết bị điện, sau quá trình tái cấu trúc cao điểm năm 2019, GELEX tập trung trọng tâm vào sản xuất kinh doanh với nhiều chính sách năng động linh hoạt trong bán hàng của toàn bộ hệ thống, hỗ trợ tối đa hệ thống phân phối để mở rộng thị trường và tăng thị phần trong bối cảnh cầu bị thu hẹp do dịch bệnh. Lợi nhuận và doanh thu của các công ty con từ đó có sự ảnh hưởng nhất định, chi tiết ở từng công ty con như sau:

1.1 Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam – CADIVI

Năm 2020, xác định nghiên cứu phát triển sản phẩm mới là động lực quan trọng cho tăng trưởng, CADIVI đã đưa ra thị trường dòng sản phẩm Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K với nhiều tính năng ưu việt. Cáp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K của CADIVI đã được tổ chức TUV Rheinland (CHLB Đức) cấp chứng nhận TUV BauArt và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 cấp chứng nhận EN 50618:2014. Dòng cáp này do CADIVI sản xuất đã xuất sắc đạt chỉ tiêu thử nghiệm hoạt động liên tục trong 20.000 giờ với nhiệt độ 1200C. Đây là chỉ tiêu khắc nghiệt của tiêu chuẩn EN-50618:2014 mà ít có nhãn hiệu khác có thể đạt được.

CADIVI	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	9.030	10.579	17,2%
Lợi nhuận sau thuế	494	393	-20,13%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020



Cũng trong năm 2020, CADIVI hoàn thiện đầu tư hệ thống nhà máy và các trung tâm phân phối tại cả ba miền Bắc-Trung-Nam, vận hành thành công hệ thống quản trị nguồn lực SAP ERP, nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng hàng hóa cho CADIVI. Đồng thời tiếp tục hoàn thành các hạng mục quan trọng bao gồm phần hầm và móng của tòa nhà CADIVI, đáp ứng cơ bản tiến độ đặt ra, với mục tiêu đưa vào vận hành vào quý IV/2021.

1.2 Công ty Cổ phần Thiết bị điện – THIBIDI

Thị trường tiêu thụ về máy biến áp trong 03 quý đầu năm cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng của dịch Covid-19, đặc biệt là thị trường xuất khẩu của THIBIDI.

Thị trường phục hồi vào cuối quý 3 và tăng đột biến suốt quý 4 do nhu cầu máy biến áp (MBA) cho các dự án năng lượng Mặt trời.

THIBIDI	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	3.006	2.831	-5,8%
Lợi nhuận sau thuế	173	160	-7,5%

Năm 2020, THIBIDI đã kịp thời đưa ra các chính sách, phương án kinh doanh như sau:

- Phương án hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho các Đại lý phân phối từ tháng 4 đến tháng 12/2020.
- Tổ chức hội thảo về MBA sử dụng cho các dự án năng lượng mặt trời tại Tây Nguyên và một số buổi hội thảo nhỏ khi các chủ đầu tư yêu cầu.
- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, nâng cao lợi thế khi đưa ra chính sách bảo hành 10 năm đối với dòng sản phẩm High quality, 5 năm đối với dòng sản phẩm Ecotrans, đưa tuổi thọ tất cả các dòng sản phẩm lên đến 20 năm củng cố niềm tin cho khách hàng và chủ đầu tư khi lựa chọn sản phẩm của THIBIDI.

Trong công tác Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm, THIBIDI đã đạt được những thành tựu như sau:



- Sử dụng vật liệu mới, cải tiến thiết kế, tiết kiệm vật tư, giảm giá thành cho dây MBA Amorphous 3pha (100÷2000) kVA tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Ban hành các giải pháp thi công quấn dây trên máy quấn dây IMI (mô phỏng theo máy quấn dây Tuboly) để tăng sản lượng sản xuất MBA năng lượng mặt trời, cũng như ban hành các phương án thiết kế sử dụng vật liệu hiện có (đồng lá, tole silic các loại) đáp ứng nhu cầu đột biến của thị trường.
- Từng bước tự động hóa quá trình gia công cơ khí và sản xuất vỏ thùng.

Về hoạt động sản xuất, trong bối cảnh những tháng cuối năm ngành năng lượng tái tạo phát triển, đơn hàng nhiều, tăng đột biến, nhưng vật tư cung ứng không đủ, không đúng chủng loại theo thiết kế và chậm theo tiến độ của kế hoạch gây khó khăn cho sản xuất nhưng các đơn vị đã cố gắng khắc phục khó khăn từ khâu thiết kế đến sản xuất để cung ứng kịp thời cho thị trường MBA 3 pha: 6.349 chiếc, MBA 1 pha: 3.187 chiếc.

- Tăng cường kiểm tra và giám sát quá trình, hoàn thiện khâu tổ chức sản xuất, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí vật tư, giảm sai hỏng trong sản xuất và đã hoàn

thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

- THIBIDI đã xây dựng giá bán phù hợp đối với dòng MBA năng lượng mặt trời và ban hành chính sách kích cầu kịp thời nhằm tăng doanh số và đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cân đối nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu dự trữ nguyên vật liệu tránh biến động về giá nhằm phục vụ tốt sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiểm soát tốt tình hình tài chính năm 2020, duy trì mức độ ổn định và đảm bảo đủ tiềm lực để tiếp tục phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các kế hoạch đầu tư dài hạn của THIBIDI trong thời gian tới. Đảm bảo BCTC định kỳ theo quy định được lập chính xác, tuân thủ các quy định về công bố thông tin.
- Phối hợp triển khai hệ thống ERP – SAP nhằm tối ưu hoá nguồn lực tài chính để sẵn sàng đưa vào vận hành từ 01/04/2021.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020



1.3 Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)

Năm 2020, tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều biến động, với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo HEM trong điều hành sản xuất kinh doanh, sự đoàn kết và nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên, HEM đã hoàn thành việc tái cấu trúc, ổn định dây chuyền sản xuất và sắp xếp lao động phù hợp với mô hình tổ chức công ty. Sau khi nhận sáp nhập Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungary, HEM tổ chức rà soát, lựa chọn thiết kế sản phẩm tối ưu; sắp xếp lại mặt bằng, dây chuyền sản xuất; xử lý hàng tồn kho lâu, thiết kế lạc hậu, không phù hợp với định hướng của HEM; trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo an toàn trong công tác tài chính; cơ cấu tổ chức lại bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ sửa chữa của HEM theo chiến lược phát triển ngành hàng.

HEM	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	502	549	9,3%
Lợi nhuận sau thuế	85	10,7	-87,4%

Doanh thu hợp nhất của HEM tăng trưởng 9,3% so với năm 2019. Có được kết quả này là do nỗ lực trong công tác tiêu thụ sản phẩm, ngoài các sản phẩm chính là động cơ điện và ngành hàng dịch vụ sửa chữa, HEM còn thực hiện các dự án, làm tổng thầu, cung cấp hàng hóa, sản phẩm phụ trợ ngành điện, trạm bơm, xây lắp điện.... làm gia tăng khả năng cung ứng sản phẩm ra thị trường, đẩy mạnh phát triển thương hiệu HEM.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của HEM năm 2020 thực hiện là 10,7 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch năm, không đạt chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Nguyên nhân chủ yếu do: Công ty mẹ thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thêm vào đó là ảnh hưởng từ hoạt động SXKD của Công ty TNHH SAS-CTAMAD – đơn vị liên kết của HEM. Đây là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và văn phòng cho thuê. Trong năm, dịch Covid-19 đã tác động xấu tới hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH SAS-CTAMAD, các đường bay quốc tế bị hạn chế, thậm chí đóng cửa, việc thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người ... ảnh hưởng đáng kể tới kết quả kinh doanh mảng lưu trú của khách sạn 5 sao Melia Hà Nội và mảng kinh doanh dịch vụ hội thảo, hội nghị, nhà hàng. Theo đó, kết quả lợi nhuận hợp nhất của HEM cũng bị suy giảm.

Các công ty con gồm Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội (HECO) và Công ty TNHH Thiết bị lưới điện G-POWER (G-POWER) đang trong quá trình cơ cấu lại mô hình hoạt động. Công ty mẹ HEM đang thực hiện cấu trúc lại Công ty G-POWER, tạm ngừng sản xuất máy biến áp theo định hướng tập trung phát triển ngành hàng cốt lõi của HEM. Công ty HECO được chuyển đổi từ mô hình cổ phần sang công ty TNHH 100% vốn của HEM. HECO là đại diện của HEM tại khu vực phía Nam trong công tác tiêu thụ sản phẩm và cung cấp dịch vụ sửa chữa. Năm 2020, HECO hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra; so với năm 2019, tổng doanh thu tăng 58%, lợi nhuận trước thuế tăng 44%.

1.4 Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC

Năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng bất lợi chung của dịch bệnh Covid-19, song với chủ trương chủ động lựa chọn chiến lược, giữ vững và gia tăng thị phần, cùng với sự nỗ lực đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên, EMIC đã linh hoạt đối phó với tình hình biến động phức tạp của thị trường một cách hiệu quả. Năm 2020 tình hình sản xuất kinh doanh của EMIC tuy có sự tăng trưởng vượt bậc về các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

EMIC	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	774	1.221	57,8%
Lợi nhuận sau thuế	102	170	66,7%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020



Giai đoạn 2020-2025 nền kinh tế Việt Nam chủ trương tập trung phát triển công nghiệp, trọng tâm là ngành công nghiệp điện và năng lượng tái tạo, rất phù hợp với công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm của EMIC, đặc biệt là năm 2020 với việc phát triển mạnh mẽ của các dự án điện mặt trời và chủ trương công nghệ thông tin hóa nên nhu cầu của ngành điện cho các sản phẩm thiết bị đo điện tăng cao, tạo ra cơ hội rất lớn cho EMIC.

Trong những năm vừa qua, cùng với chiến lược tiếp cận thị trường đúng đắn, chính sách phát triển đa dạng hóa các dòng sản phẩm (các loại công tơ điện tử thu thập dữ liệu bằng nhiều công nghệ khác nhau: RF-MESH, PLC, GPRS..., các sản phẩm biến dòng, biến áp đo lường kết hợp) đáp ứng yêu cầu đa dạng và ngày càng cao của khách hàng, các sản phẩm EMIC đã khẳng định được chất lượng và vị thế trên thị trường, tiền đề rất tốt để đẩy mạnh công tác bán hàng của EMIC trong các giai đoạn sắp tới. Mặc dù có một số mặt hàng, chỉ tiêu bán hàng đưa ra chưa đạt được như kỳ vọng, tuy nhiên năm 2020, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của EMIC tương đối khả quan, đặc biệt là sự tăng trưởng rất lớn đối với mặt hàng chủ lực là công tơ điện tử, các loại thiết bị đo xa điện tử, doanh thu của các mặt

hàng biến dòng, biến áp (TU-TI) cũng đều đạt trên mức kế hoạch đề ra.

Doanh thu bán hàng trực tiếp cho các đơn vị thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chiếm hơn 80% tổng doanh thu, chủ yếu thông qua đấu thầu. Năm 2020, EMIC trực tiếp và thông qua công ty mẹ, Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX đã tham gia tổng tất cả 104 gói thầu bao gồm các gói thầu của các Tổng Công ty và các Công ty điện lực thành viên, tăng 24% so với năm 2019 (84 gói thầu), trong đó có 62 gói trúng thầu với tổng giá trị khoảng 1.178 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2019 (925 tỷ), đảm bảo việc làm cho cán bộ công nhân viên không những trong năm 2020 mà còn cho cả những tháng đầu năm 2021.

Ngoài những gói thầu tham gia trực tiếp, EMIC còn ủy quyền cho khách hàng tham gia những gói thầu mà sản phẩm của EMIC đủ điều kiện đáp ứng (Thầu phụ) là 117 gói thầu, trong đó có những gói thầu tại khu vực miền Trung, đánh dấu sự quay trở lại của các sản phẩm TU-TI khô tại thị trường này.

Năm 2020, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và tính cạnh tranh của thị trường, đội ngũ Kỹ sư của EMIC đã không ngừng tìm tòi, để đưa ra các sản phẩm mới, với nhiều tính năng phù hợp; liên tục cải tiến các sản phẩm truyền thống, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh so với các sản phẩm khác.

Với chủ trương và định hướng phát triển sản phẩm công tơ điện tử đơn giản nhằm thay thế cho sản phẩm công tơ cơ khí truyền thống. Năm 2020 đội ngũ kỹ sư của EMIC đã hoàn thành việc thiết kế và chế tạo sản phẩm mẫu công tơ ba pha một biểu giá kiểu đơn giản thay thế hoàn toàn cho sản phẩm công tơ ba pha cơ khí, đáp ứng về yêu cầu kỹ thuật và giá thành cạnh tranh.

Năm 2020, sản phẩm Bộ lặp tích hợp (Repeater R-01) đã được thiết kế và lập trình cho phép đọc dữ liệu một số chủng loại công tơ RF phổ biến của các

nhà cung cấp khác trên thị trường, có khả năng tích hợp vào hệ thống thu thập dữ liệu qua DCU của EMIC đang hiện hữu trên lưới, sản phẩm được thiết kế và lập trình cho phép đọc các chủng loại công tơ không hỗ trợ RF MESH của GELEX EMIC như CE-18G, ME-40m và tích hợp vào hệ thống RF MESH đang triển khai tại các Tổng công ty điện lực.

Sản phẩm module MESH-RF-04 được thiết kế và chế tạo thành công, cho phép kết nối và đọc dữ liệu công tơ của nhà sản xuất khác (A1700, A1120 của Elster) và có khả năng thu thập dữ liệu tự động thông qua hệ thống thu thập bằng DCU.

Các sản phẩm modem công nghệ GPRS cho phép thu thập chỉ số các loại công tơ của GELEX EMIC và của các nhà cung cấp khác trên thị trường cũng đã được thử nghiệm thành công, được nhiều khách hàng trên cả nước lắp đặt và sử dụng, bao gồm cả khách hàng lẻ và khách hàng điện lực.

Các sản phẩm hỗ trợ đo xa này đã góp phần rất lớn tạo ra sự tăng trưởng doanh thu các thiết bị đo xa của EMIC trong năm 2020.

Với kế hoạch và mục tiêu phát triển thêm ngành hàng đồng hồ nước trong năm 2020, các kỹ sư trẻ đã nghiên cứu, thiết kế và chế tạo sản phẩm mẫu Module truyền thông lắp đặt cho đồng hồ nước thương hiệu EMIC. Giải pháp được phát triển dựa trên công nghệ truyền thông LORA, cho phép truyền dữ liệu với khoảng cách xa lên đến 1000 mét, cho phép người vận hành có thể sử dụng điện thoại, máy tính bảng để đọc dữ liệu đồng hồ ở khoảng cách gần và in trực tiếp hóa đơn tại chỗ. Giải pháp này cũng cho phép tự động thu thập dữ liệu đồng hồ bằng bộ tập trung DCU và khai thác dữ liệu từ Server.

Năm 2020 phòng Kỹ thuật điện tử đã tiếp tục hoàn thiện hơn nữa phần mềm quản lý sản xuất Psoft, giảm thiểu bớt các thao tác bằng tay, tích hợp thêm nhiều chủng loại sản phẩm mới để đưa vào quản lý quá trình sản xuất một cách chặt chẽ. Công tác kiểm tra chất lượng được định hướng để chuyển biến theo hướng nâng cao trình độ chuyên môn lao động, phân công quản lý rõ ràng, thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm tra.

Ngoài đội ngũ Kỹ sư phòng Kỹ thuật điện tử, các Kỹ sư phòng Kỹ thuật cũng luôn tìm hướng nghiên cứu để đưa ra các sản phẩm mới, cải tiến công nghệ sản xuất, cải tiến các sản phẩm:

Thiết kế mới, hoàn thiện hồ sơ phê duyệt Mẫu để đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp sản phẩm máy biến dòng, biến áp đo lường kết hợp (hợp bộ, CPT hay MOF) 1 pha đến 35kV, 3 pha đến 24kV kiểu kín



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020



hoàn toàn. Sản phẩm được lắp đặt và vận hành thử nghiệm từ tháng 5 năm 2020. Việc sản xuất thành công CPT góp phần mở ra một ngành hàng mới, khẳng định vị thế dẫn đầu của EMIC trong việc sản xuất các thiết bị đo điện.

- Hoàn thiện thiết kế các loại biến dòng hạ thế (hình chữ nhật) với thiết kế nhỏ gọn đáp ứng các thông số kỹ thuật, góp phần đa dạng hóa sản phẩm của công ty;
- Lắp đặt thành công dây chuyền lắp ráp kiểm tra đồng hồ nước, đưa vào sản xuất thử nghiệm 04 loại đồng hồ nước;
- Thiết kế các khuôn, gá, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nâng cao năng suất, độ chính xác và đảm bảo an toàn cho công nhân (gá gập giấy, quần ống giấy cách điện, máy mài đầu code hạ thế, gá kiểm mạch nguồn công tơ...);
- Thiết kế mới và đưa vỏ bọc lõi tôn bọc giảm chấn cho mạch từ biến dòng thay thế được silicone giúp nâng cao chất lượng phóng điện cục bộ máy biến dòng;

- Nghiên cứu và ứng dụng vật liệu bọc lõi tôn biến áp đúc chân không thay thế Silicon RTV để giảm sự ảnh hưởng của axit tới chất lượng sản phẩm và cải thiện môi trường làm việc cho công nhân.

1.5 Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (EEMC)

Trong bối cảnh khó khăn chung, nhất là diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, bằng sự năng động và quyết liệt trong điều hành của Ban lãnh đạo, sự sáng tạo của đội ngũ kỹ sư, cán bộ công nhân viên lao động, EEMC đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2020.

Trong năm 2020, EEMC đã hoàn thành việc sửa chữa và đưa vào đóng điện vận hành pha A máy biến áp AT2 Trạm biến áp 500kV Hòa Bình, được khách hàng và các đơn vị liên quan đánh giá cao về chất lượng. Đây là dấu mốc quan trọng về sự trưởng thành vượt bậc trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt của đội ngũ Kỹ sư, công nhân lao động trẻ trong EEMC. Cũng trong năm nay, EEMC đã ban hành bộ tài liệu chuẩn về hướng dẫn bảo quản, vận chuyển và lắp đặt máy biến áp. Về chế độ bảo hành: Đối với MBA 110kV, EEMC đã thực hiện chế độ bảo hành 24 tháng kể từ ngày đóng điện vận hành hoặc 30 tháng kể từ ngày giao hàng. Đối với các máy biến áp từ 220kV trở lên, EEMC thực hiện chế độ bảo hành 60 tháng kể từ ngày đóng điện vận hành hoặc 66 tháng kể từ ngày giao hàng (theo điều kiện hợp đồng). Về các dịch vụ sau bán hàng, EEMC cung cấp dịch vụ hướng dẫn lắp đặt (đối với các máy biến áp EEMC không trực tiếp lắp), hướng dẫn và đào tạo vận

hành cho các đơn vị khi có yêu cầu. EEMC đã ký quy chế phối hợp với một số đơn vị trong ngành điện về việc sẵn sàng hỗ trợ xử lý các sự cố tại trạm 24/24h khi nhận được thông tin từ khách hàng để khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất, đảm bảo sự vận hành an toàn, liên tục của lưới điện. Bên cạnh đó, EEMC thường xuyên cử chuyên gia phối hợp cùng các đơn vị trong ngành thực hiện việc khảo sát, đánh giá tình trạng vận hành của các máy biến áp có nguy cơ đe dọa sự cố, xây dựng phương án bảo dưỡng, sửa chữa để ngăn ngừa sự cố, nâng cao an toàn vận hành cho hệ thống điện.

Năm 2020 cũng là năm mà EEMC đã có nhiều đầu tư, nâng cấp hệ thống nhà xưởng, thiết bị, chú trọng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng sản phẩm. Với khả năng vận hành cơ bản ổn định và tin cậy, các máy biến áp từ EEMC đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh cung cấp điện cho nền kinh tế quốc dân (theo thống kê, tỷ trọng MBA của EEMC trên lưới điện 220kV là 45% và 110kV là 37%).

Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

EEMC	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	2.375	2.422	2%
Lợi nhuận sau thuế	118	142	20,3%

1.6 Tổng Công ty Viglacera – CTCP

Nhìn lại năm 2020, hoạt động SXKD của Tổng Công ty Viglacera đạt kết quả tốt, đặc biệt Công ty mẹ Viglacera tiếp tục thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, đi đầu trong việc duy trì và hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch cam kết với Đại hội đồng cổ đông.

Cụ thể, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 736 tỷ đồng vượt 23% kế hoạch được ĐHCĐ giao, tăng 17 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế Tổng Công ty Viglacera-CTCP đạt 841 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch ĐHCĐ giao.

Doanh thu Công ty mẹ đạt 3.918 tỷ đồng đạt 109% KH được ĐHCĐ giao.

Doanh thu hợp nhất Tổng Công ty Viglacera-CTCP đạt 9.433 tỷ đồng đạt 114% kế hoạch được ĐHCĐ giao.

- Tuy doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt được mục tiêu kế hoạch,

nhưng chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế được xem xét là chưa có sự tăng trưởng so với năm 2019. Điều này được xem xét đánh giá tổng quan với các nguyên nhân chủ yếu như sau: Tình hình Covid-19 diễn biến phức tạp, việc thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh và thiên tai bão lũ đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu của thị trường; đặc biệt tại các khu vực thị trường miền Trung và một số tỉnh miền Nam; Theo đó, nhu cầu thị trường xây dựng và VLXD giảm, hệ thống bán hàng trực tiếp (thông qua hệ thống đại lý, cửa hàng, showroom...) bị đứt gãy, làm giảm khả năng kinh doanh. Đồng thời áp lực cạnh tranh của thị trường trong nước gia tăng mạnh (đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm chủ đạo như kính, sứ, gạch ốp lát) do các doanh nghiệp thực hiện chính sách xả hàng tồn kho, thu hồi vốn dẫn đến giá bán giảm sâu ảnh hưởng đến hiệu. Các đơn vị sản xuất kinh doanh VLXD trong Tổng Công ty đồng loạt phải điều chỉnh giảm sản lượng sản xuất, duy trì sản xuất tối thiểu, chỉ tập trung sản xuất các sản phẩm có hiệu quả, khả năng tiêu thụ tốt... để cân đối và hạn chế tăng hàng tồn kho, ứ đọng vốn...

- Lĩnh vực bất động sản: tuy có bị ảnh hưởng từ yếu tố dịch bệnh, tuy nhiên đã tận dụng cơ hội chuyển dịch đầu tư nước ngoài, Viglacera đã tập trung, chủ động triển khai đầu tư và kinh doanh khai thác hiệu quả lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN, nhà ở xã hội trong lĩnh vực bất động sản, khai thác hiệu quả quỹ đất hiện có. Do đó, kết quả hoạt động của lĩnh vực bất động sản đều đạt và vượt mục tiêu kế hoạch.

Viglacera	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	10.146	9.433	-7.03%
Lợi nhuận sau thuế	759	667	-12.12%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020



B. NHÓM NGÀNH HẠ TẦNG

1. Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX

Tính đến ngày 31/12/2020, GELEX Hạ tầng đã thực hiện được 115% kế hoạch doanh thu và 227% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Cụ thể tình hình hoạt động sản xuất tại các công ty thành viên như sau:

1.1 Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Viwasupco - SDW)

Không nằm ngoài những ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, một số hạng mục nâng cấp, đầu tư mới của Viwasupco bị chậm tiến độ. Sản lượng nước sạch tiêu thụ của các khách hàng trong Quý I/2020 giảm do một số lĩnh vực kinh doanh dịch vụ ăn uống, khách sạn đóng cửa, nhà xưởng bị dừng sản xuất, học sinh nghỉ học.

Tuy nhiên do khách hàng chính của Viwasupco đều là những đơn vị lớn, có vùng cấp nước rộng, đã có thời gian hợp tác từ lâu và ổn định đồng thời địa bàn bao phủ của Viwasupco thuộc khu vực Tây Nam Hà Nội có tốc độ phát triển cao, nên nhìn lại năm 2020 các chỉ tiêu chính thể hiện sự tích cực và vượt so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Doanh thu thuần của Viwasupco chỉ có sự sụt giảm nhẹ 1,11%.

Viwasupco	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	540	534	-1,11%
Lợi nhuận sau thuế	138	195	41,3%

Nhìn chung, trong năm qua, Viwasupco đã thực hiện sản xuất nước sạch an toàn, đảm bảo chất lượng sản phẩm nước sạch theo đúng các tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn của Bộ Y tế ban hành. Viwasupco đã tiến hành xét nghiệm các mẫu nước, duy trì mẫu nước đầu ra, xét nghiệm 13 chỉ tiêu A theo ACVN01:2001 theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

Hoàn thành bảo dưỡng định kỳ lớn xong 02 bơm và 01 máy biến áp của trạm bơm sông; 01 bơm của trạm bơm hồ.

Các công tác tuần tra, kiểm tra toàn bộ tuyến ống được thực hiện liên tục, thường xuyên, theo đúng kế hoạch được phê duyệt và yêu cầu quy trình công nghệ. Tính đến thời điểm hiện tại, Viwasupco đang nắm thị phần khoảng 25% tổng sản lượng toàn hệ thống; độ phủ thị trường của Viwasupco thông qua các đối tác phân phối phục vụ khoảng hơn 1,1 triệu người dân, chiếm khoảng 29% dân số đô thị. Tuy nhiên, với tình hình đầu tư phát triển các nguồn cấp mới cũng như phát triển mạng lưới truyền tải, phân phối và dịch vụ như hiện nay thì thị phần và độ phủ thị trường của Viwasupco có thể có những biến động trong tương lai. Trong năm qua lượng nước tiêu thụ của các khách hàng chính đều tăng hơn so với năm 2019, tổng mức tiêu thụ 103,215/99,363 triệu m³, đạt 103,88% so với kế hoạch, trung bình 282.009/271.484 m³/ng.đ và được tập trung ở 05 khách hàng lớn, chiếm 95,55% sản lượng: (1) Viwaco; (2) Nước sạch Hà Đông; (3) Wadaco; (4) Đồng Tiến Thành; (5) Dịch vụ địa chất. Trong tương lai, Viwasupco vẫn tiếp tục phối hợp và hợp tác chặt chẽ với các đối tác phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận khách hàng của Viwasupco. Viwasupco cũng sẽ triển khai hợp tác với các đối tác tiềm năng nhằm duy trì đầu nổi cũng như phát triển năng lực mạng lưới cấp nước và tiến sâu vào các thị trường tiềm năng.

1.2 Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (PTM)

Trong năm 2020, hoạt động sản xuất điện năng của Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A đạt hiệu quả cao. Sản lượng điện thương phẩm đạt 146.357.221 kWh, tương đương 125,17% kế hoạch năm, tương ứng là 199 tỷ đồng doanh thu, tương đương 122% kế hoạch đề ra. Năm 2020 mặc dù dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp trong nửa đầu năm, tại địa bàn kinh doanh chính của PTM là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng dịch bùng phát từ cuối tháng 7 cho đến hết tháng 9/2020 nhưng PTM đã tập trung mọi biện pháp đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD đề ra; cụ thể doanh thu đạt 298 tỷ đồng, đạt 31,5% kế hoạch. Giá trị doanh thu này đạt mức cao nhất từ khi thành lập, lợi nhuận sau thuế đạt được 43 tỷ đồng.

Bên cạnh thời tiết thuận lợi cho công tác phát điện nhà máy thủy điện Sông Bung 4A, công tác quản lý vận hành nhà

máy đã được CBNV thực hiện tốt đảm bảo phát điện với sản lượng điện tốt nhất nhưng vẫn tuân thủ an toàn cho các tổ máy bên cạnh đó công ty luôn tuân thủ thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa, thực hiện đúng quy trình xả lũ do UBND tỉnh Quảng Nam và các cơ quan có liên quan chỉ đạo vì vậy trong mùa lũ vừa qua không xảy ra sự cố đáng kể nào ảnh hưởng đến công tác SXKD cũng như uy tín của PTM.

Phú Thạnh Mỹ	2019 (tỷ VNĐ)	2020 (tỷ VNĐ)	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	135	298	121%
Lợi nhuận sau thuế	(47)	43	

Đồng thời với lợi thế sẵn có về thương hiệu và là thành viên của GELEX, PTM đã đẩy mạnh mảng kinh doanh thương mại Cấp CADIVI và Máy biến áp THIDIBI, trong 2 năm liền PTM nằm trong top 5 nhà phân phối cấp CADIVI lớn nhất miền Trung Tây Nguyên.

Với định hướng xây dựng giá trị cốt lõi đồng thời tăng thêm doanh thu và lợi nhuận để bù đắp giá trị sản xuất kinh doanh điện cho các năm tình hình thủy văn diễn biến phức tạp



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020



không đủ nước để phát điện, PTM chủ động phát triển trong mảng dịch vụ kỹ thuật gồm: Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện (thủy điện, điện gió, trang trại điện mặt trời, điện mặt trời áp mái) công tác đào tạo quản lý vận hành, công tác thi công các dự án công trình Điện công nghiệp, điện dân dụng, công tác tư vấn xây dựng.... Với lợi thế sở hữu đội ngũ cán bộ kỹ thuật cao lành nghề trong lĩnh vực Điện, Điện công nghiệp. Trong năm 2020, PTM đã chủ động triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả nhất định, như khảo sát tư vấn lập f/s cho dự án ĐMT mái nhà GELEX Ninh Thuận với 20 dự án tổng công suất 18MWp, trực tiếp thi công 9/20 dự án đảm bảo tiến độ COD hưởng giá ưu đãi FIT2 cũng như chất lượng theo yêu cầu CĐT, quản lý vận hành an toàn Nhà máy ĐMT GELEX Ninh Thuận, khai giảng đào tạo QLVH cho nhà cán bộ QLVH nhà máy thủy điện Nậm Lùm – Lai Châu, khai giảng đào tạo QLVH cho cán bộ QLVH nhà máy Điện gió Hường Phùng, GELEX 1,2,3 tại Quảng Trị...

1.3 Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận

Nhà máy điện mặt trời GELEX Ninh Thuận chính thức hết giảm phát kể từ ngày 01/07/2020, đạt công suất phát tối đa theo thiết kế, cải thiện được tình trạng thâm hụt nguồn vốn do lợi nhuận âm từ việc giảm phát.

Sản lượng điện thương phẩm sản xuất vượt kế hoạch đề ra do hiệu năng sản xuất điện nhà máy rất ổn định, luôn đạt mức tối đa công suất thiết kế nếu không bị các yếu tố khách quan ảnh hưởng (thời tiết, sự cố đường dây, ...vv...).

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020
Sản Lượng	59.939.000 Kwh	65.560.830 Kwh
Doanh Thu	132 tỷ VNĐ	144 tỷ VNĐ
Lợi Nhuận trước thuế	1.3 tỷ VNĐ	-1.9 tỷ VNĐ

Nhà máy đưa vào sử dụng hệ thống điện mái nhà tại nhà máy GELEX Ninh Thuận với công suất lắp đặt 100kwp.

Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2020, Nhà máy vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tình trạng giảm phát làm dẫn đến doanh thu phát điện giảm, hiệu quả kinh tế không đạt như kỳ vọng. Thời tiết Ninh Thuận các tháng cuối năm 2020 có nhiều thay đổi thất thường và bất lợi do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, các tháng mùa mưa kéo dài dẫn đến suy giảm độ bức xạ mặt trời kéo theo hiệu năng sản xuất điện mặt trời bị suy giảm trầm trọng. Mưa lũ kéo dài cũng dẫn đến sạt lở tại nhà máy các tháng cuối năm làm thiệt hại kinh tế cho nhà máy. Bên cạnh đó, các chính sách ưu đãi phát triển nguồn năng lượng tái tạo của Nhà nước dẫn đến ngành này đang phát triển nóng trong thời gian gần đây và trong tương lai sắp tới (FIT1, FIT2, FIT3). Hiện nay trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của nhà nước về việc phát triển năng lượng sạch, vậy nên số lượng các dự

án đầu tư liên quan đến điện mặt trời và điện gió tăng cao đột biến. Sự mở rộng ồ ạt của các nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ lẻ xung quanh đang trong giai đoạn mở rộng, xây dựng nhà máy mới trước ngày 31/12/2020 để hưởng mức giá FIT2 (căn cứ quyết định số 13/2020/QĐ-TTg) đã để lại nhiều hệ lụy cho nhà máy GELEX Ninh Thuận như:

- Tiếp diễn tình trạng quá tải lưới điện cục bộ tại Khu vực Ninh Thuận, dẫn đến nhà máy GELEX Ninh Thuận tiếp tục bị giảm phát vì quá tải lưới điện như trước đây.
- Cũng nguyên nhân do điện mặt trời đầu nổi quá nhiều dẫn đến hiện nay Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0) đang xem xét điều chỉnh phương án huy động nguồn cung điện từ điện mặt trời nhằm tránh tình trạng thiếu nguồn cục bộ (vì điện mặt trời dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết), việc này cũng làm ảnh hưởng đến công suất phát của nhà máy.
- Do ảnh hưởng bởi Covid-19 nhu cầu sử dụng điện bị sụt giảm cộng thêm việc đầu nổi ồ ạt của điện mặt trời trước ngày 31/12/2020, làm nguồn cung điện dư thừa ảnh hưởng đến việc mua điện của EVN đối với nhà máy.

Ước tính 2 tháng cuối năm 2020 và có thể tiếp diễn qua những tháng đầu năm 2021 tình trạng giảm phát này vẫn có thể tiếp tục, sản lượng nhà máy có thể suy giảm từ 10% đến 20% công suất. Dự báo trong năm 2021 và các năm tiếp theo khi tình trạng dịch bệnh được đẩy lùi; các ngành nghề kinh tế được hồi phục nhu cầu sử dụng điện tăng trưởng dương, ngành điện nói chung sẽ có những dấu hiệu khả quan mới đầy hứa hẹn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ



TẠI GELEX

Hoàn thành việc tăng tỷ lệ sở hữu lên 46,07% cổ phần của Tổng Công ty Viglacera để Viglacera trở thành công ty liên kết của GELEX, tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững, tập trung vào 02 mũi nhọn chính là Sản xuất Công nghiệp bao gồm thiết bị điện, vật liệu xây dựng và Hạ tầng bao gồm sản xuất điện năng lượng tái tạo, sản xuất nước, bất động sản khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp.

Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV GELEX Logistics ("GELEX Logistics")

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV GELEX Logistics ("GELEX Logistics") cho một đối tác doanh nghiệp. Theo đó kể từ ngày này, Tổng Công ty đã không kiểm soát trực tiếp trong Công ty GELEX Logistics và gián tiếp tại các công ty con của Công ty GELEX Logistics như trình bày dưới đây:

- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam;
- Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics;
- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh;
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex;
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans;
- Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam và Các công ty con.

MẢNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP – NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần tại Công ty con

- Quý 1 năm 2020, Tổng Công ty tổ chức lại Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (trước đây là "Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX") (GELEX Electric) thông qua hình thức chuyển nhượng một phần vốn điều lệ mà Tổng Công ty đang sở hữu tại GELEX Electric và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của GELEX Electric từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

Tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty con

- Quý 1/2020, Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX mua thêm 1.045.390 cổ phiếu CADIVI nâng tỷ lệ lợi ích ở Công ty này từ 94,01% lên 95,82%;
- Quý 1/2020 và Quý 3&4/2020, Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX mua thêm 4.129.620 cổ phiếu THI đã nâng tỷ lệ lợi ích ở THIBIDI tăng từ 80,31% lên 89,69%.

Hợp nhất Công ty Dây đồng Việt Nam CFT

- Trong quý 3/2020, GELEX Electric hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 63,65% phần vốn góp của Công ty Dây đồng Việt Nam CFT, nâng tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại công ty này từ 36,35% lên 100% kể từ ngày 28 tháng 08 năm 2020.

MẢNG HẠ TẦNG – NHÓM NGÀNH DỊCH VỤ TIỆN ÍCH VÀ NĂNG LƯỢNG

Thành lập các công ty dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Hoàn thành việc triển khai 18MW điện mặt trời áp mái, đưa vào sử dụng trước thời điểm 31/12/2020.

Tiến hành lắp đặt các cột gió tại 02 dự án điện gió Hướng Phùng 2; 3 và GELEX 1, 2, 3 tại tỉnh Quảng Trị, dự kiến hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án này trước thời điểm tháng 10 năm 2021.

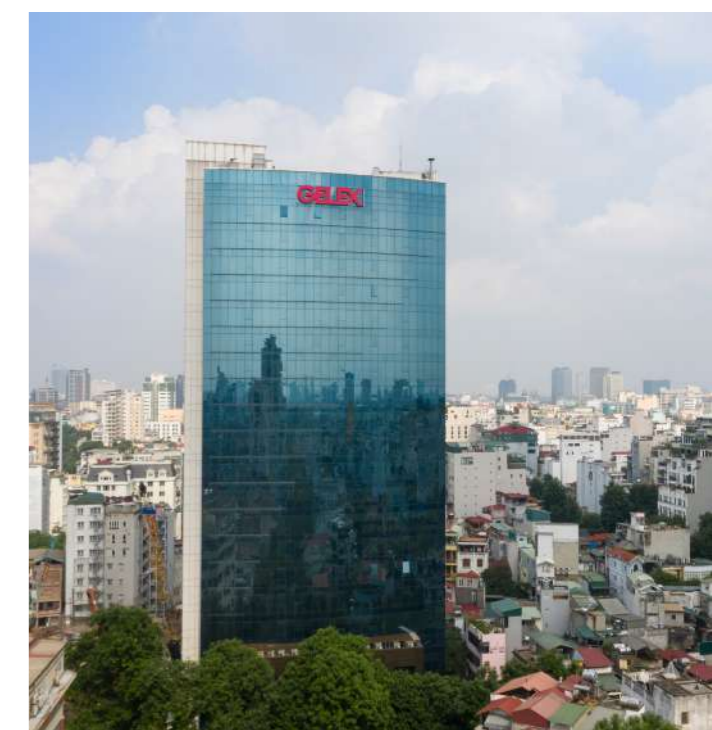
MẢNG HẠ TẦNG – NHÓM NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

Quản lý và vận hành hiệu quả, tạo ra dòng tiền ổn định từ việc khai thác và cho thuê lấp đầy tòa nhà GELEX Tower tại 52 Lê Đại Hành – Hà Nội.

Tiếp tục khai thác hiệu quả tổ hợp khách sạn Melia; hoàn thành việc nâng cấp cải tạo sửa chữa khách sạn trong thời gian giãn cách xã hội vì dịch bệnh Covid-19 nhằm chuẩn bị cho việc tái thiết lập hoạt động kinh doanh bình thường khi dịch bệnh qua đi.

Khởi công và xây dựng dự án CADIVI Tower tại TPHCM vào đầu quý 1/2020.

Triển khai dự án Tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê tại số 10, phố Trần Nguyên Hãn, Hà Nội. Dự kiến hoàn thành, đưa dự án vào khai thác, sử dụng trong năm 2023.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu GELEX	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,09	1,21
Hệ số thanh toán nhanh	0,75	0,91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	0,59	0,7
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,46	2,31
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,25	5,16
4. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,05	0,05
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,12
Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,04	0,04
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,06



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/12/2020)

	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổ chức	190.626.754	39%
Trong nước	128.477.087	26,3%
Nước ngoài	62.149.667	12,7%
Cá nhân	279.342.296	57,2%
Trong nước	278.435.751	57%
Nước ngoài	906.545	0,2%
Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ		
Cổ phiếu quỹ	18.274.950	3,7%
Tổng cộng	488.244.000	100%

Tại thời điểm ngày 14/12/2020, thông tin Cổ phần của GELEX như sau:

Vốn điều lệ: **4.882.440.000.000 đồng**

Khối lượng cổ phiếu niêm yết: **488.244.000 cổ phiếu**

Khối lượng cổ phiếu lưu hành: **469.969.050 cổ phiếu**

Cổ phiếu quỹ: **18.274.950 cổ phiếu**

Mệnh giá 1 cổ phiếu: **10.000 đồng**

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA GELEX

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Khi cổ phần hóa	1.400			Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2010.
Tháng 8/2015	1.550	150	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 215/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2015; Công văn số 4667/UBCK-QLPH ngày 27/7/2015 về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 16/9/2015.
Tháng 1/2017	2.320	770	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016; Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 60/GCN-UBCK ngày 04/10/2016; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 6 ngày 21/02/2017.
Tháng 7/2017	2.668	348	Phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 21/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2017; Công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 18/07/2017 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH của TCT cổ phần thiết bị điện Việt Nam; Giấy CNĐKKD số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 7 ngày 23/08/2017.
Tháng 06/2018	3.388	720	Phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền lần 1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ – ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016; Nghị Quyết HĐQT số 09/2018/GELEX/HĐQT – NQ ngày 14/05/2018; Nghị Quyết HĐQT số 14/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 28/06/2018.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA GELEX

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Tháng 8/2018	4.065,6	677,6	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHCĐ số 08/GELEX/NQ – ĐHCĐ ngày 27/04/2018; Nghị quyết HĐQT số 17/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 17/07/2018; Nghị quyết HĐQT số 24/2018/GELEX/NQ – HĐQT ngày 23/08/2018.
Tháng 6/2019	4.245,6	180	Phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền lần 2	<ul style="list-style-type: none"> Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ – ĐHCĐ ngày 01/08/2016; Nghị Quyết HĐQT số 13/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 03/05/2019; Nghị Quyết HĐQT số 16/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 19/06/2019.
Tháng 9/2019	4.882,440	636,840	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHCĐ số 11/GELEX/NQ – ĐHCĐ ngày 19/04/2019; Nghị quyết HĐQT số 22/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 22/07/2019; Nghị quyết HĐQT số 25/2019/GELEX/NQ – HĐQT ngày 04/09/2019.

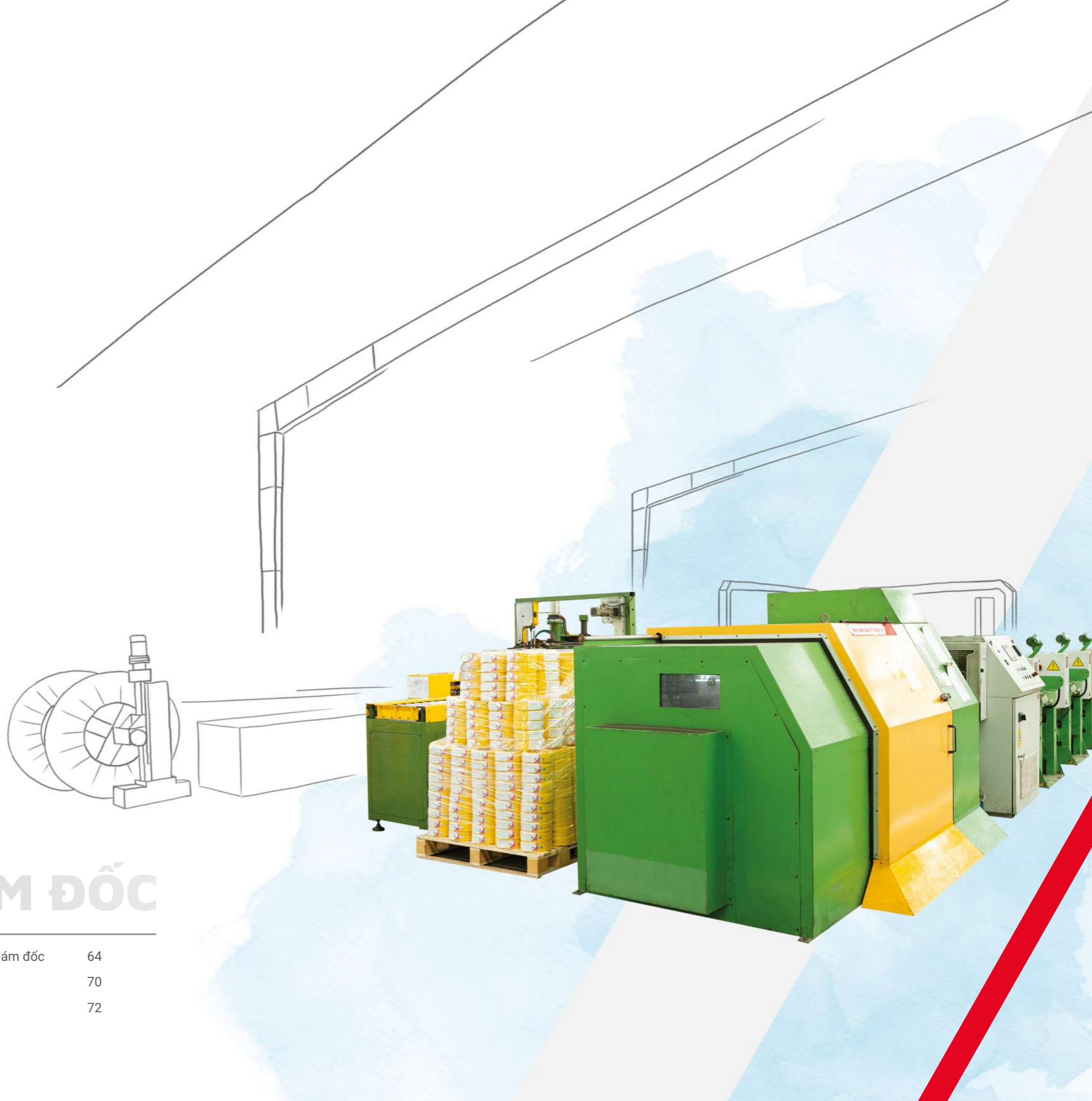


PHẦN

/04

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của ban Tổng Giám đốc	64
Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	70
Định hướng hoạt động năm 2021	72



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của GELEX ghi nhận sự tăng trưởng trên cả hai lĩnh vực trụ cột là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng.

Năm 2020, cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực của GELEX ổn định, trong đó Sản xuất Công nghiệp vẫn là lĩnh vực kinh doanh chủ đạo của Tổng Công ty khi đóng góp 16.098 tỷ đồng doanh thu tương ứng với tỷ lệ 89,7% doanh thu thuần, lĩnh vực Hạ tầng tiếp tục có sự tăng trưởng vượt bậc với doanh thu 898 tỷ đồng và đóng góp 5% doanh thu thuần hợp nhất của hệ thống. Cụ thể:

Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2019		% +/- 2020 so với 2019 (%)
	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	16.098	89,7	12.668	82,7	27,1
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	759	4,2	1.638	10,7	-53,7
Doanh thu thuần từ sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	898	5,0	712	4,7	26,1
Doanh thu khác	194	1,1	297	1,9	-34,7
Tổng cộng	17.949	100	15.315	100	17,2

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 của GELEX

Tuy vậy, biên lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2020 đạt 14,7%, ghi nhận giảm nhẹ 3,3% so với năm 2019 do một số nguyên nhân như sau:

- (i) GELEX chủ động lựa chọn chiến lược giữ vững và gia tăng thị phần trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp do ảnh hưởng của dịch bệnh, triển khai hàng loạt các biện pháp hỗ trợ đại lý nhằm kích cầu doanh thu;
- (ii) Việc tăng giá các nguyên vật liệu đầu vào chính và tăng chi phí khấu hao khi các dự án nhà máy mới đi vào vận hành;
- (iii) Thoái vốn mảng logistics vốn là ngành nghề với biên lợi nhuận dịch vụ cao trong quý II/2020;
- (iv) Hợp nhất Công ty dây đồng Việt Nam CFT với biên lợi nhuận gia công thấp hơn so với các mảng khác cũng góp phần làm giảm biên lợi nhuận gộp hợp nhất của GELEX.

Lợi nhuận gộp	Năm 2020			Năm 2019			% +/- 2020 so với 2019 (%)
	Lợi nhuận gộp (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)	Lợi nhuận gộp (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)	
Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	1.992	75,8	12,3	1.991	72,7	15,7	0,1
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	151	5,7	20	361	13,2	22	-58,2
Lợi nhuận gộp từ sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	429	16,3	47,8	329	12	46,2	30,4
Lợi nhuận gộp khác	55	2,1	28,4	59	2,2	19,9	-6,8
Tổng cộng	2.627	100	14,7	2.739	100	17,9	-4,1

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 của GELEX

Tình hình hoạt động kinh doanh của từng lĩnh vực như sau:

a. Sản xuất Công nghiệp

Sản xuất Công nghiệp, trọng tâm là thiết bị điện là lĩnh vực kinh doanh truyền thống và nòng cốt của GELEX.

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch làm đứt gãy các chuỗi cung ứng trên phạm vi toàn cầu, gây ra những hệ lụy đến hoạt động sản xuất, và xuất nhập khẩu của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp mảng thiết bị điện của GELEX phải đối mặt với sự sụt giảm mạnh về nhu cầu thị trường một số mặt hàng và xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nguyên vật liệu chủ yếu cho sản xuất đều biến động trong xu hướng tăng giá liên tục, cạnh tranh khốc liệt, các đối thủ trong ngành luôn đeo bám quyết liệt, tình hình hàng giả, hàng nhái có nhiều diễn biến phức tạp, v.v.

Do vậy, năm 2020, về mảng thiết bị điện, sau quá trình tái cấu trúc cao điểm năm 2019, GELEX tập trung trọng tâm vào sản xuất kinh doanh với nhiều chính sách năng động, linh hoạt trong bán hàng của toàn bộ hệ thống, hỗ trợ tối đa hệ thống phân phối để mở rộng thị trường và tăng thị phần trong bối cảnh cầu bị thu hẹp do dịch bệnh. Bên cạnh đó, GELEX tiếp tục thực hiện tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực tại các đơn vị thành viên. Kết quả,

năm 2020, mảng thiết bị điện của GELEX ghi nhận 16.098 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 27,1% so với 2019.

Đồng thời, với việc xác định công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới là động lực quan trọng cho tăng trưởng, GELEX chủ trương giao nhiệm vụ phát triển các sản phẩm thiết bị điện mới cho các đơn vị phù hợp với năng lực và thế mạnh của các đơn vị.

Với việc nắm bắt nhanh xu hướng công nghệ, vật liệu, sản phẩm, nhu cầu thị trường trong nước để lựa chọn các sản phẩm phù hợp đưa vào nghiên cứu và sản xuất, năm 2020, CADIVI đưa ra thị trường dòng sản phẩm Cấp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K với nhiều tính năng ưu việt. Cấp năng lượng mặt trời H1Z2Z2-K của CADIVI đã được tổ chức TUV Rheinland (CHLB Đức) cấp chứng nhận TUV BauArt và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 cấp chứng nhận EN 50618:2014. Dòng cấp này do CADIVI sản xuất đã xuất sắc đạt chỉ tiêu thử nghiệm hoạt động liên tục trong 20.000 giờ với

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



hiệt độ 1200°C. Đây là chỉ tiêu khắt khe của tiêu chuẩn EN-50618:2014 mà ít có nhãn hiệu khác có thể đạt được.

THIBIDI cũng đã giới thiệu và cung cấp ra thị trường dòng sản phẩm máy biến áp chuyên dụng cho điện mặt trời, với thời gian bảo hành là 10 năm cho dòng High Quality, 5 năm cho dòng Ecotrans, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật khắc nghiệt từ các khâu thiết kế, chế tạo, thử nghiệm và xuất xưởng, là lựa chọn tối ưu cho các dự án điện mặt trời.

EMIC thiết kế và chế tạo thành công các sản phẩm hỗ trợ đo xa như sản phẩm Bộ lặp tích hợp (Repeater R01), sản phẩm module MESH-RF-04, các sản phẩm modem công nghệ GPRS cho phép thu thập chỉ số các loại công tơ của GELEX EMIC và các nhà cung cấp khác trên thị trường, v.v., các sản phẩm này đều được khách hàng điện lực và khách hàng dân dụng ưa chuộng.

Song song với đó, trong công tác sản xuất, các đơn vị mảng thiết bị điện tiếp tục hoàn thiện hệ thống sản xuất chuyên môn hóa cho từng công đoạn, cải thiện hiệu quả sử dụng vật tư nguyên liệu chính, cắt giảm tối đa các lãng phí trong sản xuất, v.v. Đồng thời, tiếp tục xây dựng và duy trì áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm trong từng công đoạn sản xuất, đảm bảo các sản phẩm do các đơn vị cung cấp cho khách hàng đáp ứng các yêu cầu cao về chất lượng.

b. Hạ tầng

Năm 2020, GELEX đã hoàn thành đầu tư 18MW điện mặt trời áp mái. Cùng với đó, việc vận hành và phát điện thương phẩm toàn bộ công suất của trang trại điện mặt trời GELEX Ninh Thuận và tăng trưởng doanh thu của các đơn vị như Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ, v.v, đã giúp cho doanh thu thuần của nhóm ngành Hạ tầng GELEX đạt 898 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2019.

Năm 2020, GELEX tập trung cao điểm cho việc đầu tư các Dự án mảng hạ tầng nhằm hoàn thành đúng kế hoạch tiến độ đặt ra. Cụ thể:

- Dự án Điện gió Hướng Phùng 2, 3 và GELEX 1, 2, 3: Địa điểm các dự án tại Quảng Trị là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề nhất trong đợt bão lụt, sạt lở đất vào quý III, đầu quý IV năm 2020, các dự án không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, việc hoàn thành đúng tiến độ dự án là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của GELEX. Về cơ bản, các dự án đang bám sát tiến độ đặt ra. Dự kiến, Dự án Điện gió Hướng Phùng 2, 3 và Quảng Trị 1, 2, 3 sẽ vận hành thương mại trước tháng 10/2021.
- Triển khai các công việc để bổ sung vào Quy hoạch Điện VIII cho các dự án năng lượng tái tạo: Điện gió Gia Lai (100 MW), Điện gió Đak-lak (200MW), Điện mặt trời Bù Gia Mập -Tây Ninh (85MW), Điện mặt trời Bình Phước 1, 2 (480MW), cụm Điện gió ngoài khơi Vĩnh Hải (800MW).
- Tiếp tục tìm kiếm phát triển dự án mảng năng lượng tái tạo tiềm năng (các dự án điện gió ngoài khơi, điện mặt trời mái nhà, các dạng năng lượng tái tạo khác như sinh khối, điện rác, ...).
- Dự án Nhà máy nước sạch Sông Đà giai đoạn 2: Năm 2020 đã hoàn thành bàn giao hạng mục công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường vành đai 3 Hà Nội giúp Nhà máy có thể nâng công suất tối đa giai đoạn 1, tiếp tục triển khai các hạng mục còn lại Giai đoạn 2 của Dự án.
- Các dự án bất động sản:

Dự án tổ hợp trung tâm thương mại khách sạn dịch vụ tại số 10 Trần Nguyên Hãn: hoàn thiện các thủ tục pháp lý và các công việc giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Dự án tòa nhà CADIVI: Hoàn thành các hạng mục quan trọng nhất là phần hầm và móng của tòa nhà, đáp ứng cơ bản tiến độ đặt, mục tiêu đưa vào vận hành vào quý IV/2021.

Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các Khu công nghiệp tại các vùng kinh tế trọng điểm như khu vực Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ, v.v. và các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp tiềm năng.

c. Các mặt hoạt động khác

Về công tác huy động, điều phối nguồn vốn của hệ thống, GELEX đã áp dụng linh hoạt các công cụ tài chính cho phép tối ưu hóa vị thế vốn lưu động và hỗ trợ cho tăng trưởng.

Về các cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, năm 2020, Tổng công ty tiếp tục công tác đổi mới tổ chức quản lý, quản trị doanh nghiệp. Cụ thể,

- Tại văn phòng Tổng công ty: thực hiện điều chỉnh sơ đồ tổ chức, ban hành hệ thống quy chế phòng ban, cập nhật/điều chỉnh các văn bản quản trị nội bộ phù hợp với các văn bản pháp luật mới được ban hành và đặc thù hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- Tại các đơn vị thành viên, tiếp tục triển khai tái cấu trúc các đơn vị với mục tiêu tinh gọn, nâng cao năng suất lao động.
- Tiến tới mục tiêu IPO các công ty con, năm 2020, GELEX đã thực hiện chuyển đổi mô hình các công ty con từ TNHH sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Cụ thể, Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX chuyển thành Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX, Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX chuyển và đổi tên thành Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX.
- Thành lập các công ty cổ phần làm chủ đầu tư các Dự án điện áp mái khu công nghiệp.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về công tác điều hành/chỉ đạo người đại diện vốn, GELEX triệt để thực hiện việc phân cấp, phân quyền nhằm tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đến các cấp quản lý tại các đơn vị trong hệ thống nhằm thích ứng và nhanh chóng ra các quyết định ứng phó với sự biến động khó lường của thị trường.

Về công tác nhân sự, GELEX tiếp tục công tác sắp xếp/bổ sung nhân sự tại các vị trí chủ chốt, đào tạo nhân sự kế thừa, đồng thời, ban hành các chính sách thu nhập nhằm giữ chân và thu hút nhân tài tại Tổng Công ty và tại các đơn vị thành viên. Năm 2020, nhằm ghi nhận sự đóng góp của các nhân sự chủ chốt cho Tổng Công ty và tiếp tục khuyến khích nhân sự thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo, được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty, GELEX đã hoàn thành việc bán 12 triệu cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

3. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Chiến lược đầu tư được Tổng công ty quy hoạch cụ thể đối với từng lĩnh vực.

3.1 Lĩnh vực thiết bị điện:

GELEX chú trọng đầu tư vào chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và quản trị tại các đơn vị, mục tiêu hoàn thiện chuỗi giá trị mảng thiết bị điện của GELEX phục vụ cho định hướng phát triển bền vững. Cụ thể:

- Năm 2020, GELEX đã hoàn thiện đầu tư hệ thống nhà máy và các trung tâm phân phối của Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam tại cả ba miền Bắc-Trung-Nam, vận hành thành công hệ thống quản trị nguồn lực SAP, nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng hàng hóa cho CADIVI.
- Tiếp tục triển khai Dự án quản trị nguồn lực SAP tại các đơn vị mảng thiết bị điện như THIBIDI, EMIC, GELEX ELECTRIC.
- Chuẩn bị triển khai đầu tư Dự án nhà máy sản xuất máy biến áp phân phối tại KCN Long Đức của Công ty cổ phần thiết bị điện - THIBIDI, Dự án di dời và xây dựng nhà máy Công ty dây đồng Việt Nam CFT.

- Nghiên cứu đầu tư dự án Nhà máy sản xuất Tủ trung thế tại Công ty cổ phần thiết bị đo điện EMIC.

3.2 Lĩnh vực hạ tầng:

GELEX tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển theo chiều rộng, là động lực đóng góp ổn định cho tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong dài hạn. Năm 2020, GELEX tiếp tục đầu tư và nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư các dự án:

Về mảng năng lượng:

- GELEX đã hoàn thành đầu tư 18MW điện mặt trời áp mái. So với chủ trương đầu tư 22MW ban đầu, công suất thực tế lắp đặt có sự chênh lệch giảm do một số nguyên nhân như hiện trạng lưới điện không đáp ứng, hoặc tần suất phủ bụi khu vực dự án lớn không đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- Tiếp tục triển khai đầu tư dự án Điện gió Hướng Phùng 2, 3 và GELEX 1, 2, 3 tổng công suất 140MW, mục tiêu đưa vào vận hành trước tháng 10/2021.
- Triển khai nghiên cứu đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời tiềm năng.

Về sản xuất và kinh doanh nước sạch:

Tiếp tục triển khai dự án Nhà máy nước Sông Đà các hạng mục còn lại giai đoạn 2, mục tiêu nâng công suất lên 600.000 m³/ngày đêm vào năm 2023.

Về bất động sản:

- Tiếp tục đầu tư Dự án Tổ hợp khách sạn, văn phòng dịch vụ số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội.
- Tiếp tục triển khai Dự án tòa nhà trụ sở CADIVI, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Hoạt động M&A:

Năm 2020, GELEX tiếp tục thực hiện các hoạt động đầu tư định hướng tập trung vào 2 lĩnh vực cốt lõi là phát triển Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng, mở



rộng đầu tư chiến lược vào phát triển khu công nghiệp, cụ thể:

- Hoàn thành tăng tỷ lệ sở hữu lên 100% tại Công ty dây đồng Việt Nam CFT vào tháng 08/2020;
- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty Viglacera – CTCP lên 46.07%;
- Đầu tư sở hữu 25,47% Công ty cổ phần đầu tư khu công nghiệp dầu khí Long Sơn;
- Tăng tỷ lệ lên 15% Công ty cổ phần Viwaco do đã đầu tư một phần năm 2019 và thực hiện tìm kiếm các cơ hội đầu tư tiềm năng khác;

Bên cạnh các khoản đầu tư thêm, GELEX cũng thực hiện thoái vốn tại một số đơn vị nhằm tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi:

- Thoái vốn đầu tư mảng Logistics vào quý II/2020,
- Thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần SCI Nghệ An vào quý II.2020.

Tổng tài sản của GELEX đã tăng 27,7% từ 21.230 tỷ đồng năm 2019 lên 27.152 tỷ đồng năm 2020. Đồng thời, với định hướng tăng cường và mở rộng đầu tư nắm giữ các tài sản tốt, nhu cầu về vốn phát triển của GELEX trong thời gian này rất lớn. Cụ thể, tổng dư nợ vay hợp nhất cuối năm 2020 là 12.081 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2019 là 8.571 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu của GELEX và đơn vị thành viên là 4.250 tỷ đồng, điều này đã dẫn tới chi phí tài chính năm 2020 tiếp tục tăng, cao hơn 282 tỷ đồng so với năm 2019. Chi tiết các đợt phát hành trái phiếu năm 2020 của GELEX và các công ty con thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị phát hành	Ngày phát hành	Giá trị phát hành (Tỷ VNĐ)	Kỳ hạn (năm)
Tổng Công ty	31/03/2020	300	2
	15/04/2020	400	3
	13/05/2020	300	3
	29/05/2020	700	3
	07/2020 (nhiều đợt)	750	3
	08/2020 (nhiều đợt)	150	3
Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX	28/09/2020	650	3
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	26/11/2020	1000	3

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của GELEX

Để cân đối nguồn vốn nợ và vốn chủ sở hữu, đồng thời là cơ sở tiếp tục tăng trưởng bền vững cho những năm tiếp theo, cuối năm 2020, Đại hội đồng cổ đông GELEX đã thông qua kế hoạch tăng vốn thêm 3.500 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn cho đầu tư phát triển các dự án và cân đối nguồn vốn kinh doanh cho GELEX và đơn vị thành viên.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM CỦA CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển

Lĩnh vực sản xuất thiết bị điện:

- Tăng cường phát triển thị trường và mở rộng thị phần;
- Tối ưu hóa sản xuất, đầu tư phát triển sản xuất để hướng tới cung cấp đầy đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện, đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất máy biến áp phân phối Long Đức – THIBIDI, Dự án di dời và xây dựng nhà máy Công ty dây đồng Việt Nam CFT, Dự án Sản xuất tủ điện trung thế tại Công ty cổ phần thiết bị đo điện EMIC;
- Đẩy mạnh công tác R&D, phát triển sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao, tăng cường nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới;
- Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô;

Lĩnh vực vật liệu xây dựng: rà soát, đánh giá các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực này để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trong lĩnh vực.

1.2. Khối hạ tầng

Lĩnh vực nguồn phát điện

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành thương mại toàn bộ cụm điện gió 140 MW tại Quảng Trị (gồm các dự án Hướng Phùng 2, 3 và Gelex 1, 2, 3) trong tháng 10/2021.
- Quản lý vận hành chuyên nghiệp các dự án sau khi COD nhằm tối ưu hóa chi phí và hạn chế tối thiểu rủi ro.
- Phát triển có chọn lọc các dự án: Điện gió Gia Lai (100 MW), Điện gió Đak-lak (200MW), Điện mặt trời Bù Gia Mập -Tây Ninh (85MW), Điện mặt trời Bình Phước 1, 2 (480MW), cụm Điện gió ngoài khơi Vĩnh Hải (800MW).
- Tiếp tục tìm kiếm, chọn lọc cơ hội đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, v.v)

hiệu quả, phù hợp với định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- Mở rộng sang mảng bán buôn điện và đẩy mạnh phân phối điện cho các khu công nghiệp

Lĩnh vực nước sạch

- Tiếp tục triển khai đầu tư các hạng mục còn lại giai đoạn 2 nâng công suất Nhà máy nước sạch Sông Đà lên 600.000 m³/ngày đêm. Năm 2021, dự kiến hoàn thành và vận hành 17km/40km các đoạn xung yếu của Tuyến ống truyền tải nước sạch từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800), kịp thời hỗ trợ cấp nước cho hệ thống ống Giai đoạn 1. Đồng thời, tiếp tục triển khai hạng mục Cụm công trình đầu mối và khu xử lý, chuẩn bị triển khai các dự án tuyến ống cấp 2 đã được Thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương đầu tư.
- Nghiên cứu phát triển thêm các Dự án sản xuất và cung cấp nước sạch.

Lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp và dịch vụ phụ trợ

- Định hướng phát triển kinh doanh khu công nghiệp, khu công nghiệp kết hợp đô thị, dịch vụ và các hạ tầng, dịch vụ phụ trợ thông qua đơn vị thành viên trong hệ thống, theo hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh, khai thác tối đa hiệu quả quỹ đất.
- Khảo sát và triển khai các bước công việc chuẩn bị đầu tư các KCN. Đồng thời, nghiên cứu phát triển các khu công nghiệp, khu công nghiệp cận cảng khoảng 2.700 ha.

Lĩnh vực bất động sản thương mại

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại quỹ đất hiện tại mà hệ thống đang quản lý, tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý các khu đất cần chuyển đổi công năng.
- Phát triển bất động sản thương mại giá rẻ cho người có thu nhập thấp.
- Tiếp tục đầu tư dự án tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn số 10 Trần Nguyên Hãn.
- Hoàn thành và đưa vào vận hành Dự án CADIVI Tower trong quý IV/2021.



2. HOẠT ĐỘNG M&A:

- Tăng tỷ lệ sở hữu lên chi phối tại Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Đông Anh.
- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP.
- Tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty lĩnh vực sản xuất Thiết bị điện.
- Tăng tỷ lệ sở hữu lên mức chi phối cổ phần Công ty cổ phần đầu tư khu công nghiệp đầu khí Long Sơn.

Tìm kiếm và theo đuổi các cơ hội đầu tư tiềm năng, đạt hiệu quả kỳ vọng với mức rủi ro phù hợp trong hệ sinh thái các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty.

3. HOẠT ĐỘNG KHÁC:

Hoàn thành tăng vốn điều lệ của Tổng công ty lên 7.811 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/12/2020. Giảm chi phí vốn vay trong toàn nhóm công ty. Tăng năng lực vốn chủ sở hữu thông qua tái cơ cấu một số tài sản và khoản đầu tư.

Tiếp tục lộ trình chuyển đổi số đối với các doanh nghiệp trong hệ thống; Tăng cường năng lực quản trị theo chuẩn mực quốc tế:

- Chuẩn bị các điều kiện để chuyển đổi hệ thống Báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IFRS) cho toàn hệ thống;
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ để kiểm soát và hạn chế tối đa rủi ro.

Tuyển dụng bổ sung nhân sự chất lượng cao, tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện hữu.

Thực hiện IPO một số đơn vị thành viên khi điều kiện thị trường thuận lợi.

PHẦN

05



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA GELEX TRONG NĂM 2020.

Với kết quả sản xuất kinh doanh như đã nêu trong báo cáo của Tổng Giám đốc, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý nội bộ mặc dù năm 2020 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do tác động của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu. Hai lĩnh vực trụ cột của GELEX là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng đều ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2019 và vượt kế hoạch đề ra năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Tổng kết các hoạt động của HĐQT

Năm 2020 đánh dấu một năm hoạt động tích cực của HĐQT trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra vô cùng phức tạp. HĐQT đã thông qua nhiều quyết sách quan trọng trong đó có một số nội dung chính cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công ba lần ĐHĐCĐ trong năm 2020, bao gồm kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 6/2020, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 11/2020 và ĐHĐCĐ bất thường vào tháng 12/2020. Các lần tổ chức ĐHĐCĐ này đã thông qua nhiều chủ trương, chiến lược quan trọng.

- Triển khai các hoạt động tái cấu trúc một cách mạnh mẽ để định hình rõ nét hai khối trụ cột kinh doanh chính của GELEX là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng, có thể kể đến như: Hoàn tất thoái vốn tại mảng vận hành logistic để tập trung nguồn lực cho các hoạt động đầu tư chiến lược; hoàn tất phương án chào mua công khai cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera-CTCP từ đó nâng tỷ lệ sở hữu của GELEX tại VGC sau khi hoàn

- tất chào mua công khai lên 46,07%; chuyển đổi thành công Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX thành mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX thực hiện chức năng đầu mối quản lý và phát triển lĩnh vực hạ tầng (GELEX nắm giữ 99,998% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX).

- Hoàn tất các thủ tục pháp lý quan trọng để triển khai dự án bất động sản với thương hiệu đẳng cấp tại Trần Nguyên Hãn.

- Hoàn tất phương án bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động với ý nghĩa nhân văn, tri ân động viên tinh thần các cán bộ nhân viên, tạo động lực gắn kết các cán bộ chủ chốt và thu hút các nhân tài trong bộ máy nhân sự của GELEX và các công ty thành viên.

- KIỆN TOÀN BỘ MÁY TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NỘI BỘ GELEX.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc để HĐQT tập trung thời gian vào việc hoạch định chính sách, chủ trương và kế hoạch phát triển dài hạn của GELEX và hệ thống các đơn vị thành viên.

- Hoàn tất các đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị mệnh giá trái phiếu là 4.250 tỷ đồng (của Tổng Công ty).

Bên cạnh tham gia các hoạt động chung của HĐQT, từng thành viên HĐQT được giao các nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực. Các thành viên bám sát nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên trao đổi và hỗ trợ Ban điều hành trong các hoạt động kinh doanh. Định kỳ tại mỗi cuộc họp, các thành viên HĐQT báo cáo nhiệm vụ cho HĐQT.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT

Tuân thủ các quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành; kiểm tra các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và những người điều hành khác

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tuân thủ quy định pháp luật

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2020

- Yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo các nội dung thực hiện theo phân quyền tại các cuộc họp của HĐQT.

3. Các hoạt động khác của HĐQT

a) Phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan

Trong năm 2020, HĐQT đã phê chuẩn việc ký kết và thực hiện một số giao dịch giữa GELEX với bên có liên quan của thành viên HĐQT. Bên có liên quan này chủ yếu là các công ty thành viên trong hệ thống GELEX nhằm hỗ trợ về vốn, triển khai hoạt động mua sắm vật tư tập trung và các giao dịch kinh tế khác. Chi tiết các giao dịch được trình bày tại Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình quản trị công ty.

Việc phê chuẩn giao dịch được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, các điều khoản hợp đồng trên cơ sở công bằng, cạnh tranh và nghị quyết thông qua tuân thủ nguyên tắc minh bạch trong công bố thông tin.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



b) Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Cơ cấu HĐQT bao gồm 2/6 thành viên HĐQT là thành viên độc lập, thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản trị điều hành tại GELEX. Trong năm vừa qua, thành viên độc lập HĐQT đã hoạt động tích cực trên hai phương diện chủ yếu:

- Giám sát hoạt động của HĐQT. Kết quả giám sát cho thấy:
 - Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính được lập phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của GELEX.
 - Các nghị quyết, quyết định được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty niêm yết.
 - Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Nhận diện các quy định pháp luật thay đổi có liên quan đến hoạt động của thành viên độc lập HĐQT, Ủy ban kiểm toán và kiểm toán nội

bộ; tư vấn cho HĐQT cách thức tổ chức phù hợp với quy định pháp luật mới, thông lệ thị trường và nhu cầu quản trị của GELEX.

c) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Luật Doanh nghiệp 2020 chính thức có hiệu lực kể từ 01/01/2021 quy định công ty không có mô hình Ban kiểm soát thì phải thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT. Các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban kiểm toán và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Trên cơ sở này, HĐQT đã thông qua:

- Đổi tên Ban Kiểm toán nội bộ (theo Luật Doanh nghiệp 2014) thành Ủy ban kiểm toán theo Luật Doanh nghiệp 2020.
- Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán phù hợp với các quy định pháp luật.

- Bổ nhiệm thành viên độc lập HĐQT vào làm thành viên Ủy ban kiểm toán và dự kiến sau khi hoàn tất bầu HĐQT nhiệm kỳ mới tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, HĐQT sẽ kiện toàn nhân sự của Ủy ban kiểm toán.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Về tổ chức và hoạt động của HĐQT

- Đi cùng với mở rộng quy mô hoạt động và duy trì tốc độ tăng trưởng cao, HĐQT luôn chú trọng quản trị công ty trên các tiêu chí: Hiệu Quả - Minh Bạch – Kiểm soát rủi ro - Hướng Tới Chuẩn Mực Quốc Tế.
- Kiên trì theo đuổi mục tiêu quản trị tốt theo các chuẩn mực OECD, G20, Bộ quy tắc quản trị do Ủy ban chứng khoán nhà nước ban hành.
- Xây dựng bộ máy HĐQT hoạt động hiệu quả thông qua cơ cấu, số lượng, thành phần các Thành viên HĐQT có kỹ năng, kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp. Đảm bảo cân đối giữa các thành viên độc lập, thành viên điều hành và thành viên không điều hành, tăng tính độc lập khách quan giữa công tác quản trị và điều hành.
- HĐQT chủ trì trong việc xây dựng chiến lược Tổng công ty, đồng thời sát sao với Ban điều hành trong hoạch định các chiến lược kinh doanh và giám sát việc thực hiện các chiến lược này.
- Đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định pháp luật và hướng tới chuẩn mực công bố thông tin quản trị công ty của Asean.
- Giám sát tài chính thông qua mô hình kiểm soát được thiết lập (Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập).
- Xây dựng văn hóa làm việc của HĐQT vững mạnh.

2. Đồng hành cùng Ban điều hành trong các công việc trọng tâm sau

Định vị GELEX là một Tập đoàn đầu tư và quản lý vốn tại doanh nghiệp/dự án gắn liền với các thương hiệu quốc gia

trong lĩnh vực thiết bị điện, vật liệu xây dựng, bất động sản khu công nghiệp, năng lượng, nước sạch.

Thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực xuất sắc, tạo lập môi trường làm việc chuyên nghiệp; cải tiến liên tục quy trình kinh doanh; đầu tư thích đáng cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Chuẩn bị các nguồn lực (vốn, con người) để nắm bắt kịp thời sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và ứng biến có hiệu quả với sự bất định lớn hơn, tính tổn thương lớn hơn, phức tạp hơn và không rõ ràng cao hơn của môi trường kinh doanh.

Tiếp tục theo đuổi chiến lược M&A để hoàn thiện hệ sinh thái trong các ngành nghề cốt lõi. Xây dựng chiến lược quản trị phù hợp sau M&A.

Củng cố, nâng cao năng lực quản trị của từng sub-holdings để tạo nền tảng vững chắc cho quá trình IPO các sub-holdings.

Hợp tác với các đối tác có tiềm lực mạnh trong và ngoài nước để phát triển các dự án hạ tầng quan trọng thuộc quy hoạch quốc gia về năng lượng, cảng chuyên dụng cho lĩnh vực năng lượng.

Thực hiện số hóa và chuyển đổi số xuyên suốt trong hệ thống nhóm Tổng công ty.

Chuẩn bị các điều kiện và nền tảng để áp dụng hệ thống kế toán quốc tế (IFRS) và định mức tín nhiệm quốc tế phục vụ hoạt động huy động các nguồn vốn quy mô lớn.

Quyết định kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành để đạt và vượt kết quả kinh doanh năm 2021.

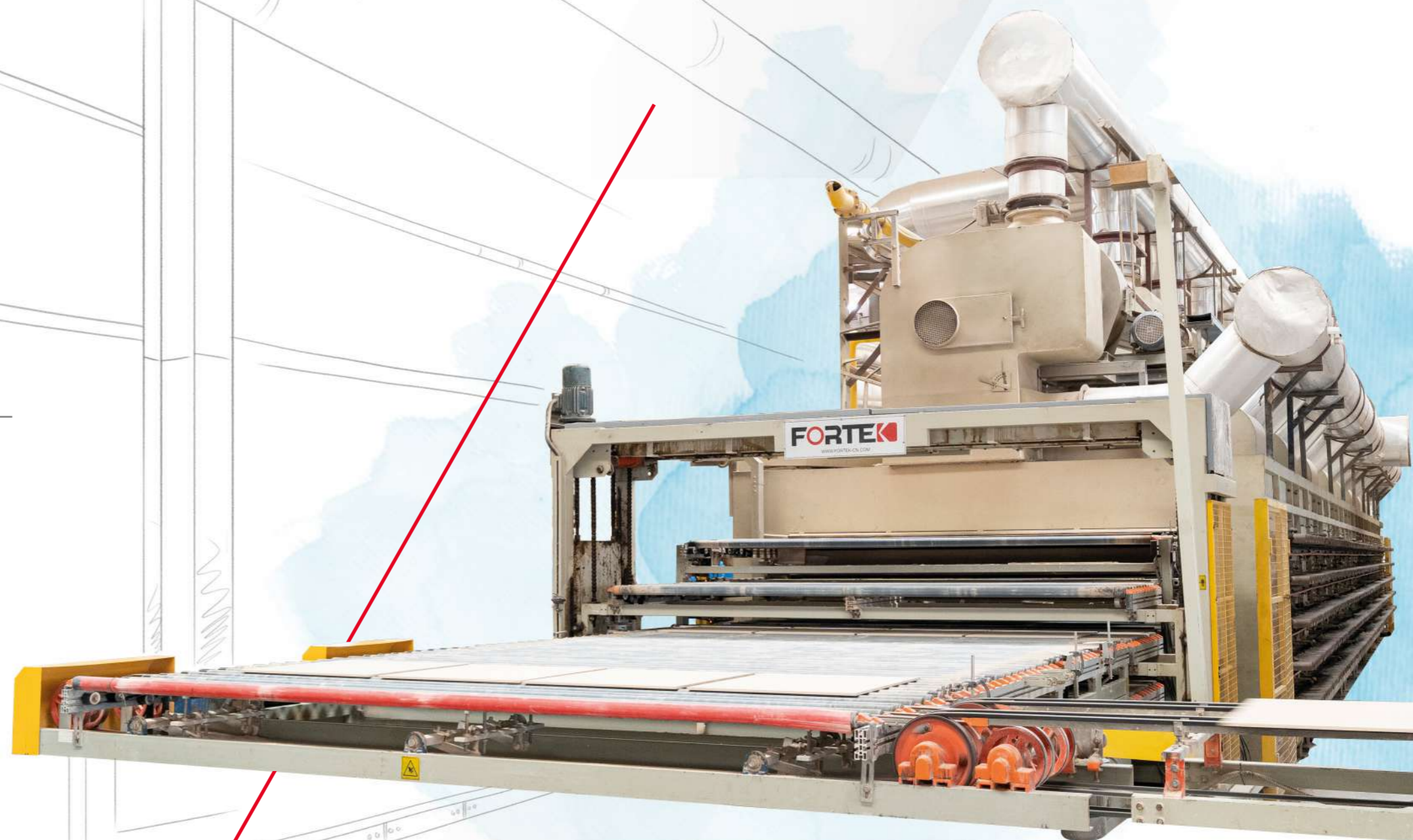
Phát triển kinh doanh luôn luôn song hành cùng phát triển và chăm lo cho người lao động và cộng đồng.

PHẦN

106

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của đại hội đồng cổ đông	80
Hội đồng quản trị (năm 2020)	81
Ủy ban kiểm toán (năm 2020)	90
Đào tạo về quản trị công ty	92
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị	93
Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ	94
Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác	101
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (năm 2020)	102



HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ	18/06/2020 (họp ĐHĐCĐ thường niên)	<p>Thông qua 8 nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về kết quả năm 2019, phương hướng năm 2020; Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2020; Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020; Cho phép ông Nguyễn Văn Tuấn và người có liên quan tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu GEX mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai; Miễn nhiệm thành viên HĐQT do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT mới thay thế; Phê duyệt và chấp thuận đối với các hợp đồng, giao dịch mua bán vật tư và cho vay đối với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX.
2	04/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ	11/11/2020 (lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)	Thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
3	06/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ	29/12/2020 (họp ĐHĐCĐ bất thường)	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu để tăng vốn điều lệ của GELEX; Thông qua việc điều chỉnh tổng mức thù lao HĐQT năm 2020.

Ghi chú: Ngày 15/12/2020, Hội đồng quản trị có Quyết định về việc đổi tên Ban Kiểm toán nội bộ (thành lập theo Luật Doanh nghiệp 2014) thành Ủy ban kiểm toán (theo Luật Doanh nghiệp 2020).

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

Ghi chú: Ngày 15/12/2020, Hội đồng quản trị có Quyết định về việc thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ chuyên trách theo quy định tại các Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp niêm yết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NĂM 2020)

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)	01/11/2010	
2	Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Phó Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)	01/11/2010	
3	Bà Đỗ Thị Phương Lan (Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ thường niên 2020)	Phó Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)	27/04/2018	18/06/2020
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	16/7/2016	
5	Ông Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT (TV HĐQT độc lập)	04/03/2016	
6	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (Miễn nhiệm theo NQ ĐHĐCĐ thường niên 2020)	Thành viên HĐQT (TV HĐQT không điều hành)	11/2010	18/06/2020
7	Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT độc lập)	18/06/2020	
8	Lương Thanh Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)	18/06/2020	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NĂM 2020)

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hoa Cương	10/10	100%	
2	Ông Nguyễn Trọng Tiểu	10/10	100%	
3	Bà Đỗ Thị Phương Lan (Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2020)	6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	10/10	100%	
5	Ông Võ Anh Linh	10/10	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2020)	6/6	100%	
7	Nguyễn Trọng Hiền	4/4	100%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2020 từ ngày 18/06/2020
8	Lương Thanh Tùng	4/4	100%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2020 từ ngày 18/06/2020

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban kiểm toán:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua cơ cấu tổ chức quản lý mới của Tổng Công ty là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ban kiểm toán nội bộ (nay đổi tên thành Ủy ban kiểm toán) trực thuộc Hội đồng quản trị. Trên cơ sở này, ngày 25/6/2019, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 17/2019/GELEX/NQ-HĐQT về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán bộ. Tiếp theo đó, Hội đồng quản trị tiếp tục bổ nhiệm các nhân sự nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động của Ban bao gồm trưởng ban kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

Tất cả các thành viên đều có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định trong Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty cũng như quy chế hoạt

động của Ban kiểm toán nội bộ. Các quyết định bổ nhiệm và thông tin của từng nhân sự được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2020, Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 12/2020/GELEX/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Ban kiểm toán nội bộ thành Ủy ban kiểm toán để đáp ứng quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo các bộ phận liên quan xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán phù hợp với các quy định pháp luật mới để trình Hội đồng quản trị ban hành đồng thời dự kiến trình ĐHCĐ thông qua việc sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ để phù hợp với các quy định pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Ủy ban kiểm toán.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NĂM 2020)

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NĂM 2020):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-1/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	03/01/2020	Về việc cử Người đại diện vốn GELEX tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
2	01/2020/GELEX/QĐ-TT.HĐQT	09/01/2020	Về việc khen thưởng Người đại diện vốn và Ban điều hành	100%
3	01/2020/GELEX/NQ-HĐQT	14/01/2020	Giao cho Tổng Giám đốc cho ý kiến biểu quyết với nội dung tại phiếu lấy ý kiến của cổ đông của Công ty thành viên	100%
4	01-1/2020/GELEX/NQ-HĐQT	20/01/2020	Cho ý kiến đối với đề xuất của người đại diện vốn của GELEX tại Công ty thành viên về việc đầu tư các dự án Nhà máy điện gió	100%
5	02/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/02/2020	Thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của GELEX trong mảng vận hành Logistic	100%
6	02-1/2020/GELEX/NQ-HĐQT	20/02/2020	Phê duyệt điều chỉnh tăng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án Nhà máy sản xuất Thiết bị điện	100%
7	02-2/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/03/2020	Phê duyệt hạn mức tín dụng của GELEX tại ngân hàng	100%
8	01/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	13/03/2020	Về việc cử Người đại diện vốn GELEX tại Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	100%
9	03/2020/GELEX/NQ-HĐQT	16/03/2020	Thông qua một số nội dung của phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	100%
10	04/2020/GELEX/NQ-HĐQT	17/03/2020	Thông qua phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2020	100%
11	05/2020/GELEX/NQ-HĐQT	17/03/2020	Thông qua phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2020	100%
12	06/2020/GELEX/NQ-HĐQT	19/03/2020	Phê duyệt Chương trình họp và Danh mục tài liệu phục vụ ĐHCĐ thường niên 2020	100%
13	07/2020/GELEX/NQ-HĐQT	30/03/2020	Thông qua việc cấu trúc lại khoản đầu tư của GELEX tại Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	08/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/04/2020	Thông qua nguyên tắc xác định giá và phân bổ nguồn mua cổ phiếu quỹ	100%
15	09/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/04/2020	Phê duyệt v/v Công ty TNHH MTV Năng Lượng GELEX hợp tác thành lập Công ty con thực hiện dự án điện	100%
16	10/2020/GELEX/NQ-HĐQT	07/04/2020	Phê duyệt v/v Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX góp thêm vốn vào Công ty con	100%
17	11/2020/GELEX/NQ-HĐQT	13/04/2020	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
18	02/2020/GELEX/QĐ-HĐQT	14/04/2020	Tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	100%
19	12/2020/GELEX/NQ-HĐQT	14/04/2020	Tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	100%
20	13/2020/GELEX/NQ-HĐQT	27/04/2020	Thông qua phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2020	100%
21	14/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/05/2020	Tái cấu trúc hoạt động của Công ty TNHH MTV GELEX Land	100%
22	15/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/05/2020	Điều chỉnh kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
23	16/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/05/2020	Thông qua phương án thay đổi nhân sự Chủ tịch/HĐQT tại Công ty TNHH MTV GELEX Logistics	100%
24	17/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/05/2020	Giao dịch với Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	100%
25	03/2020/GELEX/QĐ-HĐQT	06/05/2020	Thông qua giao dịch chuyển nhượng vốn góp, đặt cọc giữa GELEX và Công ty con	100%
26	18/2020/GELEX/NQ-HĐQT	12/05/2020	Thông qua việc thoái vốn tại Công ty TNHH MTV GELEX Logistics	100%
27	06/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	13/05/2020	Thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	100%
28	19/2020/GELEX/NQ-HĐQT	14/05/2020	Thông qua phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2020	100%
29	05/2020/GELEX/QĐ-HĐQT	26/05/2020	Phê duyệt đầu tư dự án bất động sản	100%
30	20/2020/GELEX/NQ-HĐQT	05/06/2020	Phê duyệt tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
31	21/2020/GELEX/NQ-HĐQT	05/06/2020	Thông qua phương án thay đổi nhân sự Chủ tịch, Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH MTV GELEX Land	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NĂM 2020)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
32	07/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	05/06/2020	Thông qua việc từ nhiệm chức danh Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Một Thành Viên GELEX Land	100%
33	22/2020/GELEX/NQ-HĐQT	16/06/2020	Thông qua phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2020	100%
34	23/2020/GELEX/NQ-HĐQT	17/06/2020	Kế hoạch phân bổ nguồn vốn dự kiến cho các dự án Nhà máy điện	100%
35	24/2020/GELEX/NQ-HĐQT	29/06/2020	Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020	100%
36	25/2020/GELEX/NQ-HĐQT	30/06/2020	Phương án chào mua công khai cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera-CTCP	100%
37	26/2020/GELEX/NQ-HĐQT	01/07/2020	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê	100%
38	27/2020/GELEX/NQ-HĐQT	06/07/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2020	100%
39	28/2020/GELEX/NQ-HĐQT	17/07/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2020	100%
40	29/2020/GELEX/NQ-HĐQT	28/07/2020	Cho ý kiến với Người đại diện vốn về việc Năng lượng GELEX đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu vào CTCP Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn	100%
41	30/2020/GELEX/NQ-HĐQT	30/07/2020	Phân quyền phê duyệt các hạng mục công việc phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị thi công dự án tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê	100%
42	31/2020/GELEX/NQ-HĐQT	30/07/2020	Phê duyệt ngân sách, kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị thi công dự án tổ hợp khách sạn, dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê	100%
43	32/2020/GELEX/NQ-HĐQT	07/08/2020	Sửa đổi nội dung phân công nhiệm vụ TV HĐQT chuyên trách	100%
44	09/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	07/08/2020	Mức thù lao chuyên trách cho nhân sự HĐQT	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
45	10/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	07/08/2020	Mức thù lao cho nhân sự HĐQT	100%
46	08/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	11/08/2020	Cử người đại diện vốn của GELEX tại CFT	100%
47	33/2020/GELEX/NQ-HĐQT	12/08/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	100%
48	34/2020/GELEX/NQ-HĐQT	12/08/2020	Đồng ý cam kết hỗ trợ tài chính cho công ty thành viên	100%
49	35/2020/GELEX/NQ-HĐQT	17/08/2020	Ban hành hệ thống phân quyền của HĐQT trong hoạt động quản trị và điều hành GELEX	100%
50	36/2020/GELEX/NQ-HĐQT	17/08/2020	Sửa đổi quy chế người đại diện vốn của GELEX tại các doanh nghiệp	100%
51	10-1/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	18/08/2020	Phê duyệt quyết toán dự án nhà máy sản xuất thiết bị điện – giai đoạn 2 tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, Bắc Ninh	100%
52	37/2020/GELEX/NQ-HĐQT	19/08/2020	Bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
53	38/2020/GELEX/NQ-HĐQT	19/08/2020	Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
54	39/2020/GELEX/NQ-HĐQT	19/08/2020	Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
55	40/2020/GELEX/NQ-HĐQT	19/08/2020	Cấp hạn mức tín dụng tại Vietinbank để bổ sung nguồn vốn	100%
56	41/2020/GELEX/NQ-HĐQT	31/08/2020	Ký kết biên bản ghi nhớ quản lý vận hành khách sạn	100%
57	11/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	01/09/2020	Bổ nhiệm bà Trương Thị Hương Lan làm thư ký Chủ tịch HĐQT	100%
58	42/2020/GELEX/NQ-HĐQT	18/09/2020	Thông qua việc GELEX bảo lãnh cho CADIVI vay vốn ngân hàng	100%
59	43/2020/GELEX/NQ-HĐQT	18/09/2020	Phê duyệt việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch GELEX mua sắm tập trung vật tư nguyên liệu chính cho các đơn vị thành viên	100%
60	44/2020/GELEX/NQ-HĐQT	18/09/2020	Thông qua việc chuyển toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của GELEX tại CFT cho GELEX Electric	100%
61	45/2020/GELEX/NQ-HĐQT	25/09/2020	Thông qua việc thế chấp cổ phần VGC để đảm bảo cho nghĩa vụ của GELEX Electric đối với trái phiếu phát hành năm 2020	100%
62	46/2020/GELEX/NQ-HĐQT	01/10/2020	Tổ chức lại Công ty Năng lượng GELEX - đổi tên thành Hạ tầng GELEX	100%
63	47/2020/GELEX/NQ-HĐQT	01/10/2020	Cử người đại diện theo ủy quyền của GELEX tại Hạ tầng GELEX	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NĂM 2020)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
64	48/2020/GELEX/NQ-HĐQT	05/10/2020	Về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
65	49/2020/GELEX/NQ-HĐQT	05/10/2020	GELEX bảo lãnh cho nghĩa vụ tín dụng của một số công ty thành viên phục vụ cho dự án điện mặt trời trên mái nhà	100%
66	50/2020/GELEX/NQ-HĐQT	28/10/2020	Duyệt tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
67	51/2020/GELEX/NQ-HĐQT	30/10/2020	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV GELEX Land	100%
68	51-1/2020/GELEX/NQ-HĐQT	30/10/2020	Tạm ứng lợi nhuận của GELEX Land về chủ sở hữu 2020	100%
69	52/2020/GELEX/NQ-HĐQT	10/11/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	100%
70	53/2020/GELEX/NQ-HĐQT	12/11/2020	Triển khai thực hiện phương án bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100%
71	54/2020/GELEX/NQ-HĐQT	23/11/2020	Cầm cố cổ phiếu VGC để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ năm 2020	100%
72	55/2020/GELEX/NQ-HĐQT	23/11/2020	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020	100%
73	56/2020/GELEX/NQ-HĐQT	15/12/2020	Mức thù lao HĐQT năm 2021	100%
74	57/2020/GELEX/NQ-HĐQT	15/12/2020	Phê duyệt nội dung, chương trình họp và các tờ trình để trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020	100%
75	58/2020/GELEX/NQ-HĐQT	15/12/2020	Thông qua việc ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch với bên có liên quan năm 2021	100%
76	59/2020/GELEX/NQ-HĐQT	15/12/2020	Phê duyệt kế hoạch mua sắm tập trung vật tư nguyên liệu chính phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2021	100%
77	60/2020/GELEX/NQ-HĐQT	15/12/2020	Sửa đổi sơ đồ tổ chức của GELEX	100%
78	12/2020/GELEX/QĐ-CT.HĐQT	15/12/2020	Đổi tên Ban Kiểm toán nội bộ thành Ủy ban kiểm toán	100%



ỦY BAN KIỂM TOÁN (NĂM 2020)

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

(vẫn là các thành viên của Ban kiểm toán nội bộ theo Luật Doanh nghiệp 2014, tại thời điểm thực hiện Báo cáo thường niên 2020 GELEX đang chuẩn bị các thủ tục bổ nhiệm lại nhân sự Ủy ban kiểm toán để phù hợp với quy định pháp luật mới)

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Võ Anh Linh	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	25/06/2019 - 31/03/2021	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng – ĐH Paris
2	Trần Quang Tiến	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	19/09/2019	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển – ĐH Hàng Hải
3	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	31/03/2021	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

* Tại thời điểm 31/03/2021, HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua Nghị quyết bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Hiền - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị giữ chức danh thành viên Ủy ban Kiểm toán của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Võ Anh Linh	4/4	100%	100%	
2	Trần Quang Tiến	4/4	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG:

Về hoạt động của Ủy ban kiểm toán: Hoạt động của Ban tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan đồng thời vận dụng thông lệ quốc tế trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Tổng công ty. Một số hoạt động trọng tâm của Ủy ban kiểm toán trong năm qua như sau:

- + Giám sát báo cáo tài chính;
- + Đánh giá công tác quản lý, điều hành;
- + Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập.

Do sự thay đổi của quy định pháp luật mới, đặc biệt là Luật Doanh nghiệp 2020, có hiệu lực từ 01/01/2021, Hội đồng quản trị đang chỉ đạo các bộ phận liên quan khẩn trương xây dựng lại Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và sắp xếp lại nhân sự của Ủy ban kiểm toán, bộ phận kiểm toán nội bộ.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ủy ban kiểm toán đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban. Ủy ban kiểm toán được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của Ủy ban kiểm toán.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	HĐQT	Chức danh hiện tại	Lương - Thưởng	Thù lao	Tổng
1	Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch HĐQT	9%	91%	100%
2	Nguyễn Văn Tuấn	TGD, Ủy viên HĐQT	90%	10%	100%
3	Nguyễn Trọng Tiểu	Phó chủ tịch HĐQT	34%	66%	100%
4	Võ Anh Linh	Ủy viên HĐQT	25%	75%	100%
5	Nguyễn Trọng Hiền	Phó chủ tịch HĐQT	10%	90%	100%
6	Lương Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	46%	54%	100%
7	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	49%	51%	100%
8	Đỗ Thị Phương Lan	Ủy viên HĐQT	49%	51%	100%



GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0300381564, cấp ngày 19/06/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CADIVI Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho CADIVI CADIVI cung cấp dịch vụ cho GELEX	84.556.721.291 718.282.315 120.000.000
2	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	3603058326, cấp ngày 29/03/2017, Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CADIVI Đồng Nai Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho CADIVI Đồng Nai	2.092.625.772.685 6.074.185.521
3	Công ty Cổ phần thiết bị điện (THIBIDI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3600253826, ngày cấp 19/12/2016, nơi cấp Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho THIBIDI Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho THIBIDI	530.792.842.638 36.000.000
4	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (GELEX Electric)	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0107547109, ngày cấp 29/08/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Electric GELEX Cho vay Electric GELEX chuyển nhượng vốn góp tại công ty thành viên cho GELEX Electric	2.050.966.635 2.947.671.008.134 69.285.387.977
5	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Công ty con gián tiếp Tổ chức có liên quan đến HĐQT	0100100456, ngày cấp 11/04/2019, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Km12 Đường Cầu Diễn - Phường Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho HEM Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho HEM	24.848.225.010 36.000.000

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú	
6	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0107652657, ngày cấp 02/10/2020, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, Số 52 phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Hạ Tầng GELEX GELEX Cho vay Hạ tầng GELEX GELEX chuyển nhượng vốn góp tại công ty thành viên cho Hạ tầng GELEX	1.550.949.929 3.657.500.000.000 51.175.161.707	
7	Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con gián tiếp	0315428529, ngày cấp 07/12/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hồ Chí Minh	1B Hoàng Diệu, phường 13, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Sotrans Logistics cung cấp dịch vụ cho GELEX	1.705.095.275	Giao dịch chỉ tính đến thời điểm Sowatco còn là bên liên quan của GELEX (hết ngày 30/06/2020)
8	Tổng công ty cổ phần đường sông Miền Nam (Sowatco)	Công ty con gián tiếp	0300447173, ngày cấp 09/06/2009, nơi cấp Sở ĐT&KH TP. Hồ Chí Minh	298 Huỳnh Tấn Phát - Phường Tân Thuận Tây - Quận 7 - TP Hồ Chí Minh	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Sowatco	857.405.455	Giao dịch chỉ tính đến thời điểm Sotrans còn là bên liên quan của GELEX (hết ngày 30/06/2020)
9	Công ty TNHH MTV GELEX Land	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0107919237, ngày cấp 12/07/2017, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho GELEX Land GELEX Land cho vay GELEX	990.458.655 18.000.000.000	
10	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan đến HĐQT	0108453005, ngày cấp 31/12/2019, nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho EMIC Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho EMIC	19.545.566.450 11.552.486.772	

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
11	Công ty TNHH VLCC	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0303145967 cấp ngày 05/01/2004, nơi cấp Sở KH & Đầu tư TP Hồ Chí Minh	V21D9, Saigon Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	VLCC cung cấp dịch vụ cho GELEX 550.000.000	Giao dịch chỉ tính đến thời điểm VLCC còn là bên liên quan của GELEX (hết ngày 18/06/2020)
12	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	1018/GP cấp ngày 25/10/1994, nơi cấp Bộ KH&ĐT	44 B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho S.A.S-CTAMAD 634.500.000 S.A.S-CTAMAD cung cấp dịch vụ cho GELEX 692.082.245	
13	Công ty TNHH Thiết bị lưới điện G-POWER	Công ty con gián tiếp	0109089694, cấp ngày 14/02/2020 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Km12 Đường Cầu Diễn - Phường Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho G-POWER 4.957.232.380	
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Viwasupco)	Công ty con gián tiếp	5400310164, cấp ngày 23/07/2018, nơi cấp Sở KH&ĐT Hòa Bình	Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Hòa Bình	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX bán hàng hóa cho Viwasupco 50.000.000 Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho Viwasupco 20.355.000	
15	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	0500447942, cấp ngày 04/05/2004, nơi cấp sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 2, ngõ 121B, phố Hữu Nghị - Phường Xuân Khanh - Thị Xã Sơn Tây - Hà Nội.	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho K.I.P 398.306.188	
16	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con gián tiếp	3600241669 cấp ngày 28/12/2020, nơi cấp sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2020	NQ40/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ42/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 30/12/2019; NQ02/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020; NQ43/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	Doanh thu GELEX cung cấp dịch vụ cho CFT 508.363.594 Doanh thu GELEX bán nguyên vật liệu cho CFT 97.830.395.008	



GAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

STT	Tên đơn vị	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho CADIVI, CADIVI cung cấp dịch vụ cho GELEX
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho THIBIDI
3	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (GELEX Electric)	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX cung cấp dịch vụ và cho vay vốn GELEX Electric
4	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ cho HEM
5	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty con – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX cung cấp dịch vụ và cho vay vốn Hạ tầng GELEX
6	Công ty TNHH MTV GELEX Land	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX cung cấp dịch vụ cho GELEX Land, GELEX Land cho vay vốn GELEX
7	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ cho EMIC
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty con gián tiếp – Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Viwasupco
9	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	GELEX cung cấp dịch vụ cho CTCP K.I.P Việt Nam
10	Công ty TNHH VLCC	Tổ chức có liên quan tới Thành viên HĐQT	Công ty TNHH VLCC cung cấp dịch vụ cho GELEX.

2. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: không có

3. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (NĂM 2020)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	56.500.000	11,57%	
1.1	Đào Thị Lơ		15.000.000	3,07%	
1.2	Dương Quang Sơn		0	0,00%	
1.3	Nguyễn Thị Kim Loan		0	0,00%	
1.4	Dương Thị Hồng Hạnh		0	0,00%	
1.5	Nguyễn Linh Nga		0	0,00%	
1.6	Nguyễn Minh Anh		0	0,00%	
1.7	Nguyễn Minh Khôi		0	0,00%	
1.8	Nguyễn Hải Minh		0	0,00%	
1.9	Vũ Thị Lệ		0	0,00%	
1.10	Nguyễn Thị Tâm		0	0,00%	
1.11	Lê Đình Thương		0	0,00%	
1.12	Nguyễn Thị Tuyết		0	0,00%	
1.13	Đặng Duy Hải		0	0,00%	
1.14	Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam		0	0,00%	
1.15	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX		0	0,00%	
1.16	Công ty cổ phần hạ tầng GELEX		0	0,00%	
1.17	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD		0	0,00%	
1.18	Tổng công ty Viglacera - CTCP		0	0,00%	
1.19	Công ty cổ phần Thiết bị điện		0	0,00%	

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2	Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch HĐQT	1.500.000	0,31%	
2.1	Nguyễn Bạch Tuyết		0	0,00%	
2.2	Nguyễn Bích Hà		119.025	0,02%	
2.3	Nguyễn Liên Hương		0	0,00%	
2.4	Matthew Lim		0	0,00%	
2.5	Trương Đức Huy		0	0,00%	
2.6	Nguyễn Đức Phương		0	0,00%	
2.7	Nguyễn Gia Chính		0	0,00%	
2.8	Nguyễn Thị Xuân Thanh		111.090	0,02%	
2.9	Trần Thị Nga		0	0,00%	
2.10	Nguyễn Đích Vân		0	0,00%	
2.11	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD		0	0,00%	
2.12	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam		0	0,00%	
3	Nguyễn Trọng Tiếu	Phó chủ tịch HĐQT	1.073.795	0,22%	
3.1	Trần Thị Diệu Công		0	0,00%	
3.2	Trần Kim Châu		0	0,00%	
3.3	Nguyễn Trọng Sử		0	0,00%	
3.4	Lê Thị Minh Thu		0	0,00%	
3.5	Nguyễn Trọng Dung		0	0,00%	
3.6	Đinh Thị Thanh		0	0,00%	
3.7	Nguyễn Trọng Oanh		0	0,00%	
3.8	Trần Thị Thảo		0	0,00%	
3.9	Nguyễn Thuý Liễu		0	0,00%	
3.10	Nguyễn Thị Uyển		0	0,00%	
3.11	Nguyễn Thúy Bích		0	0,00%	
3.12	Nguyễn Trọng Tuyển		0	0,00%	
3.13	Trần Thị Sinh		0	0,00%	
3.14	Nguyễn Thanh Tùng		0	0,00%	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (NĂM 2020)

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.15	Nguyễn Hồng Ngọc		0	0,00%	
3.16	Nguyễn Tùng Lâm		0	0,00%	
3.17	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX		0	0,00%	
3.18	Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh – CTCP		0	0,00%	
4	Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	1.000.000	0,21%	
4.1	Võ Xuân Đào		0	0,00%	
4.2	Trần Thị Thanh		0	0,00%	
4.3	Trịnh Thị Thiệp		0	0,00%	
4.4	Võ Thị Hà Giang		0	0,00%	
4.5	Lê Thanh Nam		0	0,00%	
4.6	Võ Anh Tuấn		0	0,00%	
4.7	Đỗ Thanh Huyền		0	0,00%	
4.8	Võ Thị Hà Quyên		0	0,00%	
4.9	Huỳnh Quang Hiếu		0	0,00%	
4.10	Phạm Thị Bích Hạnh		0	0,00%	
4.11	Trần Tiến Dũng		0	0,00%	
4.12	Phạm Thị Minh Hằng		0	0,00%	
4.13	Kiểu Viết Trung		0	0,00%	
4.14	Phạm Thị Thu Hà		0	0,00%	
4.15	Võ Tường Vy		0	0,00%	
4.16	Võ Tường Vân		0	0,00%	
4.17	Võ Anh Kiên		0	0,00%	

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.18	Võ Tuấn Kiệt		0	0,00%	
4.19	Công ty cổ phần Viwaco		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan của người nội bộ từ 19/03/2020
4.20	Công ty cổ phần hạ tầng GELEX		0	0,00%	
4.21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện		0	0,00%	
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	793.500 (*)	0,16% (*)	Không còn là TV HĐQT kể từ ngày 18/06/2020
5.1	Hoàng Vệ Dũng		0	0,00%	
5.2	Hoàng Ngọc Quân		0	0,00%	
5.3	Hoàng Ngọc Kiên		0	0,00%	
5.4	Nguyễn Thị Dung		0	0,00%	
5.5	Nguyễn Như Vinh		0	0,00%	
5.6	Nguyễn Như Quang		0	0,00%	
5.7	Nguyễn Thị Thanh Hà		0	0,00%	
5.8	Nguyễn Như Hoà		0	0,00%	
5.9	CTCP Trần Hưng Đạo		0	0,00%	
5.10	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành		0	0,00%	
5.11	Công ty TNHH CapitalLand – Hoàng Thành		0	0,00%	
5.12	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Hoàng Thành		0	0,00%	
6	Đỗ Thị Phương Lan	Phó Chủ tịch HĐQT	0 (*)	0,00% (*)	Không còn là TV HĐQT kể từ ngày 18/06/2020
6.1	Phạm Thị Tuấn		0	0,00%	
6.2	Nguyễn Quốc Vinh		0	0,00%	
6.3	Nguyễn Trâm Anh		0	0,00%	
6.4	Nguyễn Đức Minh		0	0,00%	
6.5	Đỗ Hoàng Phương		0	0,00%	
6.6	Đỗ Thị Thủy		0	0,00%	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (NĂM 2020)

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.7	Công ty TNHH VLCC		5.126.562	1,05%	
6.8	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Đò		1.380.000	0,28%	
6.9	Công ty cổ phần Santedo		0	0,00%	
6.10	Công ty CP Kho vận Miền Nam		0	0,00%	
6.11	Công ty cổ phần Dược phẩm Duy Tân		0	0,00%	
6.12	Công ty cổ phần Dược phẩm Phano		0	0,00%	
6.13	Công ty cổ phần phát triển và tài trợ địa ốc R.C (Refico)		0	0,00%	
6.14	Công ty TNHH S.A.S-CTAMAD		0	0,00%	
6.15	Công ty TNHH MTV GELEX Land		0	0,00%	
6.16	Tổng công ty Viglacera - CTCP		0	0,00%	
7	Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	1.000.000	0,21%	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 18/06/2020
7.1	Trần Thị Thu Hà		0	0,00%	
7.2	Nguyễn Trà My		0	0,00%	
7.3	Nguyễn Trà Giang		0	0,00%	
7.4	Nguyễn Trọng Thụ		0	0,00%	
7.5	Bùi Thị Xuân		0	0,00%	
8	Lương Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	1.000.000	0,21%	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 18/06/2020
8.1	Lương Tuấn Kiểm		0	0,00%	
8.2	Diệp Thị Mão		0	0,00%	

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.3	Hoàng Thị Nhung		0	0,00%	
8.4	Lương Huyền Trang		0	0,00%	
8.5	Lương Hoàng Minh		0	0,00%	
8.6	Lương Hoàng Diệp Linh		0	0,00%	
8.7	Lương Hồng Nhung		0	0,00%	
8.8	Nguyễn Quang Phú		0	0,00%	
8.9	Hoàng Trọng Đức		0	0,00%	
8.10	Nguyễn Thị Thơm		0	0,00%	
8.11	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX		0	0,00%	
8.12	Công ty TNHH MTV Năng Lượng GELEX Ninh Thuận		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 04/11/2020
8.13	Công ty CP Năng lượng GELEX Quảng Trị		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 11/11/2020
8.14	Công ty TNHH Điện gió Hường Phùng		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 11/11/2020
8.15	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà		0	0,00%	
8.16	Công ty TNHH SCI Nghệ An		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 30/09/2020
8.17	CTCP Năng lượng GELEX Đắk Lắk		0	0,00%	
8.18	CTCP Dịch vụ Năng Lượng GELEX		0	0,00%	
8.19	CTCP nước sạch Tây Hà Nội		0	0,00%	
8.20	Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh		0	0,00%	
8.21	Tổng công ty Viglacera - CTCP		0	0,00%	
9	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng - Người được ủy quyền CBTT	67.774	0,014%	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (NĂM 2020)

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.1	Phạm Văn Thiều		0	0,00%	
9.2	Nguyễn Thị Lan Anh		0	0,00%	
9.3	Nguyễn Thị Hương Giang		0	0,00%	
9.4	Phạm Nguyễn Diệu Anh		0	0,00%	
9.5	Phạm Minh Anh		0	0,00%	
9.6	Phạm Quang Thanh		0	0,00%	
9.7	Phạm Hồng Thư		0	0,00%	
9.8	Nguyễn Mạnh Hòa		0	0,00%	
9.9	Hoàng Thị Anh Thư		0	0,00%	
9.10	Nguyễn Quỳnh Trang		0	0,00%	
9.11	Lê Hồng Nga		0	0,00%	
9.12	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 29/06/2020
9.13	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC		0	0,00%	
9.14	Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội		0	0,00%	
9.15	Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà		0	0,00%	
9.16	Công ty cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương		0	0,00%	
10	Trần Quang Tiến	Thành viên ban Kiểm toán nội bộ	0	0,00%	
10.1	Trần Quang Tuấn		0	0,00%	
10.2	Vũ Thị Ngọc Ánh		0	0,00%	
10.3	Trần Thị Thanh Hằng		0	0,00%	

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10.4	Trần Thị Thanh Thảo		0	0,00%	
10.5	Trần Vũ Uyên Nhi		0	0,00%	
10.6	Trần Quang Thành Đạt		0	0,00%	
10.7	Công ty TNHH MTV GELEX Logistics		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 17/05/2020
10.8	Công ty CP Kho vận Miền Nam		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 30/06/2020
10.9	Tổng Công ty Đường sông Miền Nam		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 29/06/2020
10.10	Công ty CP Cảng Miền Nam		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 22/06/2020
10.11	Công ty liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1		0	0,00%	Không còn là tổ chức có liên quan với người nội bộ từ ngày 17/06/2020
10.12	Công ty Cổ phần vận tải và Xếp dỡ Hải An		0	0,00%	
10.13	Công ty Cổ phần Cánh đồng xanh		0	0,00%	
10.14	Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh		0	0,00%	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (NĂM 2020)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Đở	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Bà Đỗ Thị Phương Lan – Thành viên HĐQT (Bà Đỗ Thị Phương Lan không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 18/06/2020)	1.380.000	0,28%	1.380.000 (*)	0,28% (*)	
2	Công ty TNHH VLCC	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ - Bà Đỗ Thị Phương Lan – Thành viên HĐQT (Bà Đỗ Thị Phương Lan không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 18/06/2020)	4.457.880	1,05%	5.126.562 (*)	1,05% (*)	Mua thêm
3	Nguyễn Trọng Tiểu	Phó Chủ tịch HĐQT	73.795	0,015%	1.073.795	0,22%	Mua cổ phiếu quỹ
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT (Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 18/06/2020)	793.500	0,16%	793.500 (*)	0,16% (*)	
5	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng – Người được ủy quyền CBTT	17.774	0,004%	67.774	0,014%	Mua cổ phiếu quỹ
6	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	0	0,00%	56.500.000	11,572%	Mua thêm
7	Đào Thị Lơ	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	0	0,00%	15.000.000	3,072	Mua thêm
8	Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%	1.500.000	0,307%	Mua cổ phiếu quỹ
9	Nguyễn Bích Hà	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	119.025	0,02%	119.025	0,024%	
10	Nguyễn Thị Xuân Thanh	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ - Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch HĐQT	111.090	0,023%	111.090	0,023%	
11	Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0,00%	1.000.000	0,205%	Mua cổ phiếu quỹ
12	Lương Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	0	0,00%	1.000.000	0,205%	Mua cổ phiếu quỹ
13	Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	0	0,00%	1.000.000	0,205%	Mua cổ phiếu quỹ

(*) Đối với thông tin tại Mục (*) trên: GELEX chỉ có thông tin giao dịch tính đến thời điểm 18/06/2020. Các số liệu này là số liệu mà GELEX ghi nhận được tính đến thời điểm 18/6/2020.

PHẦN

/07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG/TẦM NHÌN/ MỤC TIÊU CHÍNH BỀN VỮNG

GELEX và các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty cam kết giữ vững vị thế là đại diện Thương hiệu Quốc gia, xứng đáng với vai trò đại diện cho một doanh nghiệp tiêu biểu của cả nước trong việc Kinh doanh hiệu quả - Phát triển vì lợi ích xã hội - Ý thức trong việc Bảo vệ môi trường.



Với mô hình hoạt động là một Tổng Công ty quản lý vốn đầu tư vào 02 lĩnh vực kinh doanh nòng cốt là Sản xuất Công nghiệp và Hạ tầng, GELEX theo đuổi mô hình Phát triển bền vững dựa trên 05 yếu tố bền vững chính bao gồm: Xã hội - Môi trường - Khách hàng - Cổ đông & Đối tác - Người lao động.

Mục tiêu phát triển bền vững của GELEX là duy trì sự hài hòa lợi ích giữa Doanh nghiệp và Khách hàng, với Cổ đông và các đối tác; tạo ra môi trường làm việc thân thiện, văn minh đối với người lao động; mang lại những giá trị có ý nghĩa cho cộng đồng; đồng thời khẳng định sự uy tín và thiện chí của doanh nghiệp trong việc cam kết bảo vệ môi trường nói chung.

Đối với từng yếu tố bền vững, GELEX đưa ra những chiến lược hành động cụ thể để thúc đẩy tư duy sáng tạo, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng được thị trường, thị hiếu người dùng, nhưng đồng thời giúp doanh nghiệp đạt được những thành tựu mang tính bền vững theo xu hướng phát triển bền vững trên thế giới hiện nay.

GELEX và các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty cam kết giữ vững vị thế là đại diện Thương hiệu Quốc gia, xứng đáng với vai trò đại diện cho một doanh nghiệp tiêu biểu của cả nước trong việc Kinh doanh hiệu quả - Phát triển vì lợi ích xã hội - Ý thức trong việc Bảo vệ môi trường.

PHÁT TRIỂN VÌ LỢI ÍCH XÃ HỘI

Trong năm 2020, với tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, Tổng Công ty luôn ý thức trách nhiệm với cộng đồng và đã có những hành động thiết thực cùng chung tay tiếp thêm nguồn lực cho các đơn vị tuyến đầu chống dịch. Cụ thể, ngày 18/03/2020, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã trực tiếp ủng hộ 5 tỷ đồng đến Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương để góp phần mua thêm trang thiết bị vật tư y tế, với mong muốn sớm đẩy lùi đại dịch mang lại sức khỏe và bình an cho tất cả mọi người.

Trong những ngày tháng cuối năm 2020, mưa lũ đặc biệt lớn kéo dài nhiều ngày trên diện rộng đã gây ngập lụt sâu, sạt lở đất, lũ ống, lũ quét tại một số địa phương khu vực miền Trung và Tây Nguyên, nhất là tại các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, làm nhiều người thương vong, hàng chục người mất tích. Đặc biệt, các sự cố sạt lở đất nghiêm trọng tại Tiểu khu 67 Trạm Quản lý bảo vệ rừng sông Bồ, tại khu vực thủy điện Rào Trăng 3 tỉnh Thừa Thiên Huế, và tại Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 337 huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị làm trên 50 cán bộ, chiến sỹ, công nhân bị vùi lấp, mất tích,... Tính đến giữa tháng 10 năm 2020, theo thông tin từ Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, Quảng Trị là đơn vị thiệt hại về người nhiều nhất là 49 người thương vong, Thừa Thiên Huế 27 người và Quảng Nam 11 người. Trước tình hình đó, với tinh thần tương thân tương ái, ngày 19/10/2020, tại trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị, đại diện GELEX đã trao tặng số tiền 1 tỷ đồng ủng hộ đồng bào khó khăn tỉnh Quảng Trị khắc phục hậu quả lũ lụt.

Giữa năm 2020, nhân dân các tỉnh miền Trung phải gồng mình sống chung với thảm họa của các cơn bão liên tiếp đổ bộ và gây ra các thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Đến nay, người dân các

khu vực chịu ảnh hưởng bão lụt và sạt lở đất vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, bởi sau bão lũ các vật nuôi, cây trồng phần lớn bị cuốn trôi, diện tích canh tác bị sạt lở hoặc đang bị bùn đất vùi lấp, nhiều hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, hoặc hư hỏng nặng, nhiều tuyến đường và công trình công cộng bị hư hại, v.v. Vì vậy, sau đợt hỗ trợ 1 tỷ đồng cho đồng bào Quảng Trị vào cuối tháng 10.2020 thông qua UBMTTQVN tỉnh Quảng Trị, Tổng Công ty tiếp tục trao tặng số tiền 1 tỷ đồng cho đồng bào huyện Phước Sơn và huyện Nam Trà My (Quảng Nam) trong công tác tái thiết sau lũ, mỗi huyện 500 triệu đồng. Toàn bộ kinh phí sẽ được sử dụng cho công tác hỗ trợ bà con nhân dân có thể sớm vượt qua khó khăn, nhanh chóng khôi phục cuộc sống, sinh kế sau bão lũ.

Với vai trò là một doanh nghiệp không chỉ phát triển kinh tế, mà còn quan tâm đến sự phát triển cộng đồng, thực hiện trách nhiệm với xã hội. GELEX luôn hướng đến các hoạt động trách nhiệm xã hội thiết thực, tạo giá trị cho cộng đồng như hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, tài trợ thư viện, trang thiết bị cho các trường học vùng sâu vùng xa, chung tay phòng chống đại dịch Covid-19, ... với mong muốn góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ý THỨC TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Trong lĩnh vực Sản xuất Công nghiệp, GELEX đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ mới và sản phẩm mới, thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để nhận chuyển giao công nghệ, bản quyền sản phẩm để hướng tới các sản phẩm công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cũng như các tiêu chuẩn quốc tế như IEC, ASTM, UL, JIS, AS, BS, DIN... Đó là sự hội tụ của ba yếu tố cơ bản: Dẫn điện tốt; cách điện an toàn và tiết kiệm điện.

Công nghệ sản xuất máy biến áp của THIBIDI luôn đi đầu, điển hình là máy biến áp sử dụng lõi tole Amorphous, với những ưu thế so với các sản phẩm khác như:

- Giảm chi phí vận hành
- Giảm 70% tổn hao không tải
- Tiết kiệm điện năng
- Giảm lượng khí thải, thân thiện với môi trường

Với định hướng phát triển, bám sát mục tiêu phát triển các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt ngành năng lượng, GELEX quyết tâm đưa Tổng Công ty trở thành một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu Việt Nam và khu vực, gắn với chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia và bảo vệ môi trường, tập trung đầu tư phát triển thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời, lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch. Hoạt động đầu tư và phát triển nguồn năng lượng tái tạo của GELEX đã góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính của việc phát điện đáng kể.

Việc sở hữu 46,07% vốn chủ sở hữu của VGC và mục tiêu gia tăng tỷ lệ sở hữu lên mức chi phối trong tương lai là cơ sở để hệ thống GELEX tham gia vào lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Mục tiêu GELEX là phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại; sản xuất được các sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước. Hiện nay, các doanh nghiệp có quy mô lớn như GELEX đều rất tích cực trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất để cho ra đời các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Có thể thấy định hướng của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước về tiết kiệm năng lượng quốc gia, môi trường...

ĐẢM BẢO LỢI ÍCH GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ KHÁCH HÀNG, VỚI CỔ ĐÔNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC

Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững, GELEX xác định phải không ngừng đổi mới nhằm đem lại sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt và giá thành hợp lý đến tay khách hàng. Để làm được điều này, GELEX thực hiện ba chủ trương lớn bao gồm:

- Đầu tư mở rộng hệ thống nhà máy, áp dụng quy trình và công nghệ sản xuất hiện đại;
- Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đối phó với thách thức mới;
- Chuẩn hóa các quy trình và áp dụng công nghệ hiện đại vào quản trị (sử dụng phần mềm quản trị SAP ERP) nhằm sử dụng tối ưu các nguồn lực trong doanh nghiệp, nâng cao sự đóng góp của nhân tố năng suất tổng hợp;
- Hiện tại, GELEX và đơn vị thành viên khối thiết bị điện đã có hệ thống nhà máy bài bản với công nghệ hiện đại trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Năm 2020, GELEX lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh tại Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 2020, CADIVI là lần thứ 7 (từ năm 2008 đến nay) và THIBIDI là lần thứ 3 (từ năm 2016 đến nay).

Đạt THQG là niềm tự hào và cũng là trách nhiệm lớn của GELEX cũng như các công ty thành viên. Trong thời gian tới, GELEX và các đơn vị thành viên tiếp tục chú trọng vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ chăm sóc khách hàng, áp dụng các cải tiến kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, đổi mới, sáng tạo, v.v. để sản xuất ra các sản phẩm ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường, góp phần tiết kiệm năng lượng quốc gia và thân thiện với môi trường sống. Điều này không chỉ giúp nâng cao uy tín của GELEX đối với khách hàng mà còn với cổ đông, và các đối tác khác.

Ngày 10/12/2020, tại Lễ công bố Doanh nghiệp niêm yết có hiệu quả kinh doanh tốt nhất, Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam đã được vinh danh trong Top 15 “Doanh nghiệp niêm yết có Hiệu quả kinh doanh tốt nhất 3 năm liên tiếp”. Sự kiện nằm trong khuôn khổ chương trình “Đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp – Vietnam the Best Company” dưới sự chỉ đạo của Phòng Thương

mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp phối hợp với Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp (INBUS), Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hội các Nhà Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam (VACD) phối hợp triển khai thường niên từ năm 2013, trên cơ sở khảo sát, đánh giá 21 tiêu chí liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam, thông qua Báo cáo Tài chính hàng năm với phương pháp đánh giá toàn diện, bảo đảm tính chính xác, khách quan.

Theo TS Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI, các doanh nghiệp được vinh danh và trao chứng nhận đợt này không chỉ là những doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, mà còn là những doanh nghiệp có thương hiệu uy tín, vốn hóa trên thị trường lớn, quản trị nhân sự tốt, quy mô thị trường lớn, doanh thu và sự ổn định bền vững. Đây cũng là kết quả thẩm định năng lực của các doanh nghiệp, giúp các đối tác, các tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư đặc biệt là các cổ đông ra quyết định đầu tư hợp lý và hiệu quả.

Giải thưởng này đã giúp GELEX tiếp tục khẳng định uy tín, vị thế trên thị trường, đồng thời, đây cũng là cơ hội để GELEX nhìn lại thành tựu của mình trong năm 2020, đánh giá được “sức khỏe” doanh nghiệp, từ đó khắc phục hạn chế, đưa ra các quyết sách hợp lý và hiệu quả, triển khai các giải pháp phát triển trong giai đoạn tiếp theo nhằm đảm bảo chuyên nghiệp - minh bạch – hiệu quả của GELEX trong mắt các đối tác trong và ngoài nước, cổ đông và khách hàng.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỮ CHÂN NGƯỜI TÀI VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Tổng Công ty và các công ty con, vì vậy Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của GELEX trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động trong Tổng Công ty là 101 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	101	100,00
Đại học và trên đại học	73	72,3
Cao đẳng, trung cấp, bằng cấp khác	28	27,7
Theo giới tính	101	100,00
Nữ	53	52,5
Nam	48	47,5

“CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC LÀ MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ QUAN TRỌNG QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON.”

Chính sách nhân sự

Chiến lược đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao được Ban lãnh đạo GELEX xác định là một trong những lĩnh vực trọng tâm, được ưu tiên hàng đầu của GELEX. Năm 2020, bên cạnh việc thực hiện điều chỉnh sơ đồ tổ chức, sửa đổi và ban hành hệ thống quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng ban, công tác tuyển dụng tiếp tục được chú trọng thực hiện với mục tiêu bổ sung cho Công ty nguồn nhân lực chất lượng được chiêu mộ từ các doanh nghiệp lớn trên thị trường. Các nhân sự mới không chỉ đáp ứng được yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động của hiện tại, mà còn là nhân tố để duy trì sự tăng trưởng bền vững của GELEX trong tương lai.

GELEX đã xây dựng và áp dụng đa dạng các hình thức đãi ngộ, phúc lợi để động viên, ghi nhận và tăng cường sự gắn kết giữa Công ty và Người lao động. Mỗi cá nhân được học hỏi phát triển không ngừng thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn, các khóa học nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, chương trình luân chuyển và bổ nhiệm nhân sự. Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc, 08 giờ/ngày, chế

độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản... Ngoài bảo hiểm theo quy định, Công ty đã mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện với mục đích hỗ trợ tài chính cho người lao động trong các trường hợp ốm đau, tai nạn, thai sản,... Công ty cũng đã phối hợp với tổ chức Công đoàn xây dựng nhiều chương trình chăm lo, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho CBCNV.

Hệ thống lương thưởng của GELEX được xây dựng theo tiêu chí hợp lý, hiệu quả, cạnh tranh với thị trường và gắn liền với hiệu quả công việc. Ngoài lương hàng tháng, lương tháng 13, thưởng theo hiệu quả công việc, thưởng dịp Lễ Tết, quà tặng nhân ngày 8/3, 20/10, 1/6, Trung thu,... Công ty còn có chính sách cổ phiếu thưởng (ESOP) cho các nhân sự chủ chốt, nhân sự có nhiều đóng góp, đối tượng được quy hoạch là cán

bộ nguồn. Ngày 12/11/2020, Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 53/2020/GELEX/NQ-HĐQT để thực hiện bán 12.000.000 cổ phiếu quỹ của GELEX cho CBCNV. Mục đích của chương trình bán cổ phiếu quỹ cho người lao động nhằm khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ chủ chốt, nhân viên giỏi để cùng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp sức vào công cuộc phát triển của Hệ thống GELEX ngày một lớn mạnh và chia sẻ những thành công của Hệ thống GELEX. Đồng thời thu hút, tạo sự gắn bó lâu dài với những cán bộ chủ chốt tâm huyết, giàu năng lực, kinh nghiệm và nhân viên giỏi. Bên cạnh đó, chương trình còn giúp tạo động lực mạnh mẽ và gắn lợi ích của CBCNV với các cổ đông và giúp bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho GELEX.

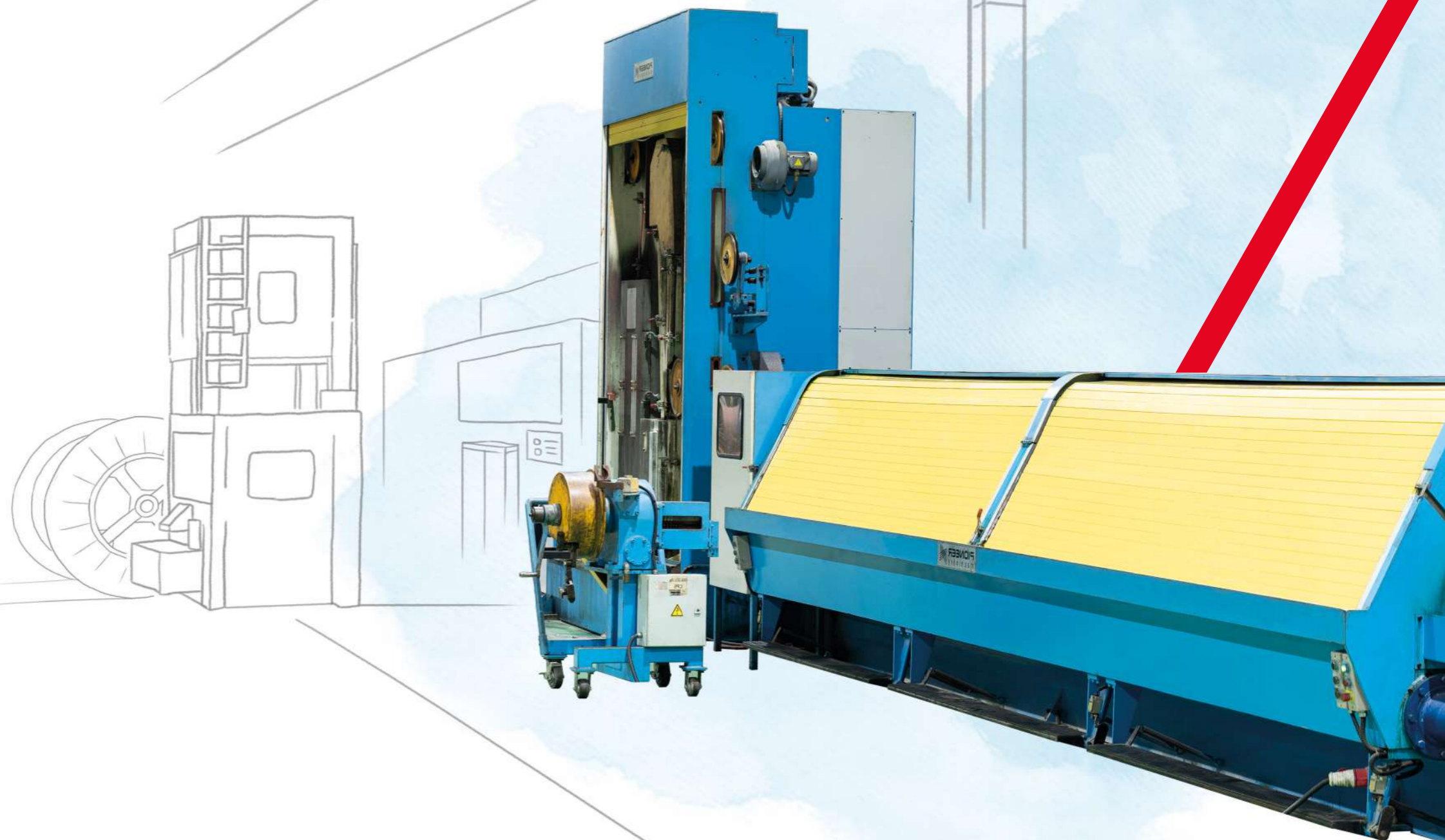


PHẦN

108

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	122
Báo cáo của ban tổng giám đốc	124
Báo cáo kiểm toán độc lập	125
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	127
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	131
Báo cáo lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	133
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	136



THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch (*)	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên Chủ tịch (*)	Miễn nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Phó chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020 Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Lương Thanh Tùng	Phó chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020 Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020

(*) Việc bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổng Công ty được phê duyệt theo Nghị quyết số 37/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2020.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thực hiện theo Quyết định số 12/2020/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thống nhất đổi tên Ban Kiểm toán nội bộ thành Ủy ban Kiểm toán để phù hợp với quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020 đối với mô hình tổ chức doanh nghiệp không có Ban Kiểm soát. Quyết định nêu trên có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Thành viên Ủy ban Kiểm toán (tên cũ là Ban Kiểm toán nội bộ theo Luật Doanh nghiệp 2014) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Anh Linh	Trưởng ban
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Giám đốc điều hành

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61355749/21938223-HN

Kính gửi: **Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 81 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Nguyễn Trung Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4657-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.071.023.654.906	8.382.111.242.069
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.559.239.675.695	920.972.296.193
111	1. Tiền		1.128.453.803.746	731.401.196.193
112	2. Các khoản tương đương tiền		430.785.871.949	189.571.100.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.751.266.439.506	1.196.264.408.377
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	1.617.326.377.863	1.017.991.730.244
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(30.250.802.698)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	133.940.061.643	208.523.480.831
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.261.469.977.933	3.464.510.748.372
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	4.104.680.173.122	2.056.273.114.168
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	383.029.852.070	161.005.018.624
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		14.000.000.000	4.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8.1	1.991.111.903.728	1.460.109.974.353
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(231.351.950.987)	(216.877.358.773)
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.236.252.994.646	2.678.936.559.794
141	1. Hàng tồn kho		3.256.609.685.558	2.699.673.994.298
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(20.356.690.912)	(20.737.434.504)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		262.794.567.126	121.427.229.333
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	38.803.822.867	27.688.124.392
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		199.001.623.077	86.274.270.059
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		24.989.121.182	7.464.834.882

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.081.069.004.802	12.848.293.617.508
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.465.035.284	2.857.639.695
216	1. Phải thu dài hạn khác	8.2	30.465.035.284	2.857.639.695
220	II. Tài sản cố định		5.876.619.871.302	6.175.219.173.652
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.400.467.729.491	5.668.147.232.383
222	Nguyên giá		9.176.944.183.457	9.427.614.613.239
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.776.476.453.966)	(3.759.467.380.856)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	476.152.141.811	507.071.941.269
228	Nguyên giá		533.198.151.956	547.988.280.830
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(57.046.010.145)	(40.916.339.561)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	216.246.054.300	218.828.013.484
231	1. Nguyên giá		296.215.724.512	281.417.151.884
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(79.969.670.212)	(62.589.138.400)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	14	1.131.587.595.528	526.037.090.461
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.131.587.595.528	526.037.090.461
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	5.809.360.934.692	4.338.261.807.918
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		5.684.365.533.111	4.233.061.041.072
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		124.370.401.581	54.937.000.940
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(10.172.312.950)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		625.000.000	60.436.078.856
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.016.789.513.696	1.587.089.892.298
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	426.419.574.553	531.080.836.429
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	12.172.947.716	30.724.241.576

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
269	3. Lợi thế thương mại	17	578.196.991.427	1.025.284.814.293
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.152.092.659.708	21.230.404.859.577
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.936.906.032.823	12.584.877.445.715
310	I. Nợ ngắn hạn		10.831.294.477.533	7.655.136.785.119
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	2.964.515.738.425	1.132.885.871.455
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.2	302.845.083.321	111.045.849.458
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	123.574.463.689	140.199.776.421
314	4. Phải trả người lao động		171.229.457.012	184.960.606.980
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	168.377.163.149	176.216.703.955
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		21.977.772.480	45.060.676.262
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	2.624.943.927.149	1.763.561.872.741
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	22	4.328.509.240.283	4.008.854.549.871
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	76.240.526.352	58.847.570.786
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	49.081.105.673	33.503.307.190
330	II. Nợ dài hạn		8.105.611.555.290	4.929.740.660.596
331	1. Phải trả người bán dài hạn	18.1	72.620.064.000	44.697.450.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	25	42.553.655.782	43.642.636.966
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	20.519.332.766	39.951.560.809
338	4. Vay và nợ dài hạn	22	7.752.211.494.649	4.561.953.701.156
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	136.935.268.307	166.002.099.305
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	23	80.771.739.786	73.493.212.360
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.215.186.626.885	8.645.527.413.862
410	I. Vốn chủ sở hữu	26	8.208.689.065.742	8.637.963.552.723

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.882.440.000.000	4.882.440.000.000
411a	• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.882.440.000.000	4.882.440.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.074.761.451	66.457.000.000
414	3. Vốn khác		77.388.963.577	147.588.933.577
415	4. Cổ phiếu quỹ		(102.997.990.700)	-
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		76.059.032.630	77.023.242.245
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.900.046.809.522	1.169.045.332.340
421a	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		1.098.341.800.084	571.721.116.419
421b	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		801.705.009.438	597.324.215.921
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.362.677.489.262	2.295.409.044.561
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		6.497.561.143	7.563.861.139
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		6.497.561.143	7.563.861.139
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.152.092.659.708	21.230.404.859.577



Nguyễn Thị Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	18.086.263.045.058	15.440.420.151.460
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(137.550.122.622)	(125.434.232.938)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	17.948.712.922.436	15.314.985.918.522
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(15.321.523.056.447)	(12.576.002.760.296)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.627.189.865.989	2.738.983.158.226
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	697.421.975.278	340.995.992.447
22	7. Chi phí tài chính	29	(1.119.920.502.681)	(838.373.107.258)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(766.000.118.220)	(634.359.800.542)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		39.286.013.627	113.349.134.774
25	9. Chi phí bán hàng	30	(470.412.298.616)	(485.794.579.998)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(640.854.628.605)	(735.308.673.393)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.132.710.424.992	1.133.851.924.798
31	12. Thu nhập khác	31	75.510.099.329	21.537.107.316
32	13. Chi phí khác	31	(11.025.161.423)	(84.435.927.150)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	31	64.484.937.906	(62.898.819.834)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.197.195.362.898	1.070.953.104.964
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(209.712.288.123)	(267.688.696.428)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33.3	(7.831.713.320)	17.691.493.734
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		979.651.361.455	820.955.902.270
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		801.705.009.438	603.171.362.635

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26.1	177.946.352.017	217.784.539.635
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	1.682	1.171
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	1.682	1.162

Nguyễn Thị Nga

Người lập

Phạm Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh cho các khoản:		1.197.195.362.898	1.070.953.104.964
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		628.468.136.015	621.397.796.994
03	Trích lập dự phòng		1.115.098.520	29.016.967.828
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.356.729.631)	(1.372.306.963)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(536.170.469.816)	(382.930.271.581)
06	Chi phí lãi vay	29	766.000.118.220	634.359.800.542
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.047.251.516.206	1.971.425.091.784
09	Tăng các khoản phải thu		(1.582.989.573.514)	(275.771.552.522)
10	Tăng hàng tồn kho		(112.091.304.087)	(567.915.274.621)
11	Tăng các khoản phải trả		1.739.557.327.845	619.479.265.674
12	Tăng chi phí trả trước		(2.832.417.029)	(74.654.599.699)
13	(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(730.210.577.003)	419.182.863.021
14	Tiền lãi vay đã trả		(739.113.996.796)	(565.918.002.241)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(223.647.092.296)	(299.773.962.182)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.967.132.763	1.790.399.967
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.566.980.804)	(59.951.958.109)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		373.324.035.285	1.167.892.271.072

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(1.917.448.887.847)	(1.527.217.023.697)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		9.362.490.206	8.445.120.863
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(95.509.906.601)	(158.953.097.777)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		50.148.164.380	509.786.151.025
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.454.882.404.923)	(3.775.483.096.596)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.140.224.897.951	636.457.070.271
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		288.164.994.111	373.057.973.039
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.979.940.652.723)	(3.933.906.902.872)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát và bán cổ phiếu quỹ		148.136.200.000	236.860.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(299.967.829.249)	(6.220.002.735)
33	Tiền thu từ đi vay		21.139.793.091.235	17.990.081.177.215
34	Tiền trả nợ gốc vay		(17.694.910.537.694)	(15.286.943.187.002)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(47.595.930.511)	(170.499.387.478)
Trong đó:				
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		(6.430.000)	(137.995.000)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(47.589.500.511)	(170.361.392.478)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.245.454.993.781	2.763.278.600.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		638.838.376.343	(2.736.031.800)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		920.972.296.193	923.667.098.002
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(570.996.841)	41.229.991
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.559.239.675.695	920.972.296.193

Nguyễn Thị Nga

Người lập

Phạm Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 90 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 92 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019 : 4 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("Hạ tầng GELEX") (trước đây là Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX)	99,998%	99,998%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX ("GELEX Electric")	99,998%	99,998%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư và kinh doanh sản phẩm trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty GELEX Electric:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	95,82%	95,82%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	77,01%	77,01%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	89,69%	89,69%	Đường số 9, khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
4	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	100%	100%	Đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("Emic")	74,99%	74,99%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty GELEX Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	100%	100%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power ("G-Power")	100%	100%	Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty GELEX Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

Công ty Thibidi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh ("MEE")	51%	51%	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

Công ty Hạ tầng GELEX:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	73,16%	73,16%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận")	100%	100%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	60,46%	60,46%	Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất và cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng ("Hướng Phùng") (*)	98,87%	98,87%	Số 3 Nguyễn Viết Xuân, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
5	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng GELEX Quảng Trị (*)	98,65%	98,65%	Số 3 Nguyễn Viết Xuân, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
6	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng GELEX Đắk Lắk (*)	80%	80%	Số 21, đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
7	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX Tây Ninh (*)	98%	98%	Số 087, đường Huỳnh Văn Lợi, khu phố 1, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió

8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng GELEX	51%	51%	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
9	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải	88%	88%	Lô A23, khu công nghiệp Sóng Thần 3, đường Điện Biên Phủ, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

(*) Các công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh chính do vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Hạ tầng GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty GELEX Ninh Thuận:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mái nhà Việt Nam	99,8%	99,8%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mái nhà	99,8%	99,8%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Năng lượng điện Mái nhà	99,8%	99,8%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời

Công ty GELEX Quảng Trị:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Mirai Quảng Trị (*)	100%	100%	Số 3, Nguyễn Viết Xuân, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió

(*) Công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh chính do vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Hạ tầng GELEX cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

Công ty Đông Hải:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 1 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 2	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 3	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 4	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 5 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 6 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 7 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 8 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời

(*) Các công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh chính do vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Quyền khai thác mặt nước

Quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc Tập đoàn mua lại công ty con và được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị của quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền khai thác mặt nước	36 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	20 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích hao mòn

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Tài sản khác	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết



thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền; và
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất (có hiệu lực sau năm 2003) với thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải

là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

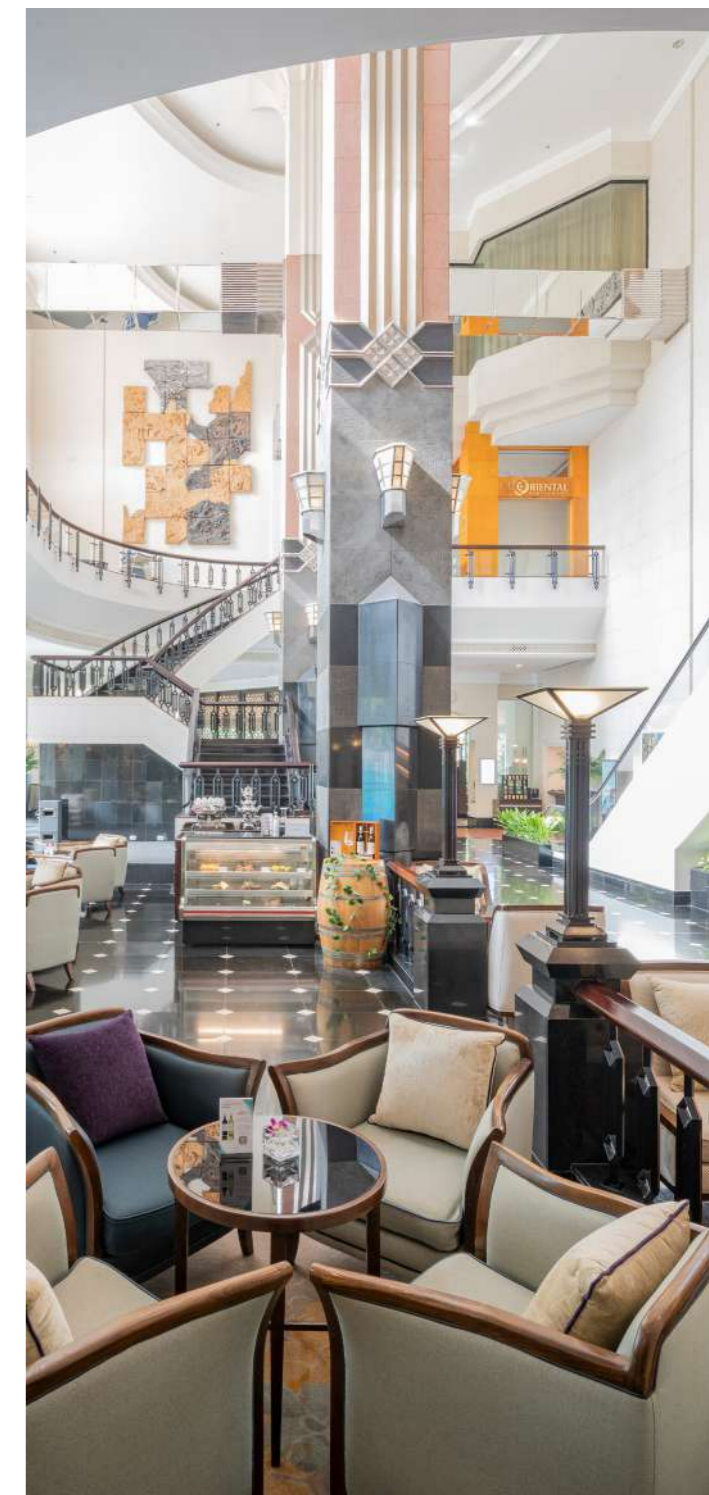
Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Tăng vốn chủ sở hữu thông qua thực hiện chứng quyền

Vốn cổ phần tăng (do các bên nắm giữ Chứng quyền phát hành bởi Tổng Công ty thực hiện quyền mua cổ phần của Chứng quyền) được góp bằng tiền và được ghi nhận theo số tiền thực góp, bao gồm:

- Vốn cổ phần tăng = số lượng cổ phiếu được phát hành (X) mệnh giá mỗi cổ phiếu. Trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu được phát hành tương ứng với số Chứng Quyền được thực hiện quyền mua cổ phần.
 - Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

- Thặng dư vốn cổ phần bao gồm:
 - Phần chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu khi thực hiện Chứng Quyền (theo quy định của Hợp đồng phát hành Chứng quyền) và mệnh giá cổ phiếu;
 - Giá trị phát hành chứng quyền tương ứng với số lượng chứng quyền thực hiện; và
 - Các chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.18 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công

nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quy chế tài chính của Tập đoàn và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng dựa trên biên bản đo lường điện năng tiêu thụ và đơn giá bán điện được quy định theo Hợp đồng mua bán kỹ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cấp nước

Doanh thu cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng với khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một

cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán/chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc

kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc

lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.24 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận, kinh doanh năng lượng (điện và nước) và các dịch vụ khác.

3.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của họ.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV GELEX Logistics (“GELEX Logistics”)

Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty GELEX Logistics cho một đối tác doanh nghiệp. Theo đó, Tập đoàn đã mất quyền kiểm soát trực tiếp tại Công ty GELEX Logistics và gián tiếp tại các công ty con của Công ty GELEX Logistics như trình bày dưới đây:



- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics
- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans
- Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam
- Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam

Tại ngày thoái vốn nêu trên, giá trị ghi sổ của tài sản thuần hợp nhất của Công ty GELEX Logistics và các công ty con nêu trên là 1.779,1 tỷ VND; giá trị tài sản thuần tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và lợi thế thương mại có liên quan giảm tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là 834,8 tỷ VND và 341,9 tỷ VND.

Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng nêu trên đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn (Thuyết minh số 27.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.2 Mua Công ty Dây Đồng Việt Nam CFT (“Công ty CFT”)

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, Công ty Electric, công ty con của Tập đoàn, đã hoàn thành việc mua 63,65% vốn góp (tương ứng với 55% tỷ lệ lợi ích) trong Công ty CFT với giá phí 146 tỷ VND và qua đó, Tập đoàn tăng tỷ lệ biểu quyết trong Công ty CFT thành 100%. Theo đó, Công ty CFT đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư mã số dự án 4320822225 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27 tháng 5 năm 1996, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600241669 được cấp ngày 27 tháng 5 năm 1996 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc làm nguyên liệu sản xuất dây điện và cáp điện. Tập đoàn mua thêm vốn góp của Công ty CFT với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh thiết bị điện.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty CFT tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.346.117.810
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.236.679.784.687
Hàng tồn kho	481.102.676.874
Tài sản cố định hữu hình	49.567.296.007
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	5.965.185.678
Tài sản khác	43.101.876.102
	1.899.762.937.158
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	1.226.806.063.175
Dự phòng phải trả	24.970.134.271
Vay và nợ	308.570.272.035
Phải trả khác	34.462.856.530
	1.594.809.326.011
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	304.953.611.147
Cổ đông không kiểm soát [b]	423.697
Lãi từ giao dịch hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 31) [c]	(38.844.888.312)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]	266.108.299.138
Trong đó:	
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	146.359.564.526
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	119.748.734.612
Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	83.346.117.810
Tiền chi để mua công ty con	(146.359.564.526)
Tổng tiền thuần đã chi từ nghiệp vụ mua	(63.013.446.716)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.351.067.237	17.017.355.047
Tiền gửi ngân hàng	1.115.098.573.984	714.383.841.146
Tiền đang chuyển	4.162.525	-
Các khoản tương đương tiền (*) (**)	430.785.871.949	189.571.100.000
TỔNG CỘNG	1.559.239.675.695	920.972.296.193

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 2,6%/năm đến 4,6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4,1%/năm – 5,3%/năm).

(**) Một số khoản tương đương tiền đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 22.2.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Trái phiếu (i)	976.448.503.970	(*)	-	844.898.930.400	(*)	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	50.000.000.000	(*)	-
Ủy thác đầu tư	-	-	-	80.192.056.826	50.062.056.826	(30.130.000.000)
Chứng khoán niêm yết (ii)	640.877.873.893	713.284.567.000	-	42.344.743.018	43.606.569.860	(120.802.698)
Chứng khoán chưa niêm yết	-	-	-	556.000.000	(*)	-
TỔNG CỘNG	1.617.326.377.863		-	1.017.991.730.244		(30.250.802.698)

(*) Do cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các doanh nghiệp này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tập đoàn chưa thể thuyết minh giá trị hợp lý.

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

Tổ chức phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	180.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,10%	(*)
	27.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 11 tháng 6 năm 2021	9,15%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	259.792.687.674	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 9 tháng 3 năm 2021	10,3%	(*)
Công ty Cổ phần Mua bán Thế hệ mới	421.744.035.656	Kỳ hạn 5 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 28 tháng 8 năm 2025	8%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	87.911.780.640	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hằng năm, đáo hạn ngày 29 tháng 5 năm 2023	10%	(*)
TỔNG CỘNG	976.448.503.970			

(*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tập đoàn phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	390.897.336.198	415.317.457.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	121.825.287.635	129.479.756.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần DAP – Vinachem	119.142.075.890	159.211.360.000	-	26.994.070.460	26.994.070.460	-
Công ty Cổ phần GTNFoods	9.013.174.170	9.275.994.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần SCI – S99	-	-	-	15.222.800.000	17.000.000.000	-
Các cổ phiếu khác	-	-	-	127.872.558	7.069.860	(120.802.698)
TỔNG CỘNG	640.877.873.893	713.284.567.000		42.344.743.018	44.001.140.320	(120.802.698)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	103.940.061.643	103.940.061.643	-	81.622.168.495	81.622.168.495	-
Trái phiếu (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	126.901.312.336	126.901.312.336	-
TỔNG CỘNG	133.940.061.643	133.940.061.643		208.523.480.831	208.523.480.831	

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng mức lãi suất từ 3,9%/năm đến 7,6%/năm (31 tháng 12 năm 2019: 5,3% đến 7,9%)

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

Tổ chức phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	30.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 30 tháng 7 năm 2021	10,5%	(*)
TỔNG CỘNG	30.000.000.000			

(*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	4.093.576.120.320	1.923.874.152.493
- Công ty TNHH Sao Kim BK (*)	1.899.760.820.256	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	220.274.182.776	188.194.889.838
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5	119.520.659.188	131.443.367.670
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	111.446.930.252	90.128.758.113
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.742.573.527.848	1.514.107.136.872
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	11.104.052.802	132.398.961.675
TỔNG CỘNG	4.104.680.173.122	2.056.273.114.168
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(221.500.617.187)	(196.821.961.300)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản phải thu Công ty TNHH Sao Kim BK về bán hàng theo hình thức trả chậm chịu lãi và có thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng.

Một số quyền thụ hưởng các khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.1.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	383.029.852.070	161.005.018.624
- Công ty Cổ phần SCI E&C	239.236.867.820	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam	5.231.610.000	21.801.930.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Kinex Việt Nam	-	33.607.500.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	138.561.374.250	105.595.588.624
TỔNG CỘNG	383.029.852.070	161.005.018.624
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(32.864.476)	(8.806.691.090)

8. PHẢI THU KHÁC

8.1 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc, hợp tác kinh doanh mua cổ phần (i)	1.336.093.950.000	-	1.066.093.950.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	163.405.073.579	-	161.051.147.506	(1.430.246.060)
Ký quỹ, ký cược, đặt cọc (ii)	442.241.967.307	-	124.393.620.236	-
Phải thu tiền lãi tiền gửi, cho vay	35.130.729.529	(135.000.000)	46.284.998.369	(135.000.000)
Phải thu khác	14.240.183.313	(5.683.469.324)	62.286.258.242	(5.683.469.324)
TỔNG CỘNG	1.991.111.903.728	(5.818.469.324)	1.460.109.974.353	(7.248.715.384)

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

- Các khoản đặt cọc với số tiền là 586 tỷ VND cho các cá nhân để mua cổ phần của một số công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện với thời hạn đặt cọc tới ngày 31 tháng 12 năm 2022.

- Các khoản đặt cọc và hợp tác kinh doanh với số tiền là 750 tỷ VND cho các cá nhân và tổ chức doanh nghiệp để mua cổ phần của một số công ty trong lĩnh vực năng lượng và lĩnh vực thi công xây dựng với thời hạn đặt cọc tới ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trong trường hợp giao dịch không thực hiện thành công, Tập đoàn sẽ nhận lại toàn bộ số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh cùng một khoản lãi với mức lãi suất từ 8%-10%/năm tính trên số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh mua cổ phần các công ty trong lĩnh vực năng lượng.

(ii) Các khoản ký quỹ, ký cược, đặt cọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

- Các khoản tiền ký quỹ với số tiền là 351 tỷ VND liên quan đến hoạt động mua nhập khẩu vật tư, hưởng lãi suất từ 3% đến 4,9%/năm.

- Các khoản ký quỹ với số tiền là 41,6 tỷ VND cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị để thực hiện một số dự án điện gió.

- Các khoản đặt cọc đầu tư tham gia dự án phát triển bất động sản trong khu vực miền Nam với số tiền là 30 tỷ VND cho một số đối tác doanh nghiệp và được hưởng lãi cố định là 3 tỷ VND/năm (tính theo số ngày phát sinh thực tế trong năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

8.2 Phải thu dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ (*)	30.465.035.284	-	2.857.639.695	-
TỔNG CỘNG	30.465.035.284	-	2.857.639.695	-

(*) Đây chủ yếu là các khoản ký quỹ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội để thực hiện dự án Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn.

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.288.046.487	-	106.288.046.487	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất Thanh Vân	57.814.174.949	-	-	-
Các khoản khác	74.769.858.983	7.520.129.432	111.219.805.621	630.493.335
TỔNG CỘNG	238.872.080.419	7.520.129.432	217.507.852.108	630.493.335

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế	1.406.951.433.680	(4.860.958.049)	1.056.989.217.578	(10.988.669.963)
Thành phẩm	1.032.834.555.113	(5.589.812.086)	1.034.973.945.606	(9.748.764.541)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	429.541.355.784	(5.085.538.788)	409.817.090.001	-
Hàng mua đang đi đường	337.630.200.379	-	152.162.309.944	-
Hàng hoá	29.797.157.298	(4.820.381.989)	33.662.332.112	-
Công cụ, dụng cụ	2.746.786.419	-	3.741.564.985	-
Hàng gửi bán	17.108.196.885	-	8.327.534.072	-
TỔNG CỘNG	3.256.609.685.558	(20.356.690.912)	2.699.673.994.298	(20.737.434.504)

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay và của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.737.434.504	21.098.922.611
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	19.046.255.443	18.622.747.750
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(19.426.999.035)	(18.984.235.857)
Số cuối năm	20.356.690.912	20.737.434.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	4.657.451.705.977	3.671.829.900.643	1.053.705.619.175	44.627.387.444	9.427.614.613.239
• Mua trong năm	1.446.233.399	58.628.484.916	81.847.376.808	2.238.798.011	144.160.893.134
• Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	210.748.193.105	571.447.559.209	37.139.359.618	217.300.000	819.552.411.932
• Phân loại lại	(1.585.612.914)	1.585.612.914	-	-	-
• Thanh lý, nhượng bán	-	(26.477.223.429)	(17.469.364.321)	(196.697.345)	(44.143.285.095)
• Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(9.412.448.014)	(1.009.326.341)	-	(4.376.798.273)	(14.798.572.628)
• Tăng, giảm khác	(128.861.409)	(939.792.245)	(84.815.000)	(75.972.706)	(1.229.441.360)
• Tăng do hợp nhất kinh doanh	146.430.649.951	276.163.668.715	4.396.572.753	1.075.348.353	428.066.239.772
• Giảm do thoái vốn tại công ty con	(520.042.470.236)	(114.948.082.997)	(940.546.461.373)	(6.741.660.931)	(1.582.278.675.537)
Số cuối năm	4.484.907.389.859	4.436.280.801.385	218.988.287.660	36.767.704.553	9.176.944.183.457
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	318.546.341.517	606.432.483.697	50.245.716.689	13.046.198.783	988.270.740.686
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.643.882.075.393	1.398.171.981.549	690.824.967.163	26.588.356.751	3.759.467.380.856
• Khấu hao trong năm	184.544.162.439	292.703.755.233	47.430.297.415	3.367.875.573	528.046.090.660
• Phân loại lại	(274.483.362)	274.483.362	-	-	-
• Thanh lý, nhượng bán	-	(8.836.343.441)	(15.168.302.586)	(160.990.242)	(24.165.636.269)
• Phân loại sang bất động sản đầu tư	(987.013.558)	(361.628.897)	-	(2.054.579.205)	(3.403.221.660)
• Giảm khác	(15.033.830)	(718.196.759)	(84.815.000)	(75.972.706)	(894.018.295)
• Tăng do hợp nhất kinh doanh	138.452.837.407	235.893.393.470	3.309.411.092	843.301.796	378.498.943.765
• Giảm do thoái vốn tại công ty con	(193.475.282.398)	(61.833.761.023)	(602.119.946.211)	(3.644.095.459)	(861.073.085.091)
Số cuối năm	1.772.127.262.091	1.855.293.683.494	124.191.611.873	24.863.896.508	3.776.476.453.966
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	3.013.569.630.584	2.273.657.919.094	362.880.652.012	18.039.030.693	5.668.147.232.383
Số cuối năm	2.712.780.127.768	2.580.987.117.891	94.796.675.787	11.903.808.045	5.400.467.729.491

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.593,88 tỷ VND như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mặt nước	Bản quyền, bằng sáng chế	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	147.936.479.652	384.184.174.786	244.481.111	-	15.623.145.281	547.988.280.830
• Mua trong năm	215.763.961	-	-	-	1.040.185.000	1.255.948.961
• Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	40.321.778.266	38.158.235.450	78.480.013.716
• Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	376.327.560	376.327.560
• Giảm do thoái vốn công ty con	(87.448.905.251)	-	-	-	(5.728.225.073)	(93.177.130.324)
• Thanh lý, nhượng bán	-	-	(244.481.111)	-	(1.480.807.676)	(1.725.288.787)
Số cuối năm	60.703.338.362	384.184.174.786	-	40.321.778.266	47.988.860.542	533.198.151.956
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	-	-	-	-	3.242.331.436	3.242.331.436
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	11.662.840.293	18.907.864.646	183.360.825	-	10.162.273.797	40.916.339.561
• Hao mòn trong năm	1.032.762.116	10.812.935.094	16.298.740	504.022.227	8.763.009.433	21.129.027.610
• Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	376.327.560	376.327.560
• Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(3.695.217.345)	(3.695.217.345)
• Thanh lý, nhượng bán	-	-	(199.659.565)	-	(1.480.807.676)	(1.680.467.241)
Số cuối năm	12.695.602.409	29.720.799.740	-	504.022.227	14.125.585.769	57.046.010.145
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	136.273.639.359	365.276.310.140	61.120.286	-	5.460.871.484	507.071.941.269
Số cuối năm	48.007.735.953	354.463.375.046	-	39.817.756.039	33.863.274.773	476.152.141.811

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 48 tỷ VND như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	179.830.838.201	101.586.313.683	281.417.151.884
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	9.412.448.014	5.386.124.614	14.798.572.628
Số cuối năm	189.243.286.215	106.972.438.297	296.215.724.512
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	4.414.872.669	4.414.872.669
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	19.909.952.125	42.679.186.275	62.589.138.400
Khấu hao trong năm	3.862.622.370	10.114.687.782	13.977.310.152
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	987.013.558	2.416.208.102	3.403.221.660
Số cuối năm	24.759.588.053	55.210.082.159	79.969.670.212
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	159.920.886.076	58.907.127.408	218.828.013.484
Số cuối năm	164.483.698.162	51.762.356.138	216.246.054.300

(*) Chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà GELEX Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà GELEX Tower tại địa chỉ số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê với giá trị còn lại là 230,35 tỷ VND), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.4.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	5.684.365.533.111	-	5.684.365.533.111	4.233.061.041.072	-	4.233.061.041.072
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	124.370.401.581	-	124.370.401.581	54.937.000.940	(10.172.312.950)	44.764.687.990
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	625.000.000	-	625.000.000	60.436.078.856	-	60.436.078.856
TỔNG CỘNG	5.809.360.934.692	-	5.809.360.934.692	4.348.434.120.868	(10.172.312.950)	4.338.261.807.918

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị tính: VND

Dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng	339.426.426.599	19.268.261.664
Dự án nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3	364.989.033.065	4.011.709.357
Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông	136.242.245.166	109.447.874.442
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.443.482.364	127.443.482.364
Dự án nhà máy sản xuất dây cáp điện tại Cadivi Miền Bắc	24.320.743.126	52.367.247.149
Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	16.537.868.285	20.963.350.069
Chi phí liên quan đến cấp phép chứng chỉ ASTA	-	42.662.785.190
Dự án nâng cấp cảng Long Bình	-	29.955.346.165
Dự án nâng cao năng lực sản xuất cáp trung thế ngầm tại Nhà máy Cadivi Sài Gòn	-	17.809.936.740
Dự án Cadivi Tower	46.086.431.855	3.583.024.215
Xây dựng cơ bản dở dang khác	76.541.365.068	98.524.073.106
TỔNG CỘNG	1.131.587.595.528	526.037.090.461

(*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m² tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cadivi, một công ty con của Tập đoàn, đã tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đa số tài sản hình thành từ các dự án đều được thế chấp cho khoản vay ngân hàng dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 22.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH SAS CTAMAD (*)	(i) 27,05	35,00	26,95%	35,00
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (iv) (**)	(i) 22,38	24,95	19,99	24,95
Tổng Công ty Viglacera – CTCP (v) (***)	46,07	46,07	24,96	24,96
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn (****)	25,47	25,47	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (ii)	-	-	20,25	20,25
Công ty Cổ phần MHC (iii)	-	-	12,60	23,00
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iv)	-	-	27,39	50,00
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iv)	-	-	27,39	50,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco - Eco 747) (iv)	-	-	22,65	49,00
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT) (iv)	-	-	17,10	37,00
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco - Sotrans (iv)	-	-	13,42	24,50
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser) (iv)	-	-	12,14	26,27
Công ty TNHH SCI Nghệ An (v)	-	-	49,00	49,00
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (vi)	-	-	45,00	36,35

(i) Đây là tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên kết này.

(ii) Trong năm, Tập đoàn đã bán 3.750.000 cổ phần tương ứng với 20,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai và ghi nhận một khoản lỗ từ giao dịch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Theo đó, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

(iii) Trong năm, Tập đoàn đã bán 9.523.148 cổ phần tương ứng với 23% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần MHC và ghi nhận một khoản lỗ từ giao dịch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Theo đó, Công ty Cổ phần MHC không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

(iv) Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty GELEX Logistics cho một đối tác doanh nghiệp. Theo đó, các công ty liên kết sau đây của Công ty GELEX Logistics không còn là công ty liên kết của Tập đoàn:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco - Eco 747);
- Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT);
- Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser).

(v) Trong năm, Tập đoàn đã bán 12.005.000 cổ phần tương ứng với 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần SCI và ghi nhận một khoản lỗ từ giao dịch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Theo đó, Công ty Cổ phần SCI Nghệ An không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

(vi) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

(*) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100112324 cấp ngày 25 tháng 10 năm 1994 và các Giấy phép Đầu tư, các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

(**) Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Sản xuất thiết bị điện, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 140/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103008085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 1 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Tổng Công ty này có trụ sở chính tại 189 Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất

máy biến áp truyền tải, máy biến áp trung gian, máy biến áp phân phối và thiết bị điện khác.

(***) Tổng Công ty Viglacera – CTCP tiền thân là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Sau đó, Tổng Công ty Viglacera được cổ phần hóa theo Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 2 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 7 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty Viglacera – CTCP là sản xuất sản phẩm kính, sứ vệ sinh, kinh doanh bất động sản, quản lý vận hành khu công nghiệp và xây lắp.

(****) Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn (“Công ty Long Sơn”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4303000409 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 9 tháng 8 năm 2007, sau này được đổi tên và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại lầu 3, tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là đầu tư và kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Tăng giá trị khoản đầu tư	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết trong năm	Các điều chỉnh khác	Cổ tức được chia trong năm	Thoái đầu tư	Chuyển thành công ty con	Số cuối năm
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP	495.980.961.571	-	35.383.425.897	5.585.211.041	(10.549.744.500)	-	-	526.399.854.009
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	345.402.903.975	-	3.016.304.235	-	-	(348.419.208.210)	-	-
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	293.562.954.572	-	6.759.196.835	-	(16.100.000.000)	-	-	284.222.151.407
Công ty TNHH SCI Nghệ An	145.749.620.699	-	(8.898.753.381)	-	-	(136.850.867.318)	-	-
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	154.394.140.947	-	240.850.949	-	(21.810.000.000)	-	(132.824.991.896)	-
Công ty Cổ phần MHC	109.313.910.853	-	(18.088.463.942)	-	-	(91.225.446.911)	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	9.976.232.119	-	(1.409.430)	-	-	(9.974.822.689)	-	-
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	9.939.366.454	-	(1.263.379)	-	-	(9.938.103.075)	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	3.176.723.860	-	12.033.904	-	-	(3.188.757.764)	-	-
Tổng Công ty Viglacera – CTCP (a)	2.405.947.450.344	2.226.336.159.553	164.631.438.724	(15.828.609.132)	(123.120.360.000)	-	-	4.657.966.079.489
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	259.616.775.678	-	9.839.471.626	(3.440.438.915)	(5.625.000.000)	(260.390.808.389)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn (b)	-	214.857.287.888	920.160.318	-	-	-	-	215.777.448.206
TỔNG CỘNG	4.233.061.041.072	2.441.193.447.441	193.812.992.356	(13.683.837.006)	(177.205.104.500)	(859.988.014.356)	(132.824.991.896)	5.684.365.533.111

a) Trong năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Tổng Công ty Viglacera – CTCP tại ngày mua và thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (chi tiết xem Thuyết minh số 38).

Tổng Công ty cũng đã thực hiện giao dịch mua thêm 94.610.460 cổ phiếu (tương đương với 21,1% vốn điều lệ) trong Tổng Công ty Viglacera – CTCP. Qua đó, Tập đoàn đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP từ 24,96% lên 46,07%.

(b) Trong năm, Tổng Công ty và Công ty GELEX Energy, một công ty con của Tổng Công ty, đã thực hiện mua 21.071.305 cổ phiếu (tương đương với 25,47% vốn điều lệ) trong Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn (“Công ty Long Sơn”). Qua đó, Công ty Long Sơn đã trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty liên kết này tại ngày mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

15.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Viwaco (*)	121.009.720.280	-	127.979.100.000	49.947.195.000	(10.172.312.950)	39.774.882.050
Các đơn vị khác	3.360.681.301	-	(**)	4.989.805.940	-	(**)
TỔNG CỘNG	124.370.401.581	-	54.937.000.940	(10.172.312.950)		

(*) Trong năm, Công ty Viwasupco, một công ty con của Tập đoàn, đã thực hiện giao dịch mua thêm 1.489.700 cổ phần tương ứng với 9,31% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viwaco ("Viwaco") với tổng giá phí là 76,9 tỷ VND. Theo đó, Công ty Viwasupco đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Viwaco lên 15,09% kể từ ngày 26 tháng 2 năm 2020.

(**) Do cổ phiếu của một số công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tập đoàn chưa thể thuyết minh giá trị hợp lý.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước liên quan đến trái phiếu phát hành	10.630.642.223	3.970.811.607
Chi phí sửa chữa và công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.432.766.553	8.337.063.139
Chi phí kiểm nghiệm	10.734.981.777	2.863.354.959
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.005.432.314	12.516.894.687
TỔNG CỘNG	38.803.822.867	27.688.124.392
Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước (*)	282.074.953.217	374.689.340.314
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án	59.077.425.114	60.334.391.610
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.686.972.763	37.259.952.354
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	16.487.902.113	14.603.995.488
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	10.608.541.684	11.142.164.848
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	22.692.460.274	14.848.078.021
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.791.319.388	18.202.913.794
TỔNG CỘNG	426.419.574.553	531.080.836.429

(*) Một số quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Sotrans	Công ty Phú Thạnh Mỹ	Công ty Vihem (*)	Công ty Viwasupco	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty Thibidi	Tổng cộng
Nguyên giá:							
Số đầu năm	506.460.632.541	70.494.847.878	25.224.721.413	504.004.198.650	166.685.653.795	32.629.220.995	1.305.499.275.272
Nhượng bán, thanh lý	(506.460.632.541)	-	-	-	-	-	(506.460.632.541)
Số cuối năm	-	70.494.847.878	25.224.721.413	504.004.198.650	166.685.653.795	32.629.220.995	799.038.642.731
Phân bổ lũy kế:							
Số đầu năm	139.276.673.949	19.973.540.233	6.306.180.353	88.200.734.764	16.668.565.380	9.788.766.300	280.214.460.979
Phân bổ trong năm	25.323.031.627	7.049.484.788	2.522.472.141	50.400.419.865	16.668.565.380	3.262.922.100	105.226.895.901
Nhượng bán, thanh lý	(164.599.705.576)	-	-	-	-	-	(164.599.705.576)
Số cuối năm	-	27.023.025.021	8.828.652.494	138.601.154.629	33.337.130.760	13.051.688.400	220.841.651.304
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	367.183.958.592	50.521.307.645	18.918.541.060	415.803.463.886	150.017.088.415	22.840.454.695	1.025.284.814.293
Số cuối năm	-	43.471.822.857	16.396.068.919	365.403.044.021	133.348.523.035	19.577.532.595	578.196.991.427

(*) Trong tháng 4 năm 2019, Công ty Vihem đã được sáp nhập vào Công ty HEM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

18.1 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả người bán	2.955.909.211.979	2.955.909.211.979	1.099.833.439.252	1.099.847.497.132
LS Nikko Cooper Inc (*)	2.060.986.873.312	2.060.986.873.312	101.425.278.187	101.425.278.187
Mitsui & Co., Ltd	99.827.162.013	99.827.162.013	220.751.172.787	220.751.172.787
Phải trả đối tượng khác	795.095.176.654	795.095.176.654	777.656.988.278	777.671.046.158
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)	8.606.526.446	8.606.526.446	33.052.432.203	33.038.374.323
TỔNG CỘNG	2.964.515.738.425	2.964.515.738.425	1.132.885.871.455	1.132.885.871.455
Dài hạn				
Phải trả cho người bán	-	-	22.352.450.000	22.352.450.000
Công ty Cổ phần Cơ điện và thiết bị điện Mechalex	-	-	22.352.450.000	22.352.450.000
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	72.620.064.000	72.620.064.000	22.345.000.000	22.345.000.000
TỔNG CỘNG	72.620.064.000	72.620.064.000	44.697.450.000	44.697.450.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số khoản phải trả Công ty LS-Nikko Copper Inc. về mua nguyên vật liệu có hình thức trả chậm có thời hạn 6 tháng, chịu mức lãi suất tiền USD bằng (Libor 6M+0,7%)/năm.

18.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	302.845.083.321	105.642.740.156
• Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	77.017.614.186	14.194.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	35.951.226.933	7.901.000.000
• Công ty Cổ phần SCI E&C	30.954.802.949	-
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	28.821.400.000	19.748.537.539
• Người mua trả tiền trước khác	130.100.039.253	63.799.202.617
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 34)	-	5.403.109.302
TỔNG CỘNG	302.845.083.321	111.045.849.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tăng/(giảm) do hợp nhất	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	37.444.110.001	789.304.142.487	(786.213.598.102)	(3.104.956.958)	37.429.697.428
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.429.158.757	211.129.650.283	(205.490.275.712)	(8.198.384.337)	64.870.148.991
Thuế thu nhập cá nhân	10.475.276.411	46.653.155.488	(51.750.835.589)	(640.283.810)	4.737.312.500
Tiền thuế đất	-	46.261.507.364	(31.484.656.970)	(14.776.850.394)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	24.851.231.252	54.927.202.577	(63.241.129.059)	-	16.537.304.770
TỔNG CỘNG	140.199.776.421	1.148.275.658.199	(1.138.180.495.432)	(26.720.475.499)	123.574.463.689

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay, phí trả nợ vay trước hạn	123.321.044.865	100.226.134.280
Chi phí liên quan đến trái phiếu phát hành	4.576.041.660	26.084.126.055
Phí thanh toán trả chậm, phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	8.664.886.454	11.679.546.204
Chi phí thưởng cho khách hàng	4.876.487.974	11.033.853.329
Chi phí phải trả khác	26.938.702.196	27.193.044.087
TỔNG CỘNG	168.377.163.149	176.216.703.955
Trong đó:		
• Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	3.576.733.333	951.126.714
• Chi phí phải trả các bên khác	164.800.429.816	175.265.577.241

21. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Số dư thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng (i)	2.538.563.480.447	1.537.410.577.715
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	30.188.621.038	53.034.442.737
Nhận đặt cọc thực hiện dự án	20.000.000.000	20.000.000.000
Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời	-	40.000.000.000
Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	39.940.000.000
Phải trả liên quan đến dịch vụ xuất khẩu lao động	-	15.168.354.687
Cổ tức phải trả	8.439.771.459	8.852.030.470
Khác	27.752.054.205	49.156.467.132
TỔNG CỘNG	2.624.943.927.149	1.763.561.872.741
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20.519.332.766	39.269.794.209
Khác	-	681.766.600
TỔNG CỘNG	20.519.332.766	39.951.560.809
Trong đó:		
• Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	-	40.000.000.000
• Phải trả các bên khác	2.645.463.259.915	1.763.513.433.550

(i) Liên quan tới nghiệp vụ mua nguyên vật liệu và thanh toán qua LC với ngân hàng, các thư tín dụng này được nhận nợ bằng USD có lãi suất từ 2,7%/năm đến 4,0%/năm, thư tín dụng cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 6 năm 2021. Các thư tín dụng được đảm bảo bằng các khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển và hàng hóa hình thành từ các thư tín dụng thuộc sở hữu của Tập đoàn.

(ii) Bao gồm chủ yếu là các khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 9,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số đầu năm		Giảm	Giảm do thoái vốn công ty con	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ	Tăng			Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giá trị, đồng thời là số có khả năng trả nợ	
Vay và nợ ngắn hạn								
Vay ngân hàng	22.1	2.664.495.069.166	14.605.947.716.076	(14.414.572.933.254)	(45.904.444.435)	308.570.272.035	3.118.535.679.588	
Vay từ đối tượng khác	22.3	137.758.938.780	1.961.266.245.367	(1.522.651.334.553)	(139.700.000.000)	-	436.673.849.594	
Trái phiếu ngắn hạn	22.4	199.872.777.781	127.222.219	(200.000.000.000)	-	-	-	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	22.4	806.093.393.481	553.144.973.452	(810.000.000.000)	-	-	549.238.366.933	
Vay dài hạn đến hạn trả	22.2	200.634.370.663	230.690.470.624	(196.529.559.023)	(10.733.938.096)	-	224.061.344.168	
TỔNG CỘNG		4.008.854.549.871	17.351.176.627.738	(17.143.753.826.830)	(196.338.382.531)	308.570.272.035	4.328.509.240.283	
Vay và nợ dài hạn								
Vay ngân hàng	22.2	1.729.331.127.961	483.043.252.089	(245.723.398.682)	(118.768.632.382)	-	1.847.882.348.986	
Trái phiếu	22.4	2.832.622.573.195	4.157.068.722.207	(1.085.362.149.739)	-	-	5.904.329.145.663	
TỔNG CỘNG		4.561.953.701.156	4.640.111.974.296	(1.331.085.548.421)	(118.768.632.382)	-	7.752.211.494.649	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ (TIẾP THEO)

22.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	420.898.828.219	Kỳ hạn vay không quá 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 3 năm 2021	1,5%-2,3%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	209.324.754.851	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 6 năm 2021	7,0%-7,7%	Hàng tồn kho và quyền thụ hưởng các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng bán hàng hóa của Tổng Công ty
	67.749.313.450	Kỳ hạn vay 12 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 5 năm 2021	7,2%-8%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty GELEX Electric
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	271.103.962.969	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2021	3,9%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa – Đồng Nai	219.371.856.949	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 5 năm 2021	4,8%-5,5%	Tài sản là một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty Thibidi
	85.539.307.169	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 19 tháng 6 năm 2021	4,5%-7,5%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty CFT
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	150.984.736.840	Kỳ hạn vay 5-6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 4 năm 2021	5,0%-5,5%	Tài sản cố định gắn liền với đất tại Tiên Du, Bắc Ninh của Công ty, máy móc thiết bị và Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Emic
	115.249.187.490	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 11 tháng 6 năm 2021	6,6%-7,9%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty GELEX Electric
	80.424.244.817	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 6 năm 2021	5,8%-7,6%	Hàng tồn kho và quyền thụ hưởng các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng bán hàng hóa của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	139.867.331.108	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 3 năm 2021	3,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	138.418.417.620	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 6 năm 2021	6,5%-7,0%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán máy biến áp, nguyên vật liệu và hợp đồng tiền gửi với giá trị 10 tỷ VND của Công ty MEE
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	196.985.087.946	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2021	3,5%-5,2%	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	132.480.479.816	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 2 năm 2021	3,0%-4,3%	Tín chấp

TỔNG QUAN VỀ GELEX

22. VAY VÀ NỢ (TIẾP THEO)

22.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	116.433.572.392	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2021	3%-5,85%	Tín chấp
Ngân hàng Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	115.463.765.052	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 2 năm 2021	2,2%-2,55%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Anh	101.004.645.715	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 6 năm 2021	6,8-7,8%	Một số máy móc, thiết bị, quyền phải thu và các hợp đồng tiền gửi với tổng giá trị 5,4 tỷ VND của Công ty MEE
	54.501.955.057	Kỳ hạn vay 5-6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 5 năm 2021	5,0%-5,3%	Quyền đòi nợ của Công ty Emic
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	89.409.296.414	Kỳ hạn vay 12 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 5 tháng 3 năm 2021	4,8%-5,8%	Quyền đòi nợ của Công ty Emic
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	73.300.000.000	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 3 tháng 2 năm 2021	2,5%-2,55%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	65.617.898.505	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 6 năm 2021	5,1%-6,2%	Tài sản là nhà máy, nhà xưởng của Công ty HEM
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Phòng Giao dịch Long Thành	59.148.010.000	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 17 tháng 3 năm 2021	4%	Tín chấp
Các ngân hàng khác	215.259.027.209	Kỳ hạn vay không quá 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2021	3,1%-7,5%	Tín chấp hoặc được đảm bảo bằng một số tài sản của Tập đoàn
TỔNG CỘNG	3.118.535.679.588			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ (TIẾP THEO)

22.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	725.464.823.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	6,9%-10%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	462.493.920.760	Gốc vay đáo hạn lần cuối vào tháng 11 năm 2036. Lãi và gốc vay trả hàng quý	7,9%-8,9%	Tài sản thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, Giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m3 và tài sản mua sử dụng cho Giai đoạn I Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây- Hòa Lạc- Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông với công suất 300.000 m3
Ngân hàng Standard Chartered - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	388.962.628.953	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 10 tháng 12 năm 2026. Lãi vay trả hàng quý	4,2%-7,95%	Tất cả các tài khoản thanh toán hiện tại và tương lai tại ngân hàng Standard Chartered và máy móc, nhà xưởng được tài trợ bởi khoản vay, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tòa nhà Cadivi Tower của Công ty Cadivi
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	135.455.000.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối năm 2027. Lãi vay trả hàng tháng	8,5%	Máy móc, thiết bị, quyền tài sản, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai của các Dự án Điện mái nhà, quyền đòi nợ từ EVN của Công ty GELEX Ninh Thuận và các công ty con
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	89.820.362.589	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 18 tháng 10 năm 2025. Lãi vay trả hàng tháng	8,12%	Quyền sử dụng đất đai tại đường số 2, Khu công nghiệp Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và máy móc thiết bị tại nhà máy Miền Trung của Công ty Cadivi
Các ngân hàng khác	269.746.957.852	Gốc vay đáo hạn lần cuối vào tháng 2 năm 2034. Lãi vay trả hàng tháng, quý hoặc 6 tháng một lần	8,5%-10,7%	Đảm bảo bằng một số tài sản của Tập đoàn
TỔNG CỘNG	2.071.943.693.154			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	224.061.344.168			
Vay dài hạn	1.847.882.348.986			

22.3 Các khoản vay từ đối tượng khác

Các khoản vay ngắn hạn đối tượng khác bao gồm:

- 391.783.509.594 VND là các khoản vay từ một số tổ chức doanh nghiệp có kỳ hạn dưới 12 tháng, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào 29 tháng 3 năm 2021, có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu nắm giữ bởi Tổng Công ty; và

- 44.890.340.000 VND là các khoản vay tín chấp từ cán bộ công nhân viên, công đoàn các công ty con có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm đến 9,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ (TIẾP THEO)

22.4 Trái phiếu phát hành

Đơn vị tính: VND

Đơn vị bảo lãnh/tư vấn phát hành	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX [trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán IB]	300.000.000.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Lãi suất cố định 10%, lãi trả 6 tháng/lần	8.900.000 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh thuộc sở hữu của Công ty Thibidi và bên thứ ba; 3.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Thibidi thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric
	400.000.000.000	Ngày 15 tháng 4 năm 2023	Lãi suất 9,5% cho 3 tháng đầu tiên và sau đó là lãi suất tham chiếu + 2,5%, lãi trả 6 tháng/lần	Tài sản thuộc tòa nhà GELEX 52 Lê Đại Hành và phần vốn góp trị giá 400 tỷ VND của Tổng Công ty trong Công ty Hạ tầng GELEX
	300.000.000.000	Ngày 13 tháng 5 năm 2023	Lãi suất cố định 9,5%, lãi trả 6 tháng/lần	13.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Viwasupco thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng GELEX
	440.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 3 năm 2022	Lãi suất 10,5% cho 3 tháng đầu tiên và sau đó lãi suất tham chiếu +3,5%, lãi trả 6 tháng/lần	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các lợi ích hợp pháp của phát sinh từ đất tại Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của Công ty Thibidi, 19.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric
	900.000.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2023	Lãi suất cố định 8%, lãi trả 6 tháng/lần	66.000.000 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Tổng Công ty
	650.000.000.000	Tháng 9 năm 2023	Lãi suất 9% cố định, lãi trả 6 tháng/lần	49.789.000 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric và Tổng Công ty
Quỹ Đầu tư và Đảm bảo tín dụng (Credit Guarantee and Investment Facility - CGIF)	1.150.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2029	Lãi suất cố định 6,95%, lãi trả 6 tháng/lần	18.200.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi và 18.000.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Thibidi thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	700.000.000.000	Ngày 29 tháng 5 năm 2023	Lãi suất cố định 6,5% hoặc 9% theo từng hợp đồng, lãi trả 6 tháng/lần	13.736.985 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric và 8.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Viwasupco thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng GELEX
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	350.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào ngày 13 tháng 7 năm 2023	Lãi suất cố định 10%, lãi trả 6 tháng/lần	4.100.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi và 14.000.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Thibidi thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric
	150.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn ngày 6 tháng 8 năm 2023	Lãi suất cố định 10%, lãi trả 6 tháng/lần	898.850 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric và 13.000.000 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	400.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 7 năm 2023	Lãi suất cố định 10%, trả lãi 6 tháng/lần	22.666.667 cổ phiếu phổ thông của Công ty Viwasupco thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng GELEX
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	381.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 9 năm 2021	Lãi suất 9,5%, lãi trả 6 tháng/lần	27.400.000 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric
Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital	400.000.000.000	Tháng 8 năm 2022	Lãi suất 9,8% (điều chỉnh 3 tháng/lần), lãi trả theo quý	29.684.916 cổ phiếu phổ thông của Công ty HEM, 2.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi và 14.000.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera - CTCP) thuộc sở hữu của Công ty GELEX Electric

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ (TIẾP THEO)

22.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Đơn vị bảo lãnh/tư vấn phát hành	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Chi phí phát hành trái phiếu	(67.432.487.404)			
TỔNG CỘNG	6.453.567.512.596			
Trong đó:				
• Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	549.238.366.933			
• Trái phiếu dài hạn	5.904.329.145.663			

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	58.277.225.841	55.746.190.786
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	3.101.380.000
Dự phòng chi phí phá dỡ, di dời nhà máy	14.547.500.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	3.415.800.511	-
TỔNG CỘNG	76.240.526.352	58.847.570.786
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	74.004.518.026	72.697.331.610
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.767.221.760	795.880.750
TỔNG CỘNG	80.771.739.786	73.493.212.360

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	33.503.307.190	55.007.978.764
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 26.1)	47.101.411.772	31.273.581.803
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(8.923.765.248)	-
Tặng khác	1.967.132.763	2.870.291.517
Sử dụng quỹ trong năm	(24.566.980.804)	(55.648.544.894)
Số cuối năm	49.081.105.673	33.503.307.190

25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê văn phòng	42.553.655.782	43.642.636.966
TỔNG CỘNG	42.553.655.782	43.642.636.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng (Trình bày lại)
Năm trước								
Số đầu năm	4.065.600.000.000	547.112.000.000	77.388.963.577	236.031.851	77.023.242.245	846.596.655.014	2.342.367.486.938	7.956.324.379.625
• Tăng vốn	180.000.000.000	66.457.000.000	-	-	-	-	-	246.457.000.000
• Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	636.840.000.000	(547.112.000.000)	-	-	-	(89.728.000.000)	-	-
• Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	603.171.362.635	217.784.539.635	820.955.902.270
• Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(171.605.669.729)	(171.605.669.729)
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(25.211.401.443)	(6.062.180.360)	(31.273.581.803)
• Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(1.230.568.961)	(1.407.417.705)	(2.637.986.666)
• Công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	70.199.970.000	-	-	(70.199.970.000)	-	-
• Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(103.961.187.259)	(143.096.375.338)	(247.057.562.597)
• Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con do sáp nhập	-	-	-	-	-	13.299.745.389	(13.299.745.389)	-
• Góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	8.403.000.000	8.403.000.000
• Bán một phần lợi ích cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(717.754.542)	65.618.704.542	64.900.950.000
• Công ty con mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(2.951.755.793)	(3.268.246.942)	(6.220.002.735)
• Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(236.031.851)	-	(21.792.700)	(25.051.091)	(282.875.642)
Số cuối năm	4.882.440.000.000	66.457.000.000	147.588.933.577	-	77.023.242.245	1.169.045.332.340	2.295.409.044.561	8.637.963.552.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng (Trình bày lại)
Năm nay								
Số đầu năm (Trình bày lại)	4.882.440.000.000	66.457.000.000	147.588.933.577	-	77.023.242.245	1.169.045.332.340	2.295.409.044.561	8.637.963.552.723
• Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	801.705.009.438	177.946.352.017	979.651.361.455
• Mua cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	(299.967.829.249)	-	-	-	(299.967.829.249)
• Bán cổ phiếu quỹ cho cán bộ, nhân viên (**)	-	(53.382.238.549)	-	196.969.838.549	-	-	-	143.587.600.000
• Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	-	-	(47.183.671.500)	(47.183.671.500)
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	-	-	(41.933.319.108)	(5.168.092.664)	(47.101.411.772)
• Thù lao HĐQT (***)	-	-	-	-	-	(601.585.783)	(841.414.217)	(1.443.000.000)
• Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(100.241.847.809)	(125.462.387.677)	(225.704.235.486)
• Góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	4.981.582	4.542.018.418	4.547.000.000
• Thoái vốn tại công ty con	-	-	(70.199.970.000)	-	(964.209.615)	71.164.179.615	(944.303.571.349)	(944.303.571.349)
• Tặng khác	-	-	-	-	-	904.059.247	7.739.211.673	8.643.270.920
Số cuối năm	4.882.440.000.000	13.074.761.451	77.388.963.577	(102.997.990.700)	76.059.032.630	1.900.046.809.522	1.362.677.489.262	8.208.689.065.742

(*) Thực hiện theo chủ trương phê duyệt tại Nghị quyết số 03/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

(**) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 04/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 53/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bán 12.000.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với giá 12.000 VND/cổ phiếu trong năm.

(***) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2020/GELEX-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, Tập đoàn đã trích thù lao Hội đồng Quản trị, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

26.2 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	488.244.000	488.244.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	488.244.000	488.244.000
Cổ phiếu phổ thông	488.244.000	488.244.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	6.274.950	-
Cổ phiếu phổ thông	6.274.950	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	481.969.050	488.244.000
Cổ phiếu phổ thông	481.969.050	488.244.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

26.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	4.882.440.000.000	4.065.600.000.000
Tăng vốn trong năm	-	816.840.000.000
Số cuối năm	4.882.440.000.000	4.882.440.000.000
Cổ tức đã công bố	-	-

26.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp	4.882.440.000.000	4.882.440.000.000	-	4.882.440.000.000	4.882.440.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	13.074.761.451	13.074.761.451	-	66.457.000.000	66.457.000.000	-
Cổ phiếu quỹ	(102.997.990.700)	(102.997.990.700)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	4.792.516.770.751	4.792.516.770.751	-	4.948.897.000.000	4.948.897.000.000	-

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	18.086.263.045.058	15.440.420.151.460
Trong đó:		
• Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	16.235.299.235.998	12.792.741.452.779
• Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	759.265.653.269	1.638.316.230.325
• Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	897.790.362.607	712.347.715.637
• Doanh thu khác	193.907.793.184	297.014.752.719
Các khoản giảm trừ doanh thu	(137.550.122.622)	(125.434.232.938)
• Chiết khấu thương mại	(129.530.341.426)	(119.824.025.975)
• Hàng bán bị trả lại	(8.019.781.196)	(5.610.206.963)
Doanh thu thuần	17.948.712.922.436	15.314.985.918.522
Trong đó:		
• Doanh thu đối với bên khác	16.899.368.186.979	14.757.477.853.717
• Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 34)	1.049.344.735.457	557.508.064.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (TIẾP THEO)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	93.728.437.971	127.965.937.058
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.470.160.100	119.490.198.500
Lãi kinh doanh chứng khoán	72.931.291.107	65.955.601.105
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	347.581.801.425	13.608.869.067
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.188.287.707	13.975.386.717
Lãi bán hàng trả chậm	17.812.407.927	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.709.589.041	-
TỔNG CỘNG	697.421.975.278	340.995.992.447

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	14.106.335.312.848	10.677.350.226.156
Giá vốn dịch vụ vận tải và kho vận cung cấp	607.824.912.639	1.277.229.290.017
Giá vốn sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	468.666.731.340	383.325.970.509
Giá vốn khác	138.696.099.620	238.097.273.614
TỔNG CỘNG	15.321.523.056.447	12.576.002.760.296

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay, trái phiếu	766.000.118.220	634.359.800.542
Phí UPAS, phí và lãi mua hàng trả chậm	153.765.584.446	130.942.227.063
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(7.492.937.006)	26.622.312.950
Chi phí bảo lãnh thanh toán, phí quản lý tài sản đảm bảo và tư vấn phát hành trái phiếu	78.827.258.232	20.091.290.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá	31.616.418.322	14.293.784.824
Lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty con (*)	13.076.257.283	-
Lãi ký quỹ	4.484.366.548	3.212.151.789
Lỗ kinh doanh chứng khoán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	73.388.308.720	2.628.369.988
Chi phí tài chính khác	6.255.127.916	6.223.169.281
TỔNG CỘNG	1.119.920.502.681	838.373.107.258

(*) Đây là khoản lỗ phát sinh do xác định giá trị hợp lý khoản đầu tư vào Công ty CFT nắm giữ trước ngày mua thành công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 4.2.

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	128.633.624.071	158.671.903.988
Chi phí khấu hao	8.126.653.227	7.281.779.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.851.743.554	154.847.842.159
Chi phí bán hàng khác	184.800.277.764	164.993.054.030
TỔNG CỘNG	470.412.298.616	485.794.579.998
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.433.054.787	7.967.211.884
Chi phí nhân công	270.100.167.460	304.396.895.955
Chi phí khấu hao	25.332.708.170	21.185.161.667
Tiền thuê đất và thuế, lệ phí khác	8.759.271.978	12.346.039.049
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	105.226.895.900	130.549.927.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.026.528.696	105.214.301.542
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	103.976.001.614	153.649.135.768
TỔNG CỘNG	640.854.628.605	735.308.673.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	75.510.099.329	21.537.107.316
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.815.170.532	8.686.668.491
Tiền phạt, bồi thường thu được	12.921.169.116	4.414.631.884
Hỗ trợ lãi suất	2.120.626.354	3.918.064.167
Lãi từ giao dịch mua công ty con (*)	38.844.888.312	-
Các khoản khác	19.808.245.015	4.517.742.774
Chi phí khác	11.025.161.423	84.435.927.150
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.969.409.736	149.723.321
Chi phí xử lý sự cố ô nhiễm nguồn nước	-	76.302.752.694
Các khoản phạt	2.823.754.327	2.787.118.381
Các khoản khác	4.231.997.360	5.196.332.754
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC	64.484.937.906	(62.898.819.834)

(*) Đây là lãi phát sinh từ giao dịch mua Công ty CFT, một công ty con mới trong năm của Tập đoàn (Thuyết minh số 4.2)

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	12.175.552.422.545	9.880.154.619.176
Chi phí nhân công	882.069.938.245	951.949.519.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	562.086.128.426	490.847.869.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.079.663.397.621	1.525.342.289.258
Chi phí khác	574.663.397.621	643.506.735.694
TỔNG CỘNG	15.274.035.284.458	13.491.801.032.849

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của một số công ty con như trình bày dưới đây, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Do đó, thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty Phú Thạnh Mỹ trong năm nay là 5% thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty Viwasupco được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2024), đồng thời miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Do đó, thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty Viwasupco trong năm nay là 5% thu nhập chịu thuế.

Theo Quyết định chủ trương đầu tư, Công ty GELEX Ninh Thuận có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu cung cấp điện (2019). Ngoài ra, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty GELEX Ninh Thuận đã có doanh thu tuy nhiên chưa có thu nhập chịu thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi, thuế suất thuế TNDN được áp dụng cho Công ty GELEX Ninh Thuận trong năm nay là 10% thu nhập chịu thuế.

Theo Quyết định chủ trương đầu tư, Công ty Hướng Phùng và Công ty GELEX Quảng Trị được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm đầu tiên các công ty này có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, đồng thời miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN áp dụng cho các công ty này trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Hướng Phùng và Công ty GELEX Quảng Trị vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án và chưa có hoạt động kinh doanh chính tại ngày lập báo cáo tài chính, thuế suất TNDN áp dụng trong năm nay là 20% thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty CFT được áp dụng thuế suất ưu đãi 15% trong thời hạn 30 năm tính từ khi dự án đi vào hoạt động (năm 1996), đồng thời miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ khi có lợi nhuận từ dự án (năm 2001). Do đó, thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty CFT trong năm nay là 15% thu nhập chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

33.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	213.818.909.481	265.582.452.783
Tiền thuế nộp thừa các năm trước được bù trừ trong năm nay	(4.633.877.060)	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	527.255.702	2.106.243.645
Chi phí/(thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	7.831.713.320	(17.691.493.734)
TỔNG CỘNG	217.544.001.443	249.997.202.694

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.197.195.362.898	1.070.953.104.964
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	239.439.072.580	214.190.620.993
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng được khấu trừ	31.710.092.010	45.249.623.185
Chi phí không được khấu trừ khác	11.958.931.968	13.688.898.557
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế	30.225.997.600	16.564.412.894
Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	8.213.923.140	10.383.384.997
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước theo quyết định thanh tra thuế	527.255.702	2.106.243.645
Tiền thuế nộp thừa các năm trước được bù trừ trong kỳ này (*)	(4.633.877.060)	-
Chi phí lãi vay (năm trước bị loại) được khấu trừ trong năm nay (**)	(7.914.065.872)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(26.494.032.020)	(23.891.793.500)
Thuế TNDN được miễn, giảm	(41.253.183.101)	(26.376.235.312)
Lỗ năm trước chuyển sang	(24.236.113.504)	(1.917.952.765)
Chi phí thuế TNDN	217.544.001.443	249.997.202.694

(*) Theo hướng dẫn tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 ("Nghị định 132") sửa đổi, bổ sung Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 và Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ liên quan đến việc xác định chi phí lãi vay được trừ khi tính thuế TNDN, Tổng Công ty và các công ty con đã ước tính số thuế nộp thừa trong các năm trước là 30,8 tỷ VND. Số tiền thuế nộp thừa này sẽ được bù trừ với số thuế phải nộp phát sinh từ năm 2020 đến hết năm 2024. Trong năm, công ty con của Tập đoàn đã bù trừ số thuế 4,4 tỷ VND tiền thuế nộp thừa với số thuế phải nộp trong năm, tuy nhiên, Tập đoàn chưa ghi nhận số dư phải thu còn lại (26,4 tỷ VND) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 do chưa thể ước tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai và số thuế TNDN phát sinh tương ứng để bù trừ với số tiền phải thu này.

(**) Đây là khoản chi phí lãi vay thuần đã bị loại trong kỳ tính thuế năm 2019 và được chuyển thành chi phí lãi vay thuần được trừ trong kỳ này theo hướng của Nghị định 132.

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện trong công ty liên kết	-	7.210.119.673	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	4.395.047.945	-	(519.112.669)	-
Trích lập các khoản dự phòng	5.263.598.233	11.431.538.821	(887.957.534)	7.921.944.040
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.514.301.538	11.668.881.919	(9.154.580.381)	11.559.395.953
Khác	-	413.701.163	24.203.995	(4.685.465.610)
	12.172.947.716	30.724.241.576		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	(136.935.268.307)	(166.002.099.305)	2.705.733.269	2.895.627.351
	(136.935.268.307)	(166.002.099.305)		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(7.831.713.320)	17.691.501.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

33.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty và một số công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty và một số công ty con có khoản lỗ tính thuế lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
2015 (*)	2020	64.845.670.399	(56.371.441.797)	(8.474.228.602)	-
2017 (*)	2022	101.880.200.003	(101.880.200.003)	-	-
2018 (*)	2023	1.900.416.433	-	-	1.900.416.433
2019 (*)	2024	205.827.443.445	(66.069.807.575)	-	139.757.635.870
2020 (*)	2025	86.754.614.592	-	-	86.754.614.592
TỔNG CỘNG		461.208.344.872	(224.321.449.375)	(8.474.228.602)	228.412.666.895

(*) Khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty và một số công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty và một số công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Chi phí lãi vay thuần chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty và một số công ty con được phép chuyển khoản chi phí lãi vay thuần đã bị loại trong kỳ tính thuế từ năm 2019 thành chi phí lãi vay thuần được trừ trong 5 năm kể từ sau năm phát sinh theo hướng dẫn của Nghị định 132.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay thuần bị loại này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	Công ty liên kết tới ngày 28 tháng 8 năm 2020	Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ	888.277.334.669	44.491.818.835
		Mua hàng hóa, dịch vụ	62.689.427.484	752.204.428.909
		Cổ tức nhận được	21.810.000.000	-
		Lãi bán hàng trả chậm	4.270.055.164	-
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.100.000.000	64.400.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.269.000.000	1.269.000.000
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	223.233.426.770	178.669.976.382
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.118.497.893	52.641.700.984
		Cổ tức nhận được	10.549.744.500	10.549.744.500
Công ty Liên Doan Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết tới ngày 30 tháng 6 năm 2020	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.530.958.173	47.397.401.950
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	47.360.000.000
Tổng Công ty Viglacera – CTCP	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	123.120.360.000	111.927.600.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết tới ngày 13 tháng 5 năm 2020	Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.625.000.000	6.250.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	35.741.568.363	44.187.551.639
		Mua trái phiếu kinh doanh	28.545.194.524	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán IB")	Bên liên quan khác	Mua trái phiếu kinh doanh	1.199.640.246.949	391.667.161.585
		Bán trái phiếu kinh doanh	1.596.410.799.691	616.786.326.435
		Tất toán mệnh giá trái phiếu	-	75.000.000.000
		Mua dịch vụ	29.827.263.220	1.791.000.614
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.849.148.339	3.085.455.116
		Lãi trái phiếu đã nhận	-	4.040.854.311
Công ty Cổ phần Viwaco	Cùng thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 3 năm 2020	Doanh thu cung cấp nước sạch	52.533.998.886	366.926.227.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Năm nay, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Viwaco	Cùng thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 3 năm 2020	Doanh thu nước sạch	-	69.110.274.359
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	51.558.885.338
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.104.052.802	494.968.397
Các bên liên quan khác		Khác	-	11.234.833.581
TỔNG CỘNG			11.104.052.802	132.398.961.675
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18.1)				
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết tới ngày 28 tháng 8 năm 2020	Mua hàng hóa	-	32.149.858.433
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	8.442.267.978	870.142.070
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Mua dịch vụ	164.258.468	32.431.700
TỔNG CỘNG			8.606.526.446	33.052.432.203
Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh số 18.1)				
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Mua vật tư, thiết bị	72.620.064.000	22.345.000.000
TỔNG CỘNG			72.620.064.000	22.345.000.000

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 18.2)				
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Trả trước tiền mua hàng	-	5.403.109.302
TỔNG CỘNG			-	5.403.109.302
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (“trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán IB”)	Bên liên quan khác	Phí dịch vụ	3.576.733.333	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên kết tới ngày 28 tháng 8 năm 2020	Tiền thuê đất trả hộ	-	951.125.714
TỔNG CỘNG			3.576.733.333	951.125.714
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên kết tới 30 tháng 6 năm 2020	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ đi dờ	-	40.000.000.000
TỔNG CỘNG			-	40.000.000.000

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty:

Thù lao Hội đồng quản trị:

Đơn vị tính: VND

STT	Họ tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
1	Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch từ ngày 20 tháng 8 năm 2020	1.165.000.000	240.000.000
2	Nguyễn Trọng Tiểu	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
3	Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch từ ngày 20 tháng 8 năm 2020	1.250.000.000	-
4	Lương Thanh Tùng	Phó Chủ tịch từ ngày 20 tháng 8 năm 2020	140.000.000	-
5	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch đến ngày 19 tháng 8 năm 2020	275.000.000	300.000.000
6	Võ Anh Linh	Thành viên	2.040.000.000	1.440.000.000
7	Đỗ Thị Phương Lan	Phó Chủ tịch đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	120.000.000	240.000.000
8	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	120.000.000	240.000.000
9	Phạm Tuấn Anh	Người phụ trách quản trị Công ty	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG (*)			5.410.000.000	2.760.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

STT	Họ tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	2.312.979.475	2.272.227.111
TỔNG CỘNG			2.312.979.475	2.272.227.111

Trong năm, Tổng Công ty đã bán 7.000.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như trình bày ở Thuyết minh số 26.1 cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc với tổng giá trị là 84 tỷ VND.

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

Chức danh	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	801.705.009.438	603.171.362.635
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	(42.534.904.891)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	801.705.009.438	560.636.457.744
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	476.747.304	478.659.617
Ảnh hưởng suy giảm	-	3.703.704
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	476.747.304	482.363.321
Lãi trên cổ phiếu		
• Lãi cơ bản	1.682	1.171
• Lãi suy giảm	1.682	1.162

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận;
- Sản xuất và kinh doanh mangan năng lượng bao gồm sản xuất điện và cung cấp nước;
- Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu	16.097.749.113.376	759.265.653.269	897.790.362.607	193.907.793.184	-	17.948.712.922.436
Kết quả						
• Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.991.413.800.528	151.440.740.630	429.123.631.267	55.211.693.564	-	2.627.189.865.989
• Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						(1.429.994.503.091)
• Lợi nhuận thuần trước thuế						1.197.195.362.898
• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(217.544.001.443)
Lợi nhuận thuần sau thuế						979.651.361.455
Tài sản và công nợ						
• Tài sản bộ phận	8.987.244.961.220	-	5.675.474.564.710	369.143.548.994	-	15.031.863.074.924
• Tài sản không phân bổ (*)						12.120.229.584.784
Tổng tài sản						27.152.092.659.708
• Công nợ bộ phận	12.190.466.467.644	-	3.198.451.749.727	49.576.518.050	-	15.438.494.735.421
• Công nợ không phân bổ (*)						3.498.411.297.402
Tổng công nợ						18.936.906.032.823
Các thông tin bộ phận khác						
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	356.612.004.665	101.177.232.069	1.129.750.531.564	61.460.004.512	-	1.648.999.772.810
• Tài sản cố định hữu hình	276.946.041.988	101.177.232.069	1.129.750.531.564	61.390.004.512	-	1.569.263.810.133
• Tài sản cố định vô hình	79.665.962.677	-	-	70.000.000	-	79.735.962.677
Khấu hao	222.144.415.626	41.599.191.059	259.798.407.358	18.481.386.769	-	542.023.400.812
Hao mòn	10.372.131.250	325.755.634	10.415.585.175	15.555.552	-	21.129.027.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (Trình bày lại)						
Doanh thu	12.667.307.219.841	1.638.316.230.325	712.347.715.637	297.014.752.719	-	15.314.985.918.522
Kết quả						
• Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.989.956.993.685	361.086.940.308	329.021.745.128	58.917.479.105	-	2.738.983.158.226
• Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						(1.668.030.053.262)
• Lợi nhuận thuần trước thuế						1.070.953.104.964
• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(249.997.202.694)
Lợi nhuận thuần sau thuế						820.955.902.270
Tài sản và công nợ						
• Tài sản bộ phận	5.826.545.960.128	1.496.562.223.181	4.073.864.129.182	226.740.927.798	-	11.623.713.240.289
• Tài sản không phân bổ (*)						9.606.691.619.288
Tổng tài sản						21.230.404.859.577
• Công nợ bộ phận	7.217.264.832.841	349.790.354.966	1.596.951.947.055	43.677.205.351	-	9.207.684.340.213
• Công nợ không phân bổ (*)						3.377.193.105.502
Tổng công nợ						12.584.877.445.715
Các thông tin bộ phận khác						
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	473.096.190.995	91.817.464.874	1.104.124.783.445	-	-	1.669.038.439.314
• Tài sản cố định hữu hình	472.307.644.995	89.847.064.874	1.104.089.501.445	-	-	1.666.244.211.314
• Tài sản cố định vô hình	788.546.000	1.970.400.000	35.282.000	-	-	2.794.228.000
Khấu hao	173.794.288.608	72.519.313.607	211.955.378.778	20.504.655.264	-	478.773.636.257
Hao mòn	1.789.276.582	565.620.424	10.783.391.556	2.244.644	-	13.140.533.206

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản trái phiếu phát hành và một số khoản phải trả khác.

(**) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê cơ sở hạ tầng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	43.157.749.993	103.830.344.260
Trên 1 – 5 năm	159.958.335.998	189.063.143.444
Trên 5 năm	1.206.174.704.198	267.624.054.253
TỔNG CỘNG	1.409.290.790.189	560.517.541.957

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng và nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	59.479.661.461	49.336.081.120
Trên 1 - 5 năm	104.232.165.801	87.814.225.844
Trên 5 năm	42.098.690.915	61.504.667.679
TỔNG CỘNG	205.810.518.177	198.654.974.643

Quyền tài sản

Tổng Công ty được duy trì quyền tài sản đối với một số khu đất thuộc quản lý và sử dụng bởi một số công ty con của Công ty GELEX Logistics cho mục đích phát triển dự án trong tương lai.

38. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc xác định lại giá trị hợp lý (tại ngày mua) của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của một công ty liên kết mà Tập đoàn mua trong năm 2019 (mà báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 trước đây đã ghi nhận theo phương pháp kế toán tạm thời tại ngày mua) theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Tập đoàn đã xác định ảnh hưởng của việc đánh giá lại giá trị hợp lý và điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Đầu tư vào công ty liên kết	4.264.571.809.545	(31.510.768.473)	4.233.061.041.072
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	628.834.984.394	(31.510.768.473)	597.324.215.921

Đơn vị tính: VND

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	144.859.903.247	(31.510.768.473)	113.349.134.774
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.165.362.693.271	(31.510.768.473)	1.133.851.924.798
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.102.463.873.437	(31.510.768.473)	1.070.953.104.964
Lợi nhuận sau thuế TNDN	852.466.670.743	(31.510.768.473)	820.955.902.270
Trong đó:			
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	634.682.131.108	(31.510.768.473)	603.171.362.635

Đơn vị tính: VND

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (trình bày lại)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Lợi nhuận trước thuế	1.102.463.873.437	(31.510.768.473)	1.070.953.104.964
Lãi từ hoạt động đầu tư	(414.441.040.054)	31.510.768.473	(382.930.271.581)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 03/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2021 và Nghị quyết số 07/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ thực hiện tăng vốn với số tiền 3.515 tỷ VND để phục vụ triển khai các dự án đầu tư và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

Theo Nghị quyết số 05/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ. Theo đó, Tổng Công ty sẽ chào bán toàn bộ 6.274.950 cổ phiếu quỹ đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và dự kiến hoàn thành giao dịch trong quý 2 năm 2021.

Theo Nghị quyết số 06/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua phương án mua thêm cổ phiếu của Tổng Công ty Viglacera – CTCP để sở hữu chi phối công ty này.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Nguyễn Thị Nga

Người lập

Phạm Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Phụ trách nội dung Báo cáo thường niên:
Bộ phận IR – Tổng Công ty
Thiết bị điện Việt Nam GELEX

GELEX

Đóng góp xây dựng
nội dung và cấu trúc:
Công ty CP Chứng khoán SSI

SSI

Tư vấn thiết kế:
Công ty TNHH
Tư vấn NDH

NDHconsulting



GELEX

Sức mạnh đến từ Uy tín

Trụ sở chính: 52 Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 24 3972 6245/46

Fax: +84 24 3972 6282

Email: gelex@gelex.vn